

TSONGKHAPA

TRUNG LUẬN VỀ GIAI TRÌNH CỦA ĐẠO GIÁC NGỘ
(ĐẠI CƯƠNG)

༄༅། །ལམ་རིམ་འགྲིང་པ།



རྗེ་ཙོང་ཁ་བ་སྟོན་བཟང་བླགས་པ།

Đại cương bổ sung: Trijang Rinpoche

Anh dịch: Philip Quarcoo

Bản phác thảo cuối cùng
Tháng 5 năm 2012

*Việt dịch: Diệu Hải
Bodhgaya, 25, Nov. 2012*

FPMT, Inc.

Bản quyền:

Không có một phần nào của tác phẩm này có thể được quyền sao chép dưới bất cứ hình thức nào hoặc bất cứ phương tiện nào, điện tử hay máy móc, bao gồm cả photocopy, ghi âm hoặc bất kỳ công nghệ hoặc hệ thống lưu trữ và phục hồi thông tin nào được biết đến trong hiện tại hay sẽ phát triển về sau mà không có sự cho phép bằng văn bản từ FPMT, Inc.

Lưu ý: bản dịch này chứa cả hai đại cương từ “Trung luận về Giai trình của Đạo Giác Ngộ” của ngài Tsongkhapa và phần Đại cương phụ thêm vào sau đó của ngài Trijang Rinpoche để cho phù hợp với nguyên bản Tây tạng được xuất bản bởi Công trình Điện toán Sera Je, Đại học Tu viện, Bylakuppe, 1999. Đại cương của ngài Trijang Rinpoche thì in chữ nhỏ hơn, những con số của Đại cương đã được chỉnh sửa và được thêm vào bởi Joan Nicell, Istituto Lama Tzong Khapa, Pomaia, Italy. Các con số trong ngoặc vuông [] tương ứng với các trang của phiên bản đặc biệt của nguyên bản Tây Tạng.



TRUNG LUẬN VỀ GIAI TRÌNH CỦA ĐẠO GIÁC NGỘ ĐƯỢC THỰC HÀNH BỞI BA HẠNG CHÚNG SANH

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

Đây là phần trung luận của bộ sách gồm ba quyển: Thượng, Trung và Hạ về Giai trình của Đạo Giác Ngộ được bậc Hộ Pháp từ hòa, bậc Pháp Vương, Đại Tsonghapa trước tác, mặc dù nó cũng được biết đến rộng rãi như là: “Những giai đoạn nhỏ của Đạo lộ (giải thoát)”. Luận này gồm 3 phần:

1. Các yếu tố khởi đầu
2. Phần luận giải thực tiễn
3. Kết thúc của phần luận giải (hồi hướng)

1. Các yếu tố khởi đầu

- A. Kính lễ
- B. Phát nguyện biên soạn luận giải này
- C. Xác minh về Pháp cần được giải thích trong ngữ cảnh mà tiêu đề bao hàm ý nghĩa ấy.

Giới thiệu khái quát về những lời huấn thị được giảng dạy ở đây

2. Phần luận giải thực tiễn

- A. Sự tương đồng với cách giải thích được các bậc học giả đề xuất
- B. Sự luận giải phù hợp cách giải thích ấy

1. Trình bày sự vĩ đại của tác giả để cho thấy rằng những lời dạy có một xuất xứ đáng tin cậy
2. Trình bày sự vĩ đại của giáo lý để làm phát khởi tâm kính trọng đối với những lời huấn thị
3. Các giáo lý hội đủ hai đặc tính vĩ đại ấy cần phải được lắng nghe và giảng giải như thế nào
4. Các giai đoạn mà người học trò cần phải được hướng dẫn thông qua những lời huấn thị thực tiễn ấy

Chứng minh giá trị cao quý của tác giả để cho thấy rằng những lời dạy có một xuất xứ đáng tin cậy

2B1B. Giá trị cao quý của ngài Atisa

1. Atisa đã ra đời trong một gia đình tuyệt vời
2. Atisa đã thành tựu những phẩm hạnh cao quý của mình như thế nào dựa trên nền tảng (gia đình tuyệt vời) ấy
3. Thành tựu được những phẩm hạnh ấy, làm thế nào Atisa đã thực thi được những hạnh nguyện vì lợi ích của giáo pháp

2B1B-2. Atisa đã thành tựu những phẩm hạnh cao quý của mình

- A. Atisa đạt được tài năng lĩnh hội kiến thức kinh điển một cách toàn diện
- B. Atisa có được đặc tính liễu ngộ được từ sự thực hành đúng đắn

2B1B-2A. Atisa đạt được tài năng lĩnh hội kiến thức kinh điển một cách toàn diện

- 1. Atisa đã học các lĩnh vực về kiến thức tổng quát
- 2. Atisa đã học về Mật tông
- 3. Atisa đã được xuất gia và được học về những bộ sưu tập về kiến thức tâm linh

2B1B-2B. Làm thế nào Atisa có được đặc tính liễu ngộ được những thành tựu chính xác của nó (kiến thức lĩnh hội ấy)

- 1. Tất cả các đặc tính của sự chứng ngộ được hàm chứa trong ba sự rèn luyện (giới, định, tuệ)
- 2. Phương pháp hoàn thiện ba sự rèn luyện của Atisa

2B1B-2B2. Phương pháp hoàn thiện ba sự rèn luyện của Atisa

- A. Những thành tựu của Atisa trong sự rèn luyện giới luật
- B. Những thành tựu của Atisa trong sự tu tập thiền định
- C. Những thành tựu của Atisa trong sự rèn luyện trí tuệ

2B1B-2B2A. Những thành tựu của Atisa trong sự rèn luyện giới luật

- 1. Sự chuyển tiếp về giới luật
- 2. Atisa đã thực sự được hoàn thiện về giới luật
- 3. Sự giữ gìn trọn vẹn về giới luật

2B1B-2B2A-2. Atisa đã thực sự được hoàn thiện về giới luật

- 1. Atisa đã giữ gìn những giới nguyện tối cao về biệt giải thoát
- 2. Atisa giữ gìn Bồ Tát Giới
- 3. Atisa giữ gìn các giới nguyện Kim Cương thừa

2B1B-2B2B. Những thành tựu của Atisa trong sự tu tập thiền định

- 1. Thông thường
- 2. Siêu việt

2B1B-2B2C. Những thành tựu của Atisa trong sự rèn luyện trí tuệ

- 1. Thông thường
- 2. Siêu việt

2B1B-3. Đạt được những phẩm hạnh cao quý ấy, các hành trạng Atisa đã thực hiện vì lợi ích của Giáo pháp

- A. Các hành trạng tại Ấn độ
- B. Các hành trạng ở Tây tạng

2B1B-3B. Các hành trạng ở Tây tạng

1. Làm sáng tỏ những quan niệm sai lầm về Giáo pháp và khôi phục lại truyền thống
2. Xác định ba nguyên nhân xuất sắc trong việc sáng tác các luận giải
3. Vì Atisa hội đủ ba nguyên nhân này, tài năng của Ngài xác định được những mục tiêu của Bậc Tối Thắng
4. Những phẩm hạnh đặc biệt của các vị đệ tử của ngài

2B1B-3B3. Vì Atisa hội đủ ba nguyên nhân này, tài năng của Ngài xác định được những mục tiêu của Bậc Tối Thắng

- A. Được che chở bởi các vị thân bảo hộ
- B. Các dòng truyền thừa của Atisa không bị gián đoạn
- C. Thực tế là Atisa đã được học về năm lĩnh vực kiến thức (*ngũ minh*)

2B1B-3B4. Những phẩm hạnh đặc biệt của các vị đệ tử của ngài

- A. Các đệ tử của Atisa ở Ấn độ, Ngari và Tây tạng
- B. Đệ tử lỗi lạc của Atisa

Chứng minh sự vĩ đại của Giáo pháp để làm phát khởi tâm kính trọng đối với những lời huấn thị

2B2. Chứng minh sự vĩ đại của Giáo pháp để làm phát khởi tâm kính trọng đối với những lời huấn thị

- A. Xác minh giáo pháp
- B. Chứng minh bản luận giải này như sự hội tụ đủ của ba tính chất: hoàn chỉnh, dễ áp dụng, hệ thống cao quý một cách đặc biệt
- C. Chứng minh bản luận giải này như sự hội tụ của bốn giá trị cao quý

2B2C. Chứng minh bản luận giải này như sự hội tụ của bốn giá trị cao quý

1. Giá trị cao quý của sự liễu tri tất cả giáo lý là không mâu thuẫn
2. Giá trị cao quý của tất cả lời Phật dạy đến với bạn như những lời hướng dẫn
3. Giá trị cao quý cho phép bạn dễ dàng tìm thấy những mục tiêu của Bậc Tối Thắng
4. Giá trị cao quý khiến một hành động xấu ác sẽ tự nó dừng lại

2B2C-1. Giá trị cao quý của sự liễu tri tất cả giáo lý là không mâu thuẫn

- A. Xác minh giáo pháp
- B. Tất cả giáo pháp được công nhận không mâu thuẫn
- C. Nó được chứng minh như thế nào thông qua kinh điển và luận lý học rằng sẽ là mâu thuẫn nếu không chấp nhận điều này
- D. Thiết lập rằng các giáo pháp không mâu thuẫn
- E. Làm sáng tỏ những điểm nghi ngờ

2B2C-2. Giá trị cao quý của tất cả lời Phật dạy đến với bạn như những lời hướng dẫn

- A. Sự khác biệt giữa cách cư xử thanh tịnh và nhiệm ô trong nhận thức
- B. Tất cả giáo lý của Đức Phật được xem như những lời dạy hữu ích như thế nào
- C. Sự chỉ dẫn của thiên quán như một phương tiện làm cho tất cả giáo lý xuất hiện như những sự hướng dẫn để thực hành

2B2C-3. Giá trị cao quý cho phép bạn dễ dàng tìm thấy những mục tiêu của Bậc Tối Thắng

- A. Đối với người sơ cơ, những mục tiêu của Bậc Tối Thắng sẽ không dễ dàng tìm thấy nếu không có sự hướng dẫn khẩu truyền của một bậc Tôn Sư
- B. Mục tiêu của Bậc Tối Thắng được tìm thấy thông qua sự hướng dẫn khẩu truyền của một bậc Tôn Sư

2B2C-4. Giá trị cao quý khiến một hành động xấu ác sẽ tự nó dừng lại

- A. Cho thấy rằng sự từ bỏ giáo pháp là hành động xấu ác lớn nhất
- B. Khi có sự liêu ngộ giữa hai giá trị cao quý đầu tiên thì hành động xấu ác tự nó sẽ dừng lại
- C. Bạn nên đến để nhận biết chắc chắn như vậy từ Kinh Hoa Sen Trắng và các bản kinh khác

**Lý giải về phương cách nên lắng nghe và giảng giải
giáo pháp hội tụ đủ hai giá trị cao quý này**

2B3. Giáo pháp hội tụ đủ hai giá trị cao cả này (*giá trị cao cả của tác giả và của giáo pháp*) cần phải được lắng nghe và giảng giải như thế nào

- A. Phương cách lắng nghe
- B. Phương cách giảng giải
- C. Phương thức tiến hành khái quát khi kết thúc (*một thời giảng và nghe pháp*)

2B3A. Phương cách lắng nghe

- 1. Suy tư về những lợi ích của việc nghe pháp
- 2. Phát triển tâm cung kính đối với Pháp và các bậc Thầy giảng Pháp
- 3. Phương pháp thực sự lắng nghe

2B3A-3. Phương pháp thực sự lắng nghe

- A. Trình bày phương pháp để lắng nghe một cách khái quát
- B. Phương pháp mà nhờ đó vấn đề này có liên quan đến tâm trí của bạn và nó cần được lắng nghe
- C. Làm thế nào để khắc ghi trong tâm mục đích của sự thành tựu

2B3A-3A. Trình bày phương pháp để lắng nghe một cách khái quát

- 1. Từ bỏ ba khuyết điểm của chiếc bình chứa
- 2. Dựa vào sáu khả năng nhận thức

2B3A-3A2. Dựa vào sáu khả năng nhận thức

- A. Suy tư về khả năng nhận thức chính mình như một bệnh nhân
- B. Suy tư về khả năng nhận thức bậc Thầy giảng Pháp như là một vị lương y
- C. Phát khởi khả năng nhận thức về những lời giáo huấn như một phương thuốc hay
- D. Phát khởi khả năng nhận thức về sự tinh tấn thực hành như một phương pháp để chữa lành bệnh
- E. Suy tư về khả năng nhận thức các đấng Như Lai là những bậc đáng tôn kính
- F. Khởi tâm mong cầu cho Đạo pháp mãi trường tồn

2B3A-3A2D. Phát khởi khả năng nhận thức về sự kiên trì thực hành như một phương pháp để chữa lành bệnh

- 1. Xem thường sự nỗ lực chỉ bằng lời nói suông mà không có sự thực hành
- 2. Tầm quan trọng của sự nhận thức về chính mình như một bệnh nhân
- 3. Sự hướng dẫn để hành trì một cách hợp lý, liễu tri được ý nghĩa của từ “tinh tấn”

2B3B. Phương cách giảng giải

- 1. Suy tư về những lợi ích của việc giảng giải Phật pháp
- 2. Khởi lòng tôn kính đối với bậc Đạo sư và Giáo pháp
- 3. Với thái độ và những hành động nào để giảng Pháp
- 4. Phân biệt giữa những người nên và không nên giảng Pháp

2B3B-3. Với thái độ và các hành động nào để giảng Pháp

- A. Thái độ
- B. Các hành động

2B3C. Phương thức tiến hành khái quát khi kết thúc (*một thời giảng và nghe pháp*)

- 1. Phải làm gì sau đó – những điều thực tế cần làm
- 2. Những lợi ích của việc này
- 3. Phương thức chung về cách cư xử của các bậc thánh thiện
- 4. Lời khuyên về sự trân quý đối với giáo pháp, bởi lẽ từ bỏ pháp là một lỗi lầm hết sức nghiêm trọng

Lý giải về giai trình mà một tu sinh cần được hướng dẫn bằng những lời dạy thực tiễn

2B4. Các giai trình mà một tu sinh cần được hướng dẫn bằng những lời dạy thực tiễn

- A. Nguồn gốc của đạo lộ: nương tựa vào vị Thầy tâm linh
- B. Các giai trình của sự luyện tâm một khi mà bạn đã nương tựa vào vị Thầy tâm linh

NƯỞNG TỰA VÀO VỊ THẦY TÂM LINH

2B4A. Nền tảng của con đường tu tập: nương tựa vào vị Thầy tâm linh

- 1. Sự giải thích tương đối cận kề để làm phát khởi niềm tin chắc chắn

2. Sự trình bày cô đọng về phương pháp duy trì thiền định

2B4A-1. Sự giải thích tương đối cần kễ để làm phát khởi niềm tin chắc chắn

- A. Cần phải nương tựa vào vị Thầy tâm linh bởi vì tất cả những phẩm chất cao quý đều phụ thuộc vào ngài
- B. Phương pháp thực tiễn để nương tựa vào vị Thầy tâm linh

2B4A-1B. Phương pháp thực tiễn để nương tựa vào vị Thầy tâm linh

- 1. Đặc điểm của người Thầy nên nương tựa vào - một người bạn tâm linh có đạo hạnh
- 2. Đặc điểm của người nương tựa - một tu sinh
- 3. Phương pháp mà người tu sinh nương tựa vào người bạn tâm linh có đạo hạnh của mình
- 4. Những điều lợi ích của sự nương tựa
- 5. Những điều bất lợi của sự không nương tựa
- 6. Tóm tắt ý nghĩa của những điểm này

2B4A-1B1. Đặc điểm của người Thầy nên nương tựa vào - một người bạn tâm linh đạo hạnh

- A. Sự nhận biết về một bậc Đạo sư
- B. Những đặc tính của một bậc Đạo sư

2B4A-1B1B. Những đặc tính của một bậc Đạo sư

- 1. Những đặc tính cao cả
- 2. Những đặc tính trung bình
- 3. Những đặc tính tối thiểu

2B4A-1B1B-1. Những đặc tính cao cả

- 1. Những phẩm hạnh cao quý mà vị Đạo sư cần cho chính mình
- 2. Những phẩm hạnh cao quý cần thiết cho phúc lợi của tha nhân

2B4A-1B1B-3. Những đặc tính tối thiểu

- A. Điểm tối thiểu thực tế của các đặc tính
- B. Tính thiết thực của sự giao tiếp với các đặc tính

2B4A-1B2. Sự giải thích các đặc điểm của người nương tựa - một người tu sinh

- A. Những lỗi lầm của người không hội đủ năm phẩm hạnh và những lợi ích của người có các phẩm hạnh ấy
- B. Giải thích các chi tiết cụ thể về các đặc tính khác nhau
- C. Chi tiết cụ thể về việc đạt được những điều kiện thuận lợi và loại bỏ những điều kiện bất lợi đối với sự hội đủ bốn đặc tính
- D. Cần phải nỗ lực về những đặc tính ấy

2B4A-1B3. Phương pháp mà người tu sinh nương tựa vào người bạn tâm linh có đạo hạnh

- A. Giải thích sự cần thiết phải nương tựa vào người có phẩm hạnh
- B. Phương pháp thực tiễn của sự nương tựa vào người có phẩm hạnh

2B4A-1B3B. Phương pháp thực tế của sự nương tựa vào người có phẩm hạnh

- 1. Cách nương tựa trong tư tưởng
- 2. Cách nương tựa qua hành động

2B4A-1B3B-1. Cách nương tựa trong tư tưởng

- A. Nền tảng cơ bản, rèn luyện về đức tin
- B. Nhớ đến lòng từ mẫn của vị ấy để khởi tâm tôn kính

2B4A-1B3B-1A. Nền tảng cơ bản, rèn luyện về đức tin

- 1. Giải thích đức tin là nền tảng của mọi phẩm hạnh
- 2. Xác định đức tin
- 3. Cần phải nhận thức về vị Thầy tâm linh như một vị Phật
- 4. Những bất lợi khi tưởng tượng ra những lỗi lầm
- 5. Phương pháp kiểm chế những khái niệm về lỗi lầm

2B4A-1B3B-2. Cách nương tựa qua hành động

- A. Sự cần thiết cho việc nương tựa qua hành động
- B. Giải thích cô đọng về ba phương tiện làm hài lòng vị Thầy tâm linh
- C. Giải thích rộng về ba phương tiện này

2B4A-1B3B-2C. Giải thích rộng về ba phương tiện này

- 1. Cúng dường các phẩm vật cho bậc Đạo sư
- 2. Thực hành theo lời khuyên dạy của ngài

2B4A-1B4. Những điều lợi ích của sự nương tựa

- A. Những lợi ích như tiếp cận được trạng thái của một vị Phật
- B. Ác nghiệp được tiêu trừ và sự lợi ích thậm chí còn hơn cả việc cúng dường vô số Chư Phật

2B4A-1B5. Những điều bất lợi của sự không nương tựa

- A. Cách nó hủy hoại con người trong kiếp này và trong tương lai
- B. Không đạt được phẩm hạnh cao quý nào mà còn giảm đi phẩm chất trước đó của mình
- C. Sự bất lợi của việc nương tựa vào bạn bè và những người bạn tâm linh không có đạo hạnh

2B4A-1B6. Tóm tắt ý nghĩa của những điểm này

- A. Tầm quan trọng của sự nương tựa đúng đắn như là nền tảng cho sự nỗ lực tinh tấn không ngừng

- B. Cần phải sám hối và phát nguyện bởi vì nếu sự nương tựa đúng đắn ấy không xảy ra thì đó sẽ là một lỗi lầm nghiêm trọng
- C. Nếu bạn hành động theo cách ấy thì sự liễu tri về nơi nương tựa sẽ không còn cách xa nữa

2B4A-2. Sự trình bày cô đọng về phương pháp duy trì thiền định

- A. Phương pháp thực tiễn để duy trì thiền định
- B. Lý do tại sao thiền định cần phải được duy trì bằng hai phương thức duy trì

2B4A-2A. Phương pháp thực tiễn để duy trì thiền định

- 1. Phải làm gì trong suốt một thời thiền định
- 2. Phải làm gì trong khoảng thời gian giữa hai thời thiền định

2B4A-2A1. Phải làm gì trong suốt một thời thiền định

- A. Phải làm gì trong khâu chuẩn bị
- B. Phải làm gì trong suốt một thời thiền thật sự
- C. Phải làm gì khi kết thúc một thời thiền

2B4A-2A1A. Phải làm gì trong khâu chuẩn bị

- 1. Làm sạch căn phòng của bạn, sắp đặt những phẩm vật tượng trưng cho thân, khẩu, ý cao thượng.
- 2. Dâng phẩm vật cúng dường
- 3. Ngồi theo tư thế cát tường
- 4. Quán tưởng ruộng công đức (*phước điền*)
- 5. Tích lũy công đức và tịnh hóa những tiêu cực
- 6. Cúng dường Mạn-đà-la và thỉnh cầu sự gia bị

2B4A-2A1A-5. Tích lũy công đức và tịnh hóa những tiêu cực

- A. Lý do cần phải tích lũy công đức và tịnh hóa những tiêu cực
- B. Giải thích chi tiết về sự tích lũy và tịnh hóa
- C. Phân loại các thành phần riêng biệt

2B4A-2A1A-5B. Giải thích chi tiết về sự tích lũy và tịnh hóa

- 1. Giải thích chi tiết thực tế
- 2. Cần phải khắc ghi ý nghĩa của từ ngữ vào tâm khảm

2B4A-2A1A-5B1. Giải thích chi tiết thực tế

- A. Lễ lạy
- B. Cúng dường
- C. Sám hối nghiệp chướng
- D. Tùy hỷ
- E. Thỉnh chuyển Pháp luân
- F. Thỉnh cầu (*Phật trụ thế*)

G. Hồi hướng

2B4A-2A1A-5B1A. Lễ lạy

1. Lễ lạy phối hợp cả tam môn (*tam nghiệp: thân, khẩu, ý*)
2. Lễ lạy của tam môn riêng biệt

2B4A-2A1A-5B1A-2. Lễ lạy của tam môn riêng biệt

- A. Thân lễ
- B. Tâm lễ
- C. Khẩu lễ

2B4A-2A1A-5B1B. Cúng dường

1. Những sự cúng dường thông thường
2. Những sự cúng dường tối thắng

2B4A-2A1A-5B1B-2. Những sự cúng dường tối thắng

- A. Chủ đề thực tiễn
- B. Động cơ của sự lễ lạy và cúng dường

2B4A-2A1B. Phải làm gì trong suốt một thời thiền thật sự

1. Làm thế nào để duy trì thiền tổng quát
2. Làm thế nào để duy trì thiền trong bối cảnh (*chuyên biệt*) này

2B4A-2A1B-1. Làm thế nào để duy trì thiền tổng quát

- A. Xác định sự cần thiết của thiền định
- B. Những lỗi lầm của thiền xấu
- C. Phương pháp duy trì thiền định tốt đẹp

2B4A-2A1B-2. Làm thế nào để duy trì thiền trong bối cảnh (*chuyên biệt*) này

- A. Suy nghĩ về lợi ích của sự nương tựa và những lỗi lầm của sự không nương tựa
- B. Phương pháp rèn luyện đức tin bằng cách suy tư về những phẩm hạnh cao quý của bậc Đạo sư
- C. Rèn luyện sự tôn kính bằng cách suy nghĩ về lòng bi mẫn của Thầy

2B4A-2A1C. Phải làm gì khi kết thúc một thời thiền

1. Điều gì thật sự cần làm vào cuối thời thiền
2. Thời gian và khoảng thời gian duy trì của thiền định

2B4A-2A1C-2. Thời gian và khoảng thời gian duy trì của thiền định

- A. Số chỉ về thời gian của thiền định

- B. Phương pháp thiền lúc khởi đầu
- C. Phương pháp duy trì thiền một khi nó đã hơi an định một chút và lời khuyên làm thế nào để tránh tình trạng kiệt sức

2B4A-2A2. Phải làm gì trong khoảng thời gian giữa hai thời thiền định

- A. Những sự hành trì khái quát để đề cao đối tượng thiền định
- B. Những nguyên nhân của sự an định và sự tập trung tư tưởng thấu suốt đặc biệt

2B4A-2A2B. Những nguyên nhân của sự an định và sự tập trung tư tưởng thấu suốt đặc biệt

1. Kiểm soát các giác quan
2. Hành động với sự cảnh giác
3. Hiểu biết về chế độ ăn uống hợp lý
4. Tinh tấn trong yoga để không ngủ, và phải làm gì khi nằm xuống để ngủ

2B4A-2A2B-2. Hành động với sự cảnh giác

- A. Phải làm gì khi nằm xuống để ngủ
- B. Làm thế nào để áp dụng điều này vào khoảng giữa xen kẽ tất cả các thời thiền

2B4A-2A2B-2A. Phải làm gì khi nằm xuống để ngủ

1. Thời gian để nằm xuống ngủ
2. Hành vi của giấc ngủ
3. Chánh niệm
4. Quán sát nội tâm
5. Khả năng nhận thức của sự thức dậy

2B4A-2B. Lý do tại sao thiền định cần phải được duy trì bằng hai phương thức duy trì

1. Hai phương thức duy trì
2. Bác bỏ quan niệm sai lầm rằng mặc dù có cả thiền chỉ và thiền quán nhưng một người đơn độc không hành trì chúng
3. Bác bỏ quan niệm sai lầm khẳng định rằng tất cả các khái niệm đều cảm thấy rõ được các dấu hiệu
4. Bác bỏ quan niệm sai lầm khẳng định rằng nếu thực hành nhiều thiền quán rồi mới đến thiền chỉ thì điều đó sẽ trở thành một sự chướng ngại

2B4A-2B1. Hai phương thức duy trì

- A. Lý do tại sao cả thiền Chỉ lẫn thiền Quán đều cần thiết cho sự thiền định
- B. Sự nhận biết về thiền Chỉ và thiền Quán

2B4B. Các giai trình của sự luyện tâm một khi mà bạn đã nương tựa vào vị Thầy tâm linh

1. Đối với nền tảng của sự an lạc, một lời khuyên hãy tận dụng bản chất tinh túy của nó
2. Tận dụng bản chất tinh túy của nó

MỘT KIẾP NGƯỜI QUÝ GIÁ

2B4B-1. Đối với nền tảng của sự an lạc, một lời khuyên hãy tận dụng bản chất tinh túy của nó

- A. Nhận biết về những niềm an lạc và sự thuận duyên
- B. Suy tư về giá trị quý báu của an lạc và thuận duyên
- C. Suy tư về sự khó khăn để đạt được an lạc và thuận duyên

2B4B-1A. Nhận biết về những niềm an lạc và sự thuận duyên

- 1. Những niềm an lạc
- 2. Những điều thuận duyên

2B4B-1A1. Những niềm an lạc

- A. Nhận biết về những niềm an lạc
- B. Tám trạng thái mất tự do

2B4B-1A2. Những điều thuận duyên

- A. Năm điều thuận duyên thuộc về cá nhân
- B. Năm điều thuận duyên phụ thuộc vào những chúng sanh khác

2B4B-1B. Suy tư về giá trị quý báu của an lạc và thuận duyên

- 1. Quán sát sự không thích hợp của một người với nền tảng đặc biệt này nhưng lại hành động như một con vật
- 2. Một cơ thể an lạc và thuận duyên là tốt nhất
- 3. Phương pháp rèn luyện ước mơ tận dụng được bản chất tinh túy, và mang vào tâm trí hai mục tiêu này (an lạc và thuận duyên)
- 4. Điều không phù hợp của sự trở về tay không mà lại cho rằng không những chỉ mục tiêu cuối cùng mà mục tiêu tạm thời cũng dễ dàng đạt được

2B4B-1C. Suy tư về sự khó khăn để đạt được an lạc và thuận duyên

- 1. Minh họa về sự khó khăn để đạt được an lạc và thuận duyên
- 2. Lý do tại sao khó đạt được an lạc và thuận duyên
- 3. Sự hiềm hoi của những người đạt được nguyên nhân của sự an lạc và thuận duyên
- 4. Kết quả của sự duy trì những mục tiêu này
- 5. Phương pháp thiền định với bốn tính năng đặc biệt
- 6. Phân biệt các phương pháp duy trì thiền định

2B4B-1C6. Phân biệt các phương pháp duy trì thiền định

- A. Suy ngẫm về an lạc và thuận duyên từ những quan điểm khác nhau
- B. Suy ngẫm về an lạc và thuận duyên trong trường hợp cụ thể

2B4B-1C6B. Suy ngẫm về an lạc và thuận duyên trong trường hợp cụ thể

1. Sự khó khăn để đạt được an lạc và thuận duyên từ quan điểm về nguyên nhân
2. Sự khó khăn để đạt được an lạc và thuận duyên từ quan điểm về kết quả

2B4B-2. Làm thế nào để tận dụng được bản chất tinh túy

- A. Phương pháp mà ba hạng người hành trì cho lộ trình tu tập
- B. Tóm tắt các đề tài của Đạo lộ chung

2B4B-2A. Phương pháp mà ba hạng người hành trì cho lộ trình tu tập

1. Phát triển tri thức tổng quát một cách chắc chắn về lộ trình tu tập
2. Phương pháp thật sự để tận dụng bản chất (của an lạc và thuận duyên)

2B4B-2A1. Phát triển tri thức tổng quát một cách chắc chắn về lộ trình tu tập

- A. Tất cả giáo lý của Đức Phật được hàm chứa trong lộ trình tu tập của ba hạng người
- B. Đưa ra những lý do về sự hướng dẫn dần dần từ quan điểm của ba hạng người

2B4B-2A1A. Tất cả giáo lý của Đức Phật được hàm chứa trong các lộ trình tu tập của ba hạng người

1. Ý nghĩa của tất cả giáo lý của Đức Phật được gộp vào dưới sự thành tựu của hai mục tiêu
2. Phương pháp những chúng sanh hạ căn đạt được các trạng thái cao
3. Phương pháp những chúng sanh trung căn đạt được phân tinh túy chắc chắn của sự giải thoát
4. Phương pháp những chúng sanh thượng căn đạt được sự toàn tri
5. Làm sáng tỏ nguồn gốc của thuật ngữ “ba hạng người”
6. Dứt sạch nghi ngờ

2B4B-2A1B. Những lý do về sự hướng dẫn dần dần từ quan điểm của ba hạng chúng sanh

1. Phương pháp thật sự để tận dụng bản chất (của an lạc và thuận duyên)
2. Mục đích của sự hướng dẫn đệ tử qua phương tiện các lộ trình tu tập của ba hạng người
3. Đưa ra những lý do cho sự hướng dẫn từng bước như thế

2B4B-2A1B-2. Đưa ra những lý do cho sự hướng dẫn từng bước như thế

- A. Những lý do thực tế
- B. Mục đích

2B4B-2A1B-2A. Những lý do thực tế

1. Nhập vào truyền thống Đại thừa
2. Sự cần thiết xem xét về lợi ích của nó và cho phép niềm phấn khởi của hành giả được tăng trưởng trước khi phát khởi tâm giác ngộ và những nguồn gốc có liên quan
3. Lợi ích của sự tinh tấn đối với tâm này
4. Các hạng người hạ căn và trung căn cần thiết như thế nào để đặt sở sở cho những ích lợi ấy

5. Làm thế nào các hạng chúng sanh hạ căn và trung căn là cần thiết cho sự rèn luyện một tâm trí thực tế
6. Các hạng chúng sanh hạ căn và trung căn cũng là cần thiết cho sự tích tụ nghi lễ và tịnh hóa trạng thái tâm này
7. Lời khuyên nên trân trọng gìn giữ phương pháp mà các chu trình giảng dạy cho các chúng sanh hạ căn và trung căn được trở thành chi nhánh của các bậc thượng căn
8. Thứ tự
9. Tất cả các lộ trình tu tập đều được hàm chứa trong ba sự rèn luyện (giới, định và tuệ)
10. Vì lợi ích của kỹ năng phân loại, tất cả các lộ trình tu tập được hàm chứa trong hai sự tích lũy
11. Sự cần thiết để nhập môn vào Mật thừa
12. Làm thế nào để theo đuổi con đường Ba-la-mật một mình
13. Những giai đoạn tham gia vào Mật chú
14. Giải thích rằng “Đèn soi nẻo giác” và v.v. thì liên quan cả đến kinh và mật chú

2B4B-2A1B-2A8. Thứ tự

- A. Thứ tự của hai tâm và v.v. và làm thế nào để rèn luyện chúng
- B. Thứ tự của sự rèn luyện

2B4B-2A1B-2B. Mục đích

1. Mục đích thật sự
2. Những nguồn gốc

2B4B-2A1B-2B1. Mục đích thật sự

- A. Câu hỏi
- B. Trả lời

2B4B-2A2. Phương pháp thật sự để tận dụng bản chất (của an lạc và thuận duyên)

- A. Rèn luyện tâm trong các giai trình tu tập chung dành cho chúng sanh hạ căn
- B. Rèn luyện tâm trong các giai trình tu tập chung dành cho chúng sanh trung căn
- C. Rèn luyện tâm trong các giai trình tu tập dành cho chúng sanh thượng căn

CHƯƠNG II

NHỮNG GIAI TRÌNH TU TẬP CHUNG DÀNH CHO CHÚNG SANH HẠ CĂN

2B4B-2A2A. Rèn luyện tâm trong các giai trình tu tập chung dành cho chúng sanh hạ căn

1. Sự rèn luyện thực tế về thái độ của chúng sanh hạ căn
2. Phạm vi mà thái độ đó của chúng sanh hạ căn đã phát khởi
3. Giải trừ những quan niệm sai lầm về thái độ của chúng sanh hạ căn

2B4B-2A2A-1. Sự rèn luyện thực tế về thái độ của chúng sanh hạ căn

- A. Phát triển trạng thái của tâm về sự quan tâm đến những kiếp sống vị lai
- B. Nương tựa vào những phương tiện mang đến hạnh phúc cho những kiếp sống vị lai

2B4B-2A2A-1A. Phát triển trạng thái của tâm về sự quan tâm đến những kiếp sống vị lai

1. Chánh niệm về sự chết, quán chiếu rằng bạn sẽ không sống lâu trên cõi đời này
2. Điều gì sẽ xảy đến với bạn trong những kiếp sống vị lai: quán chiếu về hạnh phúc và khổ đau của hai loại chúng sanh

CHẾT - VÔ THƯỜNG

Giải thích về phương pháp chánh niệm về cái chết - rằng bạn sẽ không sống lâu trên cõi đời này

2B4B-2A2A-1A1. Chánh niệm về cái chết, quán chiếu rằng bạn sẽ không sống lâu trên cõi đời này

- A. Những bất lợi của sự không trau dồi chánh niệm về cái chết
- B. Những lợi ích của sự trau dồi chánh niệm về cái chết
- C. Loại tâm chánh niệm nào về cái chết cần được phát khởi
- D. Phương pháp trau dồi chánh niệm về cái chết

2B4B-2A2A-1A1A. Những bất lợi của sự không trau dồi chánh niệm về cái chết

1. Chứng minh rằng xu hướng của tâm thiên về ý kiến cho rằng “ta sẽ không chết” chính là cửa ngõ của sự nguy hại
2. Điều này cản trở chúng ta về việc quan tâm đến những kiếp sống vị lai
3. Điều này khiến cho những sự nỗ lực có ý nghĩa của chúng ta sẽ yếu ớt
4. Bám chấp vào sự “thường hằng” sẽ gây ra sự tham luyến, ác cảm v.v. và chúng sẽ dẫn đến cách cư xử sai lầm

2B4B-2A2A-1A1B. Những lợi ích của sự trau dồi chánh niệm về cái chết

1. Giá trị to lớn của sự chánh niệm về cái chết
2. Chánh niệm về cái chết là cánh cửa của tất cả sự ưu việt
3. Từ bỏ sự hiểu lầm và thực hành thiền định từ trong tận đáy lòng mình là điều cần thiết

2B4B-2A2A-1A1D. Phương pháp trau dồi chánh niệm về cái chết

1. Chúng ta sẽ chết - đó là điều tất nhiên
2. Khi nào chúng ta sẽ chết - đó là điều bất định
3. Vào thời điểm chết - không gì có thể giúp ích được cho ta, chỉ ngoại trừ Pháp

2B4B-2A2A-1A1D-1. Chúng ta sẽ chết - đó là điều tất nhiên

- A. Những lý do thực tế
- B. Quyết định

2B4B-2A2A-1A1D-1A. Những lý do thực tế

1. Thân chết chắc chắn sẽ đến và không có điều kiện gì có thể ngăn chặn được ông ta
2. Tuổi thọ của bạn không được tăng lên mà luôn giảm không ngừng
3. Bạn chết mà không có thời gian để thực hành giáo pháp trong khi còn sống

2B4B-2A2A-1A1D-2. Khi nào chúng ta sẽ chết - đó là điều bất định

- A. Cần khởi tâm chánh niệm về cái chết mỗi ngày
- B. Giải thích về những lý do thực tế
- C. Quyết định rằng sự thực hành Pháp ngay từ bây giờ là điều cần thiết

2B4B-2A2A-1A1D-2B. Giải thích về những lý do thực tế

1. Quán chiếu về tuổi thọ trên thế gian này là không chắc chắn, đó là lý do mà thời điểm chết trở nên bất định
2. Quán chiếu rằng có quá nhiều nguyên nhân đưa đến cái chết nhưng rất ít nguyên nhân dành cho sự sống
3. Quán chiếu rằng cơ thể rất dễ bị tổn thương và do đó thời điểm của sự tử vong xảy ra là điều không chắc chắn

2B4B-2A2A-1A1D-3. Vào thời điểm chết - không gì có thể giúp ích được cho ta, chỉ ngoại trừ Pháp

- A. Những lý do thực tế
- B. Quyết định

2B4B-2A2A-1A1D-3A. Những lý do thực tế

1. Bạn không thể mang theo bạn bè và thân quyến của bạn
2. Bạn không thể mang theo tài sản của bạn
3. Bạn không thể mang theo thân xác của bạn

2B4B-2A2A-1A1D-3B. Quyết định chỉ thực hành Pháp mà thôi

1. Quyết định thực tế
2. Cần phải nỗ lực hết sức vì đó là nền tảng của lộ trình tu tập
3. Thực hiện việc hành trì tất cả những kinh điển trác tuyệt

**Giải thích về điều gì sẽ xảy đến với bạn trong những kiếp sống vị lai:
quán chiếu về hạnh phúc và khổ đau của hai loại chúng sanh**

2B4B-2A2A-1A2. Điều gì sẽ xảy đến với bạn trong những kiếp sống vị lai: quán chiếu về hạnh phúc và khổ đau của hai loại chúng sanh

- A. Suy nghĩ về điều gì sẽ đến với bạn trong những kiếp lai sinh
- B. Giữa sự hạnh phúc và khổ đau của hai loại chúng sanh, hãy suy tư về sự đau khổ

SỰ ĐAU KHỔ CỦA NHỮNG CÔI THẤP

2B4B-2A2A-1A2B. Giữa sự hạnh phúc và khổ đau của hai loại chúng sanh, hãy suy tư về sự đau khổ

1. Cần phải suy nghĩ về khổ đau
2. Sự suy nghĩ về khổ đau là điều quan trọng như thế nào
3. Suy tư về sự khổ đau của những cõi thấp

2B4B-2A2A-1A2B-3. Suy tư về sự khổ đau của những cõi thấp

- A. Những khổ đau thật sự của những cõi thấp
- B. Thiên định về sự đau khổ của những cõi thấp cho đến khi kinh nghiệm xảy ra là điều cần thiết như thế nào

2B4B-2A2A-1A2B-3A. Những khổ đau thật sự của những cõi thấp

1. Quán chiếu sự khổ đau của chúng sanh ở địa ngục
2. Quán chiếu sự khổ đau của súc sanh
3. Quán chiếu sự khổ đau của nga quỷ

2B4B-2A2A-1A2B-3A1. Quán chiếu sự khổ đau của chúng sanh ở địa ngục

- A. Những khổ đau thực sự của chúng sanh ở địa ngục
- B. Cần phải khiếp sợ với suy nghĩ rằng bạn đã tích lũy rất nhiều nguyên nhân để bị sinh ra ở cõi đó

2B4B-2A2A-1A2B-3A1A. Những khổ đau thực sự của chúng sanh ở địa ngục

1. Những đại địa ngục của chúng sanh
2. Những địa ngục cận biên
3. Những địa ngục lạnh
4. Những địa ngục phụ

2B4B-2A2A-1A2B-3A1B. Cần phải khiếp sợ với suy nghĩ rằng bạn đã tích lũy rất nhiều nguyên nhân để bị sinh ra ở cõi đó

2B4B-2A2A-1A2B-3A2. Quán chiếu sự khổ đau của súc sanh

- A. Những loài vớ những sự trở ngại từ bên ngoài đối với thức ăn và đồ uống
- B. Những loài vớ những sự trở ngại từ bên trong đối với thức ăn và đồ uống
- C. Những loài vớ những sự trở ngại của chính nó đối với thức ăn và đồ uống

Giải thích về cách nương tựa vào những phương tiện mang đến hạnh phúc cho những kiếp sống vị lai

2B4B-2A2A-1B. Giải thích về cách nương tựa vào những phương tiện mang đến hạnh phúc cho những kiếp sống vị lai

1. Cánh cửa thánh thiện để đến với Giáo Pháp: rèn luyện tâm thức cho sự quy y Tam Bảo
2. Cội rễ của mọi hạnh lành: phát triển lòng tin xác tín về hành động và kết quả của nó (nhân-quả)

QUY Y TAM BẢO

2B4B-2A2A-1B1. Cánh cửa thánh thiện để đến với Giáo Pháp: rèn luyện tâm thức cho sự quy y Tam Bảo

- A. Những nguyên nhân cho việc quy y
- B. Dựa trên những nguyên nhân đó, các đối tượng để bạn quy y
- C. Phương pháp mà trong đó bạn có thể nương tựa càng nhiều càng tốt trong khả năng cho phép
- D. Các giai đoạn rèn luyện sau khi đã quy y

2B4B-2A2A-1B1B. Dựa trên những nguyên nhân đó, các đối tượng để bạn quy y

1. Nhận diện các đối tượng quy y
2. Lý do vì sao họ xứng đáng được quy y

2B4B-2A2A-1B1B-2. Lý do vì sao họ xứng đáng được quy y

- A. Những lý do thực tế
- B. Lời khuyên được kiên trì trong xác tín, nguyên nhân chủ yếu

2B4B-2A2A-1B1C. Phương pháp mà trong đó bạn có thể nương tựa càng nhiều càng tốt trong khả năng cho phép

1. Quy y thông qua sự hiểu biết những phẩm hạnh tốt của họ
2. Quy y thông qua sự hiểu biết những đặc điểm thù thắng của họ
3. Nguyên lực
4. Quy y bằng cách khước từ sự nương tựa vào những đối tượng khác

2B4B-2A2A-1B1C-1. Quy y thông qua sự hiểu biết những phẩm hạnh tốt của họ

- A. Những phẩm hạnh tốt của Đức Phật
- B. Những phẩm hạnh tốt của Giáo Pháp
- C. Những phẩm hạnh tốt của Tăng đoàn

2B4B-2A2A-1B1C-1A. Những phẩm hạnh tốt của Phật

1. Những phẩm hạnh thực tế
2. Những điểm bổ sung

2B4B-2A2A-1B1C-1A1. Những phẩm hạnh thực tế

- A. Những phẩm hạnh tốt của thân cao quý của Đức Phật
- B. Những phẩm hạnh tốt của khẩu cao quý của Đức Phật

- C. Những phẩm hạnh tốt của tâm cao quý của Đức Phật
- D. Những phẩm hạnh tốt của hành động cao quý của Đức Phật

2B4B-2A2A-1B1C-1A1C. Những phẩm hạnh tốt của tâm cao quý của Đức Phật

- E. Những phẩm hạnh tốt về trí tuệ
- F. Những phẩm hạnh tốt về lòng từ bi

2B4B-2A2A-1B1C-1A2. Những điểm bổ sung

- A. Đạt được sự chắc chắn trong niềm tin xác tín của bạn: nguyên nhân của sự quy y thanh tịnh
- B. Không đạt được niềm tin xác tín
- C. Khuyên lơn nài nỉ để đạt được sự chắc chắn

2B4B-2A2A-1B1D. Các giai đoạn rèn luyện sau khi đã quy y

1. Các giới luật thực tế
2. Loại bỏ những sai lầm bằng cách trân trọng những giới luật của sự quy y

2B4B-2A2A-1B1D-1. Các giới luật thực tế

- A. Giới đặc biệt cho các đối tượng riêng của sự quy y
- B. Giới tổng quát cho cả ba đối tượng của sự quy y

2B4B-2A2A-1B1D-1A. Giới đặc biệt cho các đối tượng riêng của sự quy y

1. Giới cấm
2. Giới thành tựu

2B4B-2A2A-1B1D-1A1. Giới cấm

- A. Không được quy y nơi các thần khác
- B. Từ bỏ việc gây ra sự tác hại hay khó khăn cho những chúng sanh khác
- C. Không kết giao với những người không phải là Phật tử

2B4B-2A2A-1B1D-1A2. Giới thành tựu

- A. Rèn luyện bằng cách tôn kính biểu tượng của Đức Phật
- B. Rèn luyện bằng cách tôn kính biểu tượng của Giáo Pháp
- C. Rèn luyện bằng cách tôn kính biểu tượng của Tăng đoàn

2B4B-2A2A-1B1D-1A2A. Rèn luyện bằng cách tôn kính biểu tượng của Đức Phật

1. Phương pháp thực tế của sự rèn luyện bằng cách tôn kính biểu tượng của Đức Phật
2. Các ví dụ về những quả báo hoàn toàn chín muồi của sự bất kính trong quá khứ

2B4B-2A2A-1B1D-1A2B. Những giới luật liên quan đến Pháp

1. Những giới luật thực tế
2. Các vị Đạo Sư thời trước đã hành trì như thế nào

2B4B-2A2A-1B1D-1A2C. Những giới luật liên quan đến Tăng đoàn

1. Những giới luật thực tế
2. Các vị Đạo Sư thời trước đã hành trì như thế nào và những lợi ích của sự hành trì đó

2B4B-2A2A-1B1D-1B. Giới tổng quát cho cả ba đối tượng của sự quy y

1. Nhớ về những phẩm chất cao quý và đặc biệt của Tam Bảo, nhờ vậy nên không ngừng quy y nơi Tam Bảo
2. Ghi nhớ lòng từ bi quảng đại của Tam Bảo, luôn luôn nỗ lực phụng thờ Tam Bảo và thậm chí còn dâng lên cúng dường Tam Bảo miếng đầu tiên trong phần thức ăn và nước uống của bạn
3. Nhớ đến lòng đại bi của Tam bảo, nhờ vậy nên cũng đặt những chúng sanh khác vào trong cách cư xử như vậy
4. Bất cứ điều gì bạn làm và những gì bạn cần, tôn thờ Tam Bảo và khẩn cầu Tam Bảo, từ bỏ mọi phương pháp thế gian khác
5. Nhận thức được những lợi ích này, quy y ba lần vào ban ngày và ba lần vào ban đêm
6. Không được từ bỏ Tam Bảo, thậm chí khi nói đùa hoặc phải mất mạng, và bảo vệ chống lại điều này

2B4B-2A2A-1B1D-1B2. Ghi nhớ lòng từ bi quảng đại của Tam Bảo, luôn luôn nỗ lực phụng thờ Tam Bảo và thậm chí còn dâng lên cúng dường Tam Bảo miếng đầu tiên trong phần thức ăn và nước uống của bạn

- A. Sự cúng dường liên tục
- B. Tính đặc thù mà các sự tích lũy được hoàn thành với rất ít rắc rối
- C. Sự cúng dường không thanh tịnh
- D. Cách thức của sự tôn trọng khi cúng dường
- E. Cần phải tự mình nỗ lực trong sự cúng dường
- F. Các trạng thái cao, các đạo lộ tu tập đều đạt được nhờ vào cách cúng dường này
- G. Độ lớn của sự cúng dường và v.v. là nét đặc biệt cần được thực hiện với tâm thức như thế nào
- H. Rèn luyện tính liêm khiết liên quan đến việc cúng dường về mặt vật chất như thế nào, noi theo các bậc Đạo Sư thuở trước
- I. Từ chối cách nói chuyện về kết quả rằng phương pháp chư Bồ Tát cúng dường, đạt được sự kiểm soát về vật chất, là sự không thanh tịnh

2B4B-2A2A-1B1D-1B5. Nhận thức được những lợi ích này, quy y ba lần vào ban ngày và ba lần vào ban đêm

- A. Quy y là tiêu chuẩn để trở thành Phật tử
- B. Quy y là nền tảng của tất cả các giới nguyện
- C. Những nghiệp chướng tích lũy trước đây được giảm thiểu và tiêu trừ
- D. Bạn tích lũy được rất nhiều phước đức
- E. Bạn sẽ không bị rơi vào các cõi thấp
- F. Bạn sẽ không bị những chướng ngại của nhân và phi nhân làm hại
- G. Bạn sẽ đạt được mọi ước nguyện

H. Bạn sẽ nhanh chóng chứng được Phật quả

2B4B-2A2A-1B1D-1B6. Không được từ bỏ Tam Bảo, thậm chí ngay cả khi nói đùa hoặc phải mất mạng, và phải bảo vệ chống lại điều này

2B4B-2A2A-1B1D-2. Loại bỏ những sai lầm bằng cách trân trọng giới luật của sự quy y

- A. Từ chối những gì không phải là giới luật
- B. Các nguồn gốc của những giới đặc biệt
- C. Sự khác biệt giữa sự thoái hóa và sự từ bỏ giới luật
- D. Lời khuyên không nên phạm giới, bởi vì nó lợi ích lớn lao như thế nào, nó như là cánh cửa để đến với Giáo Pháp và v. v.

NGHIỆP VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ

2B4B-2A2A-1B2. Phát triển lòng tin xác tín về nghiệp và những ảnh hưởng của nó

- A. Quán chiếu về nghiệp và những ảnh hưởng của nó một cách tổng quát
- B. Quán chiếu chi tiết về nghiệp và những ảnh hưởng của nó
- C. Sau khi đã quán chiếu về nghiệp và những ảnh hưởng của nó, làm thế nào để trau dồi đức hạnh và xa lánh điều ác

2B4B-2A2A-1B2A. Quán chiếu về nghiệp và những ảnh hưởng của nó một cách tổng quát

- 1. Phương pháp thực tế để quán chiếu về nghiệp và những ảnh hưởng của nó một cách tổng quát
- 2. Quán chiếu những sự phân hóa đặc thù

2B4B-2A2A-1B2A-1. Phương pháp thực tế để quán chiếu về nghiệp và những ảnh hưởng của nó một cách tổng quát

- A. Tính chắc chắn của nghiệp
- B. Tính tăng trưởng lớn của nghiệp
- C. Nếu bạn không tạo nghiệp thì bạn sẽ không phải đối diện với nghiệp
- D. Nghiệp mà bạn đã tạo sẽ không mất đi

2B4B-2A2A-1B2A-1A. Tính chắc chắn của nghiệp

- 1. Cách thực tế nghiệp là chắc chắn
- 2. Những giải thích về điều này như là nền tảng của tất cả mọi phẩm chất thiện lành

2B4B-2A2A-1B2A-1D. Nghiệp mà bạn đã tạo sẽ không mất đi

- A. Cho thấy rằng có mười nghiệp đạo chính
- B. Xác định các hành động và những ảnh hưởng của chúng

2B4B-2A2A-1B2A-2A. Cho thấy rằng có mười nghiệp đạo chính

- 1. Giải thích rằng có mười trong kinh và luận tạng

2. Giải thích về việc trân giữ sự chấp nhận và từ bỏ của mười đạo nghiệp

2B4B-2A2A-1B2A-2B. Xác định các hành động và những ảnh hưởng của chúng

1. Các hành động bất thiện và những ảnh hưởng của nó
2. Các hành động thiện và những ảnh hưởng của nó
3. Trình bày về các cách phân loại khác của nghiệp

2B4B-2A2A-1B2A-2B1. Các hành động bất thiện và những ảnh hưởng của nó

- A. Những nghiệp đạo thật sự của những hành động bất thiện
- B. Phân biệt về độ nặng
- C. Trình bày về sự ảnh hưởng của chúng

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A. Những nghiệp đạo thật sự của những hành động bất thiện

1. Những nghiệp đạo thật sự
2. Sự khác nhau giữa hành động và nghiệp đạo

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1. Những nghiệp đạo thật sự

- A. Sát sanh
- B. Trộm cắp
- C. Tà dâm
- D. Nói láo
- E. Nói lời chia rẽ
- F. Nói lời thô bạo
- G. Nói lời vô nghĩa
- H. Tham lam
- I. Ác ý
- J. Tà kiến

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1A. Sát sanh

1. Cơ sở
2. Thái độ
3. Sự thực hiện
4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1A2. Thái độ

- A. Nhận thức
- B. Phiền não
- C. Động lực

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1A3. Sự thực hiện

- A. Người thực hiện
- B. Đặc tính của sự thực hiện

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1B. Trộm cắp

1. Cơ sở
2. Thái độ
3. Sự thực hiện
4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1B3. Sự thực hiện

- A. Người thực hiện
- B. Đặc tính của sự thực hiện

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1C. Tà dâm

1. Cơ sở
2. Thái độ
3. Sự thực hiện
4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1C1. Cơ sở

- A. Người mà bạn không nên giao hợp
- B. Những bộ phận không thích hợp trên cơ thể
- C. Những nơi không thích hợp
- D. Những lúc không thích hợp

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1C2. Thái độ

- A. Nhận thức
- B. Phiền não
- C. Động lực

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D. Nói láo

1. Cơ sở
2. Thái độ
3. Sự thực hiện
4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D1. Cơ sở

- A. Cơ sở của sự truyền đạt
- B. Lời nói dối được nhận hiểu

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D2. Thái độ

- A. Nhận thức
- B. Phiền não
- C. Động lực

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D3. Sự thực hiện

- A. Sự thi hành thực sự
- B. Giải nghi

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D3B. Giải nghi

- 1. Giải trừ sự nghi ngờ rằng nó phụ thuộc vào mục đích
- 2. Ba phương pháp tiếp cận liên quan đến sự khác biệt giữa đạo nghiệp trở thành không hoàn toàn phạm giới nếu như bạn ra lệnh cho người khác làm điều đó

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D3B-2. Ba phương pháp tiếp cận liên quan đến sự khác biệt giữa đạo nghiệp trở thành không hoàn toàn phạm giới nếu như bạn ra lệnh cho người khác làm điều đó

- A. Phương pháp tiếp cận của Yếu Luận (*Yogacaryabhūmi: Du-già Hạnh Địa Luận*)
- B. Phương pháp tiếp cận của Ngài Thế Thân
- C. Phương pháp tiếp cận của Luận tạng thì đặt chúng như nguyên nhân của sự phạm giới

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1D4. Hoàn thành

- 1. Hoàn thành thực sự
- 2. Giải nghi

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1E. Nói lời chia rẽ

- 1. Cơ sở
- 2. Thái độ
- 3. Sự thực hiện
- 4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1F. Nói lời thô bạo

- 1. Cơ sở
- 2. Thái độ
- 3. Sự thực hiện
- 4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1G. Nói lời vô nghĩa

- 1. Cơ sở
- 2. Thái độ
- 3. Sự thực hiện
- 4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1H. Tham lam

- 1. Cơ sở
- 2. Thái độ
- 3. Sự thực hiện
- 4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1I. Ác ý

1. Cơ sở
2. Thái độ
3. Sự thực hiện
4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1J. Tà kiến

1. Cơ sở
2. Thái độ
3. Sự thực hiện
4. Hoàn thành

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1J3. Sự thực hiện

- A. Sự thực hiện thật sự
- B. Sự phân chia

2B4B-2A2A-1B2A-2B1A-1J3B. Sự phân chia

1. Phủ nhận về nguyên nhân
2. Phủ nhận về kết quả
3. Phủ nhận về hoạt động
4. Phủ nhận về các thực thể hiện hữu

2B4B-2A2A-1B2A-2B1B. Phân biệt về độ nặng

1. Độ nặng của mười nghiệp đạo
2. Nhân tiện, trình bày tóm tắt về những cánh cửa của nghiệp mãnh liệt

2B4B-2A2A-1B2A-2B1B-1. Độ nặng của mười nghiệp đạo

- A. Sức mạnh kép
- B. Sự hiểu biết rõ, quen thuộc
- C. Đặc tính
- D. Cơ sở
- E. Đơn phương tôn sùng phía đối nghịch
- F. Sự trừ diệt phía đối nghịch

2B4B-2A2A-1B2A-2B1B-2. Nhân tiện, trình bày tóm tắt về những cánh cửa của nghiệp mãnh liệt

- A. Sức mạnh về phía lĩnh vực người nhận
- B. Sức mạnh về mặt yểm trợ
- C. Sức mạnh về mặt đối tượng
- D. Sức mạnh về thái độ

2B4B-2A2A-1B2A-2B1B-2A. Sức mạnh về phía lĩnh vực người nhận

1. Lĩnh vực của Tam Bảo
2. Lĩnh vực của Tăng đoàn
3. Lĩnh vực của chư Bồ Tát

2B4B-2A2A-1B2A-2B1B-2B. Sức mạnh về mặt yểm trợ

1. Sự khác nhau giữa người có tài năng và không có tài năng
2. Sức mạnh thật sự về mặt yểm trợ
3. Lỗi lầm của giới luật bị pha tạp

2B4B-2A2A-1B2A-2B1B-2D. Sức mạnh về thái độ

1. Sức mạnh về cường độ xúc cảm của thái độ, thời gian duy trì của nó
2. Sự sân giận đặc biệt mạnh mẽ như thế nào

2B4B-2A2A-1B2A-2B1C. Trình bày về những ảnh hưởng của nó

1. Quả đã hoàn toàn thành hình
2. Quả tương hợp với nhân
3. Quả phụ thuộc vào điều kiện hoặc phương tiện quả

2B4B-2A2A-1B2A-2B2. Các hành động thiện và những ảnh hưởng của nó

- A. Các hành động thiện
- B. Những ảnh hưởng của các hành động thiện

2B4B-2A2A-1B2A-2B2A. Các hành động thiện

1. Giới thiệu tóm tắt bằng phương tiện Kinh điển
2. Giải thích mở rộng

2B4B-2A2A-1B2A-2B3. Trình bày về các cách phân loại khác của nghiệp

- A. Nghiệp phóng ném (*dẫn nghiệp*) và nghiệp hoàn tất (*bổ nghiệp*)
- B. Nghiệp nào chắc chắn sẽ phải trải qua (*định nghiệp*) và nghiệp nào không (*bất định nghiệp*)

2B4B-2A2A-1B2A-2B3A. Dẫn nghiệp và bổ nghiệp

1. Sự phân loại của dẫn nghiệp và bổ nghiệp
2. Bốn khả năng có thể thay thế lẫn nhau đối với dẫn nghiệp và bổ nghiệp thiện và bất thiện

2B4B-2A2A-1B2A-2B3B. Định nghiệp và bất định nghiệp¹

1. Sự phân loại của định nghiệp và bất định nghiệp

¹ Trijang Rinpoche đề xuất một số phân loại bổ sung mục đầu tiên của Je Tsongkhapa thành năm phần, tuy nhiên đã bị chống chéo lên mục thứ hai của Je Rinpoche. Điểm 3-5 của Trijang Rinpoche thuộc về mục thứ hai của Je Tsongkhapa và do đó đã không tạo thành sự phân chia phụ của mục đầu tiên

2. Sự phân loại của nghiệp đã được thực hiện và nghiệp đã được tích lũy
3. Phân loại thêm về định nghiệp

2B4B-2A2A-1B2B. Quán chiếu chi tiết về nghiệp và những ảnh hưởng của nó.

1. Phương pháp mà trong đó cần thiết phải đạt được cơ sở điều kiện đầy đủ
2. Sự phân loại

2B4B-2A2A-1B2B-2. Sự phân loại

- A. Các đặc tính thiện đã được hoàn toàn hình thành và các chức năng của chúng
- B. Những nguyên nhân của quả hoàn toàn hình thành

2B4B-2A2A-1B2B-2A. Các đặc tính thiện đã được hoàn toàn hình thành và các chức năng của chúng

- A. Thọ mạng hoàn hảo
- B. Sắc thân hoàn hảo
- C. Dòng dõi hoàn hảo
- D. Quyền lực hoàn hảo
- E. Lời nói được tôn trọng
- F. Nổi tiếng nhờ có nhiều quyền lực
- G. Làm thân nam
- H. Có sức mạnh

2B4B-2A2A-1B2B-2B. Những nguyên nhân của quả hoàn toàn hình thành

1. Sự phân chia các nguyên nhân trong tám
2. Tam phân chia

2B4B-2A2A-1B2B-2B2A. Nguyên nhân đầu tiên: tâm trí hoàn toàn thanh tịnh

1. Trong sự liên quan với chính mình
2. Trong sự liên quan đến những người khác

2B4B-2A2A-1B2B-2B2B. Nguyên nhân thứ hai: sự hành trì thanh tịnh

1. Trong sự liên quan với chính mình
2. Trong sự liên quan đến những người khác

2B4B-2A2A-1B2C. Sau khi đã quán chiếu về nghiệp và những ảnh hưởng của nó, làm thế nào để trau dồi đức hạnh và xa lánh điều ác

1. Trình bày tổng quát
2. Đặc biệt tịnh hóa hạnh kiểm xấu ác bằng bốn năng lực

2B4B-2A2A-1B2C-1. Trình bày tổng quát

- A. Làm thế nào để phát cái tâm trau dồi này liên tục ngày và đêm

- B. Tầm quan trọng sống động của sự đạt được niềm tin xác tín liên quan đến lời tuyên bố của Đức Phật là các hành động sẽ đưa đến kết quả
- C. Thiên về Tánh Không trở nên hữu ích để đạt được sự chắc chắn đối với sự tôn trọng luật nhân quả
- D. Sự vô dụng của kiến thức nếu như bạn không suy nghĩ về nhân quả
- E. Làm thế nào để tránh xa hành vi lỗi lầm bằng những sự suy tư như thế
- F. Các nguyên tắc hành động phù hợp với những sự trình bày của truyền thống cựu Kadampas

2B4B-2A2A-1B2C-2. Đặc biệt tịnh hóa hạnh kiểm xấu ác bằng bốn năng lực

- A. Sự tiêu cực và nguyên nhân hư hoại cần được tịnh hóa bằng những phương tiện khác nhau phù hợp với lời tuyên bố của Đức Phật
- B. Phương pháp khắc phục nguyên nhân hư hoại
- C. Phương pháp khắc phục sự tiêu cực
- D. Tất cả sự giải trừ tiêu cực được hoàn thành trong vòng bốn năng lực
- E. Phương pháp tịnh hóa
- F. Sự cần thiết để nỗ lực từ lúc bắt đầu để không bị nhiễm ô bởi lỗi lầm

2B4B-2A2A-1B2C-2A. Sự tiêu cực và nguyên nhân hư hoại cần được tịnh hóa bằng những phương tiện khác nhau phù hợp với lời tuyên bố của Đức Phật

2B4B-2A2A-1B2C-2C. Phương pháp khắc phục sự tiêu cực

1. Năng lực diệt trừ
2. Năng lực của việc áp dụng các biện pháp đối trị
3. Năng lực của sự ngăn ngừa những lỗi lầm trong tương lai
4. Năng lực hỗ trợ

2B4B-2A2A-1B2C-2C2. Năng lực của việc áp dụng các biện pháp đối trị

- A. Dựa trên sự thâm sâu vi diệu của kinh điển
- B. Khát vọng (đạt được) tánh không
- C. Dựa trên sự trì tụng
- D. Dựa trên ảnh tượng
- E. Dựa trên sự cúng dường
- F. Dựa trên danh hiệu

2B4B-2A2A-1B2C-2C2C. Dựa trên sự trì tụng

1. Cần nỗ lực trì tụng cho đến khi xuất hiện những dấu hiệu rằng sự tiêu cực đã được tịnh hóa
2. Những dấu hiệu

2B4B-2A2A-1B2C-2C3. Năng lực của sự ngăn ngừa những lỗi lầm trong tương lai

- A. Năng lực thật sự và những lợi ích của nó
- B. Tầm quan trọng của sự thành tâm giữ gìn (giới luật)

2B4B-2A2A-1B2C-2E. Phương pháp tịnh hóa

1. Nghiệp không xác định dứt khoát dựa trên vấn đề đối trị hoàn tất hay không hoàn tất v. v. trong sự thực hiện tịnh hóa
2. Thậm chí nghiệp được xác định là sẽ phải trải qua cũng vẫn được tịnh hóa từ nơi gốc rễ
3. Ngay cả người thực hành tịnh hóa không tịnh hóa hoàn toàn nghiệp có sức mạnh ít thì ảnh hưởng của nó sẽ không xảy ra vì quả hoàn toàn hình thành của nó đã bị suy yếu

2B4B-2A2A-3. Giải trừ những quan niệm sai lầm về thái độ của những chúng sanh hạ căn

- A. Thiết lập sự khẳng định
- B. Sự bác bỏ của nó

2B4B-2A2A-3B. Sự bác bỏ của nó

1. Tiếp tục đạt được một thân người hoàn hảo là điều cần thiết
2. Sự bác bỏ liên quan đến trạng thái tối thượng

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIAI TRÌNH CỦA ĐẠO LỘ TU TẬP CHUNG CHO NHỮNG CHÚNG SANH HẠNG TRUNG CĂN

2B4B-2A2B. Rèn luyện tâm trong những giai trình của đạo lộ tu tập chung cho những chúng sanh hạng trung căn

1. Sự chuyên tiếp
2. Sự rèn luyện thực tế

2B4B-2A2B-2. Sự rèn luyện thực tế

- A. Rèn luyện thực tế về thái độ phổ biến đối với những chúng sanh trung căn
- B. Tiêu chuẩn về thái độ phổ biến của chúng sanh trung căn đã được phát triển
- C. Xóa bỏ những quan niệm sai lầm về thái độ phổ biến của chúng sanh trung căn
- D. Xác định bản chất của con đường đưa đến sự giải thoát

GIẢI THÍCH VỀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN TÂM TINH TẤN CHO SỰ GIẢI THOÁT

2B4B-2A2B-2A. Sự rèn luyện thực tế về thái độ phổ biến đối với những chúng sanh trung căn

1. Xác định tâm tinh tấn cho sự giải thoát
2. Phương pháp phát khởi tâm tinh tấn cho sự giải thoát

2B4B-2A2B-2A1. Xác định tâm tinh tấn cho sự giải thoát

- A. Nhận biết về sự giải thoát
- B. Tâm tinh tấn cho sự giải thoát

2B4B-2A2B-2A2. Phương pháp phát khởi tâm tinh tấn cho sự giải thoát

- A. Sự chuyên tiếp
- B. Những phương pháp thực tế

2B4B-2A2B-2A2B. Những phương pháp thực tế

- 1. Suy tư về những khiếm khuyết của cõi luân hồi - những đau khổ thật sự
- 2. Suy tư về những tiến trình của sự trầm luân vào cõi luân hồi - những nguồn gốc của khổ đau

NHỮNG KHIẾM KHUYẾT CỦA CÔI LUÂN HỒI - NHỮNG KHỔ ĐAU THẬT SỰ

2B4B-2A2B-2A2B-1. Suy tư về những khiếm khuyết của cõi luân hồi- những đau khổ thật sự

- A. Cho thấy ý định của sự bắt đầu bằng Khổ đế như là chân lý đầu tiên trong Tứ đế
- B. Thiên định thực sự về khổ đau

2B4B-2A2B-2A2B-1A. Cho thấy ý định của sự bắt đầu bằng Khổ đế như là chân lý đầu tiên trong Tứ đế

- 1. Thiết lập mối nghi ngờ
- 2. Trả lời

2B4B-2A2B-2A2B-1A2. Trả lời

- A. Trình bày tóm tắt sự trả lời
- B. Mở rộng giải thích

2B4B-2A2B-2A2B-1A2B. Mở rộng giải thích

- 1. Sự cần thiết để giảng dạy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế theo thứ tự nối tiếp nhau phù hợp với thứ tự trong Kinh điển
- 2. Từ bỏ sự chống đối việc trình bày Tứ đế theo thứ tự này
- 3. Thiết lập những phương tiện logic rằng một thứ tự như thế là cần thiết

2B4B-2A2B-2A2B-1B. Thiên định thật sự về khổ đau

- 1. Suy tư về cái khổ chung của sinh tử luân hồi
- 2. Suy tư về những khổ đau của từng cõi riêng biệt

2B4B-2A2B-2A2B-1B1. Suy tư về cái khổ chung của sinh tử luân hồi

- A. Suy ngẫm về tám loại khổ đau
- B. Suy ngẫm về sáu loại khổ đau

2B4B-2A2B-2A2B-1B1A. Suy ngẫm về tám loại khổ đau

1. Phương pháp thiền định theo mức độ của căn cơ
2. Cần phải thoát khỏi các trạng thái của sự uể oải và phấn khích
3. Sự thành tựu của tất cả các phẩm chất của tam thừa thông qua việc thiền định như thế
4. Tám loại khổ đau
5. Lời khuyên nên trân quý phương pháp thiền định về bản chất này

2B4B-2A2B-2A2B-1B1A-4. Tám loại khổ đau

- A. Suy ngẫm về sự đau khổ của việc sinh ra đời
- B. Suy ngẫm về sự đau khổ của sự già nua
- C. Suy ngẫm về sự đau khổ của bệnh hoạn
- D. Suy ngẫm về sự đau khổ của chết chóc
- E. Suy ngẫm về sự đau khổ của việc gặp gỡ những gì mình không ưa thích
- F. Suy ngẫm về sự đau khổ của việc xa lìa những gì mình ưa thích
- G. Suy ngẫm về sự đau khổ của việc tìm kiếm những thứ mình mong cầu nhưng không đạt được
- H. Suy ngẫm về ý nghĩa của lời tuyên bố: “Tóm lại, năm uẩn là khổ đau”

2B4B-2A2B-2A2B-1B1A-4B. Suy ngẫm về sự đau khổ của sự già nua

1. Mở rộng giải thích
2. Tóm tắt đặc tính cơ bản

2B4B-2A2B-2A2B-1B1A-4H. Suy ngẫm về ý nghĩa của lời tuyên bố: “Tóm lại, năm uẩn là khổ đau”

1. Tóm tắt sự trình bày
2. Mở rộng giải thích

2B4B-2A2B-2A2B-1B1B. Suy ngẫm về sáu loại khổ đau

1. Trình bày tóm tắt về sáu loại khổ đau
2. Trình bày về sáu loại khổ đau được cô đọng lại thành ba
3. Những cảm giác không hề có gì bị ô nhiễm chính là thực thể của sự hạnh phúc

2B4B-2A2B-2A2B-1B2. Suy tư về những khổ đau của từng cõi riêng biệt

- A. Sự đau khổ của ba cõi thấp
- B. Sự đau khổ của cõi người
- C. Sự đau khổ của cõi Atula
- D. Sự đau khổ của cõi Trời

2B4B-2A2B-2A2B-1B2D. Sự đau khổ của cõi Trời

1. Sự đau khổ của chư thiên ở cõi dục
2. Sự đau khổ của chư thiên ở các cõi cao nhất

2B4B-2A2B-2A2B-1B2D-1. Sự đau khổ của chư thiên ở cõi dục

- A. Đau khổ về sự chết, sự luân hồi và bị đọa

- B. Đau khổ của sự đổ ky
- C. Đau khổ của việc bị chặt, bị phanh thây, bị giết và bị đày đi

2B4B-2A2B-2A2B-1B2D-1A. Đau khổ về sự chết, sự luân hồi và bị đọa

- 1. Đau khổ về sự chết và luân hồi
- 2. Đau khổ về sự bị giáng xuống cõi thấp hơn

2B4B-2A2B-2A2B-1B2D-2. Sự đau khổ của chư thiên ở các cõi cao nhất

- A. Thiếu năng lực tránh được sự đau khổ trong tương lai
- B. Họ còn đau khổ vì việc bị đọa xuống các cõi thấp hơn một lần nữa

**BỊ TRẦM LUÂN VÀO CÕI LUÂN HỒI NHƯ THẾ NÀO:
NGUỒN GỐC THẬT SỰ CỦA KHỔ ĐAU**

2B4B-2A2B-2A2B-2. Suy tư về những tiến trình của sự trầm luân vào cõi luân hồi - những nguồn gốc của khổ đau

- A. Những phiền não khởi lên như thế nào
- B. Nghiệp được tích lũy do các phiền não
- C. Bạn chết, luân hồi và tái sinh như thế nào

2B4B-2A2B-2A2B-2A. Những phiền não khởi lên như thế nào

- 1. Làm thế nào mà phiền não là chủ yếu nhất
- 2. Nhận diện phiền não

2B4B-2A2B-2A2B-2A2. Nhận diện phiền não

- A. Sự nhận diện thật sự về phiền não
- B. Những tiến trình mà phiền não khởi lên
- C. Những lỗi lầm của phiền não

2B4B-2A2B-2A2B-2A2A. Sự nhận diện thật sự về phiền não

- 1. Tham luyến
- 2. Sân hận
- 3. Kiêu mạn
- 4. Vô minh
- 5. Nghi ngờ
- 6. Quan điểm (cố chấp) về các hoại uẩn
- 7. Quan điểm chấp vào biên kiến
- 8. Quan điểm chấp vào tà kiến là tối cao
- 9. Quan điểm chấp vào đạo đức xấu và sự hành trì khổ hạnh là tối cao
- 10. Tà kiến

2B4B-2A2B-2A2B-2A2B. Những tiến trình mà phiền não khởi lên

1. Hệ thống Luận tạng khẳng định rằng quan điểm (có chấp) về các hoại uẩn và vô minh là đối lập nhau
2. Hệ thống của Trung luận và ngài Pháp Xứng thì cho rằng bản thân của quan điểm cố chấp vào các hoại uẩn chính là sự vô minh
3. Các phiền não gốc còn lại sẽ khởi lên như thế nào theo lập luận của hai hệ thống trên

2B4B-2A2B-2A2B-2A2C. Những lỗi lầm của phiền não

1. Làm thế nào để xem những phiền não như là kẻ thù do những lỗi lầm nghiêm trọng của chúng
2. Áp dụng sự phát triển của đối trị với những lời của các bậc Thánh tiền bối

2B4B-2A2B-2A2B-2B. Nghiệp được tích lũy như thế nào do những phiền não

1. Xác nhận nghiệp được tích lũy
2. Nghiệp được tích lũy như thế nào

2B4B-2A2B-2A2B-2B1. Xác nhận nghiệp được tích lũy

- A. Hành động đó là cố ý
- B. Những hành động cố ý

2B4B-2A2B-2A2B-2B1B. Những hành động cố ý

1. Các hành động thực tế đã được dự định
2. Thực thể của chúng
3. Xác định ba loại hành động

2B4B-2A2B-2A2B-2B2. Nghiệp được tích lũy như thế nào

1. Giải thích về người tích lũy nghiệp bị ném vào vòng luân hồi
2. Nghiệp do người đó tích lũy như thế nào

2B4B-2A2B-2A2B-2C. Bạo chết, luân hồi và tái sinh như thế nào

1. Những điều kiện (nguyên nhân) của cái chết
2. Tâm thức lúc chết
3. Hơi ấm tụ lại từ đâu
4. Giai đoạn thân trung ấm hình thành như thế nào sau khi chết
5. Bạo tái sinh vào một kiếp sống sau như thế nào

2B4B-2A2B-2A2B-2C1. Những điều kiện (nguyên nhân) của cái chết

- A. Chết theo sau sự cạn kiệt về tuổi thọ của một con người
- B. Chết theo sau sự cạn kiệt về công đức của một con người
- C. Chết do những nguy hiểm không tránh khỏi được

2B4B-2A2B-2A2B-2C2. Tâm thức lúc chết

- A. Những tâm niệm lúc chết
- B. Sự xuất hiện của các tâm niệm này khi chết
- C. Tất cả ba loại tâm niệm lúc chết đều kết nối với nhau do tham ái

2B4B-2A2B-2A2B-2C2B. Sự xuất hiện của các tâm niệm này khi chết

- 1. Sự xuất hiện do tâm thiện
- 2. Sự xuất hiện do tâm bất thiện
- 3. Sự xuất hiện do tâm không xác định (tâm trung tính)

2B4B-2A2B-2A2B-2C2B-2. Sự xuất hiện do tâm bất thiện

- A. Sự xuất hiện thật sự
- B. Sự giải trừ nghi ngờ liên quan đến việc gián đoạn sự sống

2B4B-2A2B-2A2B-2C2B-3. Sự xuất hiện do tâm không xác định (tâm trung tính)

- A. Sự xuất hiện thật sự
- B. Tâm nào sẽ hiện ra khi chết
- C. Tất cả các tâm vi tế đều không được xác định khi chết

2B4B-2A2B-2A2B-2C4. Giai đoạn thân trung ấm hình thành như thế nào sau khi chết

- A. Bardo được hình thành từ đâu
- B. Hình dạng của trạng thái thân trung ấm và v.v.
- D. Thân trung ấm đã xuất hiện như thế nào đối với những người đã tạo ra việc thiện và bất thiện
- E. Nó trông như thế nào
- F. Màu sắc
- G. Phân biệt có phải đó là trạng thái thân trung ấm hay không
- H. Nó di chuyển như thế nào
- I. Tuổi thọ
- J. Cách chuyển đổi sang trạng thái thân trung ấm khác

2B4B-2A2B-2A2B-2C5. Bạn tái sinh vào một kiếp sống sau như thế nào

- A. Cách bạn chuyển sang trạng thái thân trung ấm do tâm tham luyện và v.v.
- B. Thần thức của bạn liên lạc với đối tượng nào và bằng cách nào
- C. Bạn sẽ không bị sinh vào nguồn tái sinh xấu trừ khi bardo mong muốn đi đến đó
- D. Làm thế nào bạn bị tái sinh vào cõi xấu như là một động vật chẳng hạn
- E. Từ bốn nguồn sanh, làm thế nào bạn bị sanh từ nhiệt sanh, ẩm thấp sanh và hóa sanh

2B4B-2A2B-2B. Tiêu chuẩn về thái độ phổ biến của chúng sanh trung căn đã được phát triển

- 1. Trình bày phạm vi của thái độ đã phát khởi
- 2. Sự phát triển chỉ là vẻ bề ngoài về việc nỗ lực cho sự giải thoát nếu như không gì hơn là một tư tưởng tầm thường chắc chắn sẽ khởi lên - đã phát triển

2B4B-2A2B-2C. Loại trừ những quan niệm sai lầm về nó (thái độ phổ biến của chúng sanh trung căn)

1. Nó bị nhận thức sai lầm như thế nào
2. Sự loại trừ những quan niệm sai lầm

2B4B-2A2B-2C2. Sự loại trừ những quan niệm sai lầm

- A. Ý nghĩa của những lời trong Kinh điển cho rằng chư Bồ Tát không hề bị khiếp sợ bởi vòng luân hồi
- B. Làm thế nào nó là cần thiết để thường thức được tái sinh vào cõi luân nhờ lòng từ bi nhưng khiếp sợ bị tái sinh vào cõi luân hồi vì nghiệp lực và phiền não
- C. Đối với những người giữ giới mà chính mình thể hiện phương cách này - không có sự khác biệt giữa việc tái sinh do nghiệp lực, phiền não và sự tái sinh do nguyện lực v. v. thì sự vi phạm (giới luật) sẽ xảy ra
- D. Trân trọng cách ứng xử không rơi vào tình trạng thái quá của sự yên bình và có ác cảm với cõi luân hồi

Giải thích sự xác minh về bản chất của đạo lộ giải thoát

2B4B-2A2B-2D. Xác minh bản chất của đạo lộ giải thoát

1. Chuyển tiếp
2. Sự nắm chắc thực sự về bản chất của đạo lộ

2B4B-2A2B-2D2. Sự nắm chắc thực sự về bản chất của đạo lộ

- A. Do nền tảng nào mà sự luân hồi được ngăn chặn lại
- B. Nhờ phát triển lộ trình tu tập nào mà sự luân hồi được ngăn chặn lại

2B4B-2A2B-2D2A. Do nền tảng nào mà sự luân hồi được ngăn chặn lại

1. Sự cần thiết để ngăn chặn nó vào lúc này khi mà bạn đã có nền tảng của sự an lạc và thuận duyên
2. Sự cần thiết phải nỗ lực ngay bây giờ
3. Dựa trên nền tảng đó, việc xuất gia thọ giới sẽ là điều tốt đẹp như thế nào
4. Sự tôn trọng giới nguyện biệt giải thoát là quan trọng như thế nào bởi vì sự xuất gia thọ giới được cả Kinh tạng lẫn Mật tạng tán thán cho việc thành tựu sự Toàn Tri

2B4B-2A2B-2D2B. Nhờ phát triển lộ trình tu tập nào mà sự luân hồi được ngăn chặn lại

1. Nhận diện lộ trình tu tập - sự chuyển tiếp
2. Cho thấy rằng những sự rèn luyện khác sẽ được giải thích thêm
3. Sự rèn luyện cụ thể về đức hạnh

2B4B-2A2B-2D2B-3. Sự rèn luyện cụ thể về đức hạnh

1. Những lợi ích của sự bảo vệ đức hạnh
2. Những lỗi lầm của việc không bảo vệ đức hạnh
3. Ngày nay, những lợi ích của sự phát triển về đức hạnh là quan trọng như thế nào
4. Phương pháp rèn luyện đức hạnh

2B4B-2A2B-2D2B-3D. Phương pháp rèn luyện đức hạnh

1. Hướng dẫn về bốn cách đối trị để từ bỏ những lỗi lầm
2. Liên hệ điều này với những sự kiện trong quá khứ: sự hời hợt đối với việc tôn trọng các giới luật - thậm chí rất nhỏ - cũng sẽ là điều không thích hợp
3. Sự cần thiết không những cho các bậc hành giả Mật tông xuất gia mà còn cho cả các hành giả Mật tông cư sĩ là phải bảo vệ hầu hết các giới nguyện
4. Đó là vị trí của các bậc Đạo Sư thánh thiện tiền bối soạn ra các nội quy luật lệ để tất cả các hành giả khác thực hành và hỗ trợ lẫn nhau
5. Các bậc vĩ nhân ở miền Thánh Địa đã thực hành các luật lệ mà tất cả mọi hoạt động đều phù hợp với Tam tạng Kinh điển

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TÂM TRONG GIAI TRÌNH CỦA ĐẠO GIẢI THOÁT CỦA CHÚNG SANH THƯỢNG CĂN

2B4B-2A2C. Luyện tâm trong lộ trình tu tập của chúng sanh thượng căn

1. Sự chuyển tiếp
2. Lộ trình tu tập thật sự

2B4B-2A2C-1. Sự chuyển tiếp

- A. Ngay cả đối với việc đạt được hạnh phúc hoàn toàn cho bản thân cá nhân thì cũng sẽ không thích hợp nếu bỏ qua hạnh phúc của người khác, do vậy cần phải bước vào con đường Đại thừa ngay từ lúc bắt đầu
- B. Vì thành tựu hạnh phúc cho tha nhân là điều xứng đáng của các bậc vĩ nhân, vì vậy nó cần phải được thành tựu
- C. Sau khi phát khởi niềm hân hoan rằng có một lối vào lộ trình tu tập mà có thể thành tựu được hạnh phúc cho mình và cho cả tha nhân thì cần phải tiến vào lộ trình ấy

2B4B-2A2C-2. Lộ trình tu tập thật sự

- A. Chứng minh rằng sự phát tâm Giác ngộ (Bồ đề tâm) là cánh cửa duy nhất để đến với Đại thừa
- B. Làm thế nào để phát khởi tâm này
- C. Khi đã phát tâm Bồ đề, làm thế nào để rèn luyện đức hạnh

Chứng minh rằng phát triển tâm giác ngộ là cánh cửa duy nhất để đến với Đại thừa bao gồm cả sự giải thích về lợi ích của nó

2B4B-2A2C-2A. Chứng minh rằng phát tâm Bồ Đề là cánh cửa duy nhất để đến với Đại thừa

1. Xác định Đại thừa bao gồm hai - Kinh thừa và Mật thừa - và phát tâm Bồ Đề là cửa ngõ duy nhất để đến đó
2. Được thừa nhận là hành giả Đại thừa hay không cũng chỉ dựa trên tâm này mà thôi
3. Chỉ có những người phát tâm Bồ đề mới trở thành con trai của Bạc Tỏi Trắng và rạng ngời hơn cả các bậc Thanh văn và Duyên giác
4. Chỉ gia nhập để trở thành hành giả Đại thừa thôi thì vẫn chưa đủ đối với Pháp mà cần phải phát tâm Bồ đề chứ không phải chỉ là những danh từ suông

5. “Tâm Bồ đề” giống như là hạt giống bởi vì nó chỉ sinh ra Phật
6. Phương pháp phát triển tâm Bồ đề thậm chí còn căn bản hơn cả quan điểm về Tánh Không v. v. bởi vì nó chỉ sinh ra Phật mà thôi
7. Đại thừa và Tiểu thừa chỉ được phân biệt về mặt hành vi mà thôi - như phát tâm Bồ đề và những việc đại loại như thế - chứ không được phân biệt về mặt quan điểm
8. Sẽ không thích hợp nếu không chủ yếu tự làm cho mình hiểu biết đầy đủ về Bồ đề tâm hơn là hiểu biết rõ về những yếu tố phụ khác

GIẢI THÍCH PHƯƠNG PHÁP PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

2B4B-2A2C-2B. Làm thế nào để phát khởi tâm này

1. Các giai trình rèn luyện tâm Bồ đề
2. Phạm vi của tâm Bồ đề đã khởi sinh
3. Phương cách giữ lấy tâm Bồ đề bằng phương tiện nghi lễ

2B4B-2A2C-2B1. Các giai trình rèn luyện tâm Bồ đề

- A. Lời huấn thị bày phép luyện tâm về nguyên nhân và kết quả được truyền thừa từ các bậc Đại tiền bối
- B. Rèn luyện dựa trên những gì được tìm thấy trong những tác phẩm của Ngài Tịch Thiên - con trai của bậc Tối Thắng

Giải thích về cách luyện tâm qua phương tiện của lời huấn thị bày phép luyện tâm về nguyên nhân và kết quả

2B4B-2A2C-2B1A. Lời huấn thị bày phép luyện tâm về nguyên nhân và kết quả được truyền thừa từ các bậc Đại tiền bối

1. Trình bày ngắn gọn
2. Mở rộng giải thích

2B4B-2A2C-2B1A-2. Mở rộng giải thích

- A. Sự phát khởi chắc chắn liên quan đến các giai trình
- B. Sự rèn luyện từng bước thực tế

2B4B-2A2C-2B1A-2A. Sự phát khởi chắc chắn liên quan đến các giai trình

1. Chứng minh lòng từ là cội gốc của Đại thừa
2. Phương cách mà trong đó những nguyên nhân và kết quả khác trở thành nguyên nhân và kết quả của lòng từ ấy

2B4B-2A2C-2B1A-2A1. Chứng minh lòng từ là cội gốc của Đại thừa

- A. Tầm quan trọng của lòng từ trong giai đoạn khởi đầu
- B. Tầm quan trọng của lòng từ trong giai đoạn giữa
- C. Tầm quan trọng của lòng từ vào chặng cuối

2B4B-2A2C-2B1A-2A1A. Tầm quan trọng của lòng từ trong giai đoạn đầu

1. Tinh thần trách nhiệm đối với việc giải thoát cho những chúng sanh luân hồi đều dựa trên lòng từ
2. Từ bi là sự chuẩn bị cho tất cả các lộ trình tu tập Đại thừa
3. Lòng từ là bước mở đầu cho đức hạnh của chư Bồ Tát

2B4B-2A2C-2B1A-2A1B. Tầm quan trọng của lòng từ trong giai đoạn giữa

1. Nếu bạn không tiếp tục trưởng dưỡng lòng từ bi thì bạn sẽ bị rơi vào con đường Tiểu thừa
2. Một người không nản chí về sự trân trọng hạnh phúc của tha nhân và dễ dàng thành tựu mọi sự tích lũy

2B4B-2A2C-2B1A-2A1C. Tầm quan trọng của lòng từ vào chặng cuối

1. Tầm quan trọng thực sự vào giai đoạn cuối
2. Đặc biệt, lời khuyên khiến cho tâm Bồ đề tập trung vào những sự hướng dẫn

2B4B-2A2C-2B1A-2A1C-1. Tầm quan trọng thực sự vào giai đoạn cuối

- A. Sự khác nhau giữa chư Phật và chúng Thanh Văn
- B. Tất cả ba sự tương tự bên ngoài (lúc đầu, giữa và cuối) đều chỉ tượng trưng cho lòng từ bi

2B4B-2A2C-2B1A-2A1C-2. Đặc biệt, lời khuyên khiến cho tâm Bồ đề tập trung vào những sự hướng dẫn

- A. Nhu cầu khiến nó trở thành đặc tính cơ bản của sự hành trì
- B. Vì khó đạt được sự chắc chắn về điều này nên cần phải dựa vào sự tích lũy, sự tịnh hóa và Kinh điển

2B4B-2A2C-2B1A-2A2. Phương cách mà trong đó những nguyên nhân và kết quả khác trở thành nguyên nhân và kết quả của lòng từ ấy

- A. Phương pháp mà trong đó sự hiểu biết (tất cả chúng sanh) *như người mẹ* thông qua *tình yêu thương* - là những nguyên nhân
- B. Phương pháp mà trong đó thái độ phi thường và sự phát tâm Bồ đề là kết quả

2B4B-2A2C-2B1A-2A2A. Phương pháp mà trong đó sự hiểu biết (tất cả chúng sanh) *như người mẹ* thông qua *tình yêu thương* - là những nguyên nhân

1. Làm thế nào để phát triển mong ước mãnh liệt cho tất cả chúng sanh được thoát khỏi khổ đau
2. Sự khác biệt giữa việc thu hút (tâm từ bi) phát khởi hay không phát khởi đối với bạn bè, kẻ thù và người ở giữa (không phải là thù hay bạn)
3. Phương pháp khởi tâm đại từ và đại bi bằng cách thiết lập chúng như là sự cuốn hút mãnh liệt bằng ba phương tiện: nhận ra họ là những người mẹ của chúng ta; nhớ đến lòng tốt của họ; ước mong được đền đáp công ơn của họ

4. Về khía cạnh chỉ có tình thương yêu và lòng từ bi thì không nhận dạng được cái nào là nhân cái nào là quả
5. Những sự hướng dẫn này là hệ thống của ai

2B4B-2A2C-2B1A-2A2B. Phương pháp mà trong đó thái độ phi thường và sự phát tâm Bồ đề là kết quả

1. Nghi ngờ
2. Trả lời

2B4B-2A2C-2B1A-2A2B-2. Trả lời

- A. Mặc dù là có lòng từ bi vô lượng nhưng có lẽ sẽ không có thái độ phi thường về việc tự mình gánh vác lấy trách nhiệm
- B. Thái độ phi thường đưa đến sự phát khởi Bồ đề tâm như thế nào

2B4B-2A2C-2B1A-2B. Sự rèn luyện từng bước thực tế

1. Rèn luyện tâm nỗ lực vì hạnh phúc của tha nhân
2. Rèn luyện tâm nỗ lực vì sự giác ngộ
3. Kết quả của sự rèn luyện: nhận ra được sự phát khởi Bồ đề tâm

2B4B-2A2C-2B1A-2B1. Rèn luyện tâm nỗ lực vì hạnh phúc của tha nhân

- A. Đặt nền tảng cho sự phát khởi tâm này
- B. Phát khởi thật sự tâm nỗ lực vì hạnh phúc của tha nhân

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A. Đặt nền tảng cho sự phát khởi tâm này

1. Tạo ra tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh
2. Thực hiện rằng tất cả chúng sanh đều có một khía cạnh thu hút

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A-1. Tạo ra tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh

- A. Các bước chuẩn bị
- B. Làm thế nào để trau dồi tâm bình đẳng

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A-1. Làm thế nào để trau dồi tâm bình đẳng

- A. Sự cần thiết của một tâm bình đẳng sau khi sự tham luyến và sân hận được chấm dứt
- B. Loại tâm bình đẳng nào cần được trau dồi
- C. Thứ tự của thiền định
- D. Nhờ thiền định về điều gì mà tham luyến và sân hận được chấm dứt
- E. Tiêu diệt tham ái và sân hận mặc dù tâm (suy nghĩ) về bạn bè và kẻ thù vẫn chưa được tiêu trừ

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A-2. Thực hiện rằng tất cả chúng sanh đều có một khía cạnh thu hút

- A. Thiền định về tất cả chúng sanh như là mẹ của mình

- B. Nhớ về lòng tốt của họ
- C. Thiên định về sự đền đáp lòng tốt của họ

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A-2A. Thiên định về tất cả chúng sanh như là mẹ của mình

1. Ý nghĩ rằng họ đã từng là mẹ của mình trong quá khứ
2. Ý nghĩ rằng họ vẫn còn là mẹ của mình

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A-2B. Nhớ về lòng tốt của họ

1. Ý nghĩ rằng đó là thiện xảo để bắt đầu với người mẹ của bạn ở kiếp này
2. Cách mà mẹ cũng đã bảo vệ bạn trong kiếp này
3. Người mẹ đã áp ủ nâng niu đứa con hơn cả chính bản thân mình
4. Làm thế nào để thiên định về các điểm cốt yếu riêng biệt
5. Phương pháp để thiên định tiến triển dần dần

2B4B-2A2C-2B1A-2B1A-2C. Thiên định về sự đền đáp lòng tốt của họ

1. Mặc dù bạn không nhận ra họ bởi vì sự sinh, tử và luân hồi; nhưng sẽ thật đáng xấu hổ nếu bạn hờ hững với họ
2. Hờ hững với người đã từng tử tế với mình là không hợp với tư cách tốt
3. Vì sẽ không thích hợp nếu chúng ta đáp đền sự lợi ích bằng những thứ bị nhiễm ô, do vậy ta cần giải thoát họ khỏi sự vô minh
4. Làm thế nào để thiên định về các điểm cốt yếu riêng biệt

2B4B-2A2C-2B1A-2B1B. Phát khởi thật sự tâm nỗ lực vì hạnh phúc của tha nhân

1. Thiên định về lòng thương yêu
2. Thiên định về lòng từ bi
3. Thiên định về thái độ phi thường

2B4B-2A2C-2B1A-2B1B-1. Thiên định về lòng thương yêu

- A. Đối tượng quán sát
- B. Khía cạnh của lòng yêu thương
- C. Công đức này thậm chí còn lớn hơn việc liên tục cúng dường lên chư Phật
- D. Nếu bạn nuôi dưỡng lòng yêu thương trong lĩnh vực này thì công đức sẽ vượt trội hơn công đức trước
- E. Thành tựu được tám sự lợi ích như là được trời và người yêu thương
- F. Các giai đoạn thiên định về lòng yêu thương
- G. Phương pháp thiên định về lòng yêu thương

2B4B-2A2C-2B1A-2B1B-2. Thiên định về lòng từ

- A. Đối tượng quán sát về lòng từ
- B. Khía cạnh của lòng từ
- C. Những thời thiên định tiếp theo về lòng từ
- D. Điểm chính của sự thiên định nối tiếp theo đó
- E. Phương pháp thiên định
- F. Biện pháp phát khởi lòng từ

2B4B-2A2C-2B1A-2B1B-3. Thiền định về thái độ phi thường

- A. Phương pháp thật sự thiền định về thái độ phi thường
- B. Trừ nghi

2B4B-2A2C-2B1A-2B3. Kết quả của sự rèn luyện: nhận ra được sự phát khởi Bồ đề tâm

- A. Định nghĩa khái quát
- B. Phân loại

**Giải thích phương pháp rèn luyện tâm
bằng cách bình đẳng hóa và hoán đổi giữa mình và người**

2B4B-2A2C-2B1B. Sự rèn luyện dựa trên những gì tìm thấy trong các tác phẩm của ngài Tịch Thiên

1. Suy ngẫm về những thuận lợi trong sự hoán đổi và bất lợi trong sự không hoán đổi giữa mình và người
2. Chứng minh rằng bạn có thể phát khởi được tâm này nếu như bạn làm quen với nó
3. Những giai đoạn thiền định về cách làm thế nào để hoán đổi mình và người

2B4B-2A2C-2B1B-1. Suy ngẫm về những thuận lợi trong sự hoán đổi và bất lợi trong sự không hoán đổi giữa mình và người

- A. Để nhanh chóng thành tựu hai sự phúc lợi thì sự hoán đổi giữa mình và người là điều thích hợp
- B. Những thuận lợi trong sự hoán đổi và bất lợi trong sự không hoán đổi giữa mình và người
- C. Do vậy, thật khó đạt được quả vị Phật nếu không hoán đổi giữa mình và người

2B4B-2A2C-2B1B-2. Chứng minh rằng bạn có thể phát khởi được tâm này nếu như bạn làm quen với nó

- A. Đề tài thực tế
- B. Giải trừ nghi ngờ

2B4B-2A2C-2B1B-3. Những giai đoạn thiền định về cách làm thế nào để hoán đổi mình và người

- A. Loại trừ những chướng duyên
- B. Phương pháp thực tế để thiền định

2B4B-2A2C-2B1B-3A. Loại trừ những chướng duyên

1. Nhận dạng tâm hoán đổi giữa mình và người
2. Loại trừ chướng duyên đối với nó

2B4B-2A2C-2B1B-3A2. Loại trừ chướng duyên đối với nó

- A. Loại trừ chướng duyên của việc xem mình và người là những cá thể khác biệt
- B. Loại trừ chướng duyên của sự suy nghĩ rằng “Vì những khổ đau của người khác không hề hại đến tôi cho nên tôi không cần phải nỗ lực để loại trừ nó

2B4B-2A2C-2B1B-3A2A. Loại trừ chướng duyên của việc xem mình và người là những cá thể khác biệt

1. Đề tài thực tế
2. Những nguồn dẫn chứng của Kinh điển

2B4B-2A2C-2B1B-3A2B. Loại trừ chướng duyên của sự suy nghĩ rằng “Vì những khổ đau của người khác không hề hại đến tôi cho nên tôi không cần phải nỗ lực để loại trừ nó

1. Bác bỏ về khía cạnh những hành động (của cùng một người) lúc còn thanh niên và khi lớn tuổi
2. Bác bỏ về khía cạnh các bộ phận khác nhau của cơ thể vào những thời điểm khác nhau
3. Từ bỏ sự nghi ngờ rằng những sự so sánh này không giống nhau như “tôi” và “người khác” bởi vì chúng ám chỉ cùng một thể liên tục hoặc là cùng một uẩn
4. Nhờ năng lực của sự làm quen (với tâm hoán đổi), tâm thương yêu người khác cũng có thể được phát triển

2B4B-2A2C-2B1B-3B. Phương pháp thực tế để thiền định

1. Suy ngẫm về những bất lợi khi yêu thương chính bản thân mình và những lợi thế khi yêu thương người khác
2. Cần thiết chấm dứt sự ái ngã bằng cách xem xét nó như là một kẻ thù
3. Khởi tâm thương yêu người khác
4. Làm thế nào để thiền định ghi nhớ những lời dạy của các bậc Thánh Đạo Sư tiền bối
5. Sự thích hợp của nỗ lực bằng nhiều cách tiếp cận vào các phương pháp phát khởi tâm Bồ đề

Giải thích phương cách đảm nhận tâm Bồ đề bằng phương tiện nghi lễ

2B4B-2A2C-2B3. Phương cách đảm nhận tâm Bồ đề bằng phương tiện nghi lễ

- A. Thọ nhận những gì chưa nhận được
- B. Bảo vệ những gì đã nhận được mà không bị thoái hóa
- C. Phương pháp phục hồi giới nguyện nếu như nó đã bị thoái hóa

2B4B-2A2C-2B3A. Thọ nhận những gì chưa nhận được

1. Từ ai: đối tượng (*giới*) được thọ nhận từ ai
2. Bởi ai: cơ sở (*chủ thể*) thọ nhận nó
3. Bằng cách nào: nó được thọ nhận bằng nghi thức nào

2B4B-2A2C-2B3A-3. Bằng cách nào: nghi thức mà nó được thực hiện

- A. Chuẩn bị cho nghi lễ
- B. Nghi lễ thật sự

C. Kết thúc nghi lễ

2B4B-2A2C-2B3A-3A. Chuẩn bị cho nghi lễ

1. Sự quy y đặc biệt
2. Tích lũy công đức
3. Rèn luyện thái độ

2B4B-2A2C-2B3A-3A1. Quy y đặc biệt

- A. Trang trí bàn thờ, trưng bày các biểu tượng, dâng các phẩm vật cúng dường
- B. Thỉnh cầu và quy y
- C. Nói rõ những sự rèn luyện khi đã quy y

2B4B-2A2C-2B3A-3A1A. Trang trí bàn thờ, trưng bày các biểu tượng, dâng các phẩm vật cúng dường

1. Những biểu thị khái quát liên quan đến nơi chốn, những biểu tượng đặc trưng, phẩm vật cúng dường và v. v.
2. Giải trừ nghi ngờ về điều này
3. Những bước cần được thực hiện bởi bậc Đạo sư và đệ tử

2B4B-2A2C-2B3A-3A1B. Thỉnh cầu và quy y

1. Thỉnh cầu
2. Sự quy y đặc biệt

2B4B-2A2C-2B3A-3A1B-2. Sự quy y đặc biệt

- A. Thái độ cùng với các đối tượng
- B. Những lời của nghi lễ

2B4B-2A2C-2B3A-3B. Nghi lễ thật sự

1. Hành vi
2. Nét đặc biệt của sự phát tâm
3. Một sự ngoại lệ liên quan đến điều này
4. Nó không thích hợp để thừa nhận cả hai hệ thống bảo vệ hay không bảo vệ những sự rèn luyện về khía cạnh liên quan đến Bồ đề tâm hạnh
5. Mặc dù nó thích hợp cho một vài người không rèn luyện trong các sự rèn luyện để phát khởi Bồ Đề tâm nguyện, tuy nhiên các giới nguyện của Bồ Đề tâm hạnh thì không thích hợp
6. Nghi lễ cho việc thừa nhận sự phát khởi của tâm
7. Phương thức để thọ nhận sự phát khởi của tâm bằng chính nó trong nghi lễ

2B4B-2A2C-2B3B. Bảo vệ những gì đã nhận được mà không bị thoái hóa

1. Rèn luyện về nguyên nhân của sự phát tâm mà không bị thoái hóa trong kiếp này
2. Rèn luyện về nguyên nhân của sự không bị tách rời với sự phát tâm trở lại trong những kiếp sau

2B4B-2A2C-2B3B-1. Rèn luyện về nguyên nhân của sự phát tâm mà không bị thoái hóa trong kiếp này

- A. Rèn luyện trong việc ghi nhớ những lợi thế, nhờ vậy mà sức mạnh của niềm vui về sự phát khởi của tâm được tăng trưởng
- B. Rèn luyện sự phát tâm sáu lần, nhờ đó mà sự phát tâm thật sự sẽ tăng trưởng
- C. Rèn luyện trong tâm thức không bỏ rơi bất cứ chúng sanh nào bởi vì cái tâm dành cho sự phúc lợi của họ đã được phát khởi
- D. Rèn luyện trong sự tích lũy phước đức và trí tuệ

2B4B-2A2C-2B3B-1A. Rèn luyện trong việc ghi nhớ những lợi thế, nhờ vậy mà sức mạnh của niềm vui về sự phát khởi của tâm được tăng trưởng

- 1. Cách mà các lợi thế được giải thích trong Kinh điển
- 2. Cách mà Bồ đề tâm được tán thán trong các tác phẩm của các bậc Thánh nhân
- 3. Sự hướng dẫn để sách tấn chính mình bởi vì chư Phật và những người con của họ đã nhận thấy được chính cái tâm này là phương pháp tối thượng nhất

2B4B-2A2C-2B3B-1A1. Cách mà các lợi thế được giải thích trong Kinh điển

- A. Những nguyên nhân không phổ biến
- B. Trình bày những lợi thế

2B4B-2A2C-2B3B-1A1B. Trình bày những lợi thế

- 1. Sự chuyên tiếp
- 2. Những lợi thế thật sự

2B4B-2A2C-2B3B-1A1B-2. Những lợi thế thật sự

- A. Bạn trở thành một phước điền thánh thiện
- B. Bạn triệt để giữ gìn phước đức của sự bất hại

2B4B-2A2C-2B3B-1A1B-2A. Bạn trở thành một phước điền thánh thiện

- 1. Bạn trở thành một đối tượng của sự tôn kính
- 2. Bạn trở thành một đáng cao quý
- 3. Bạn trở thành một mảnh ruộng của phước đức
- 4. Bạn trở thành một người hộ trì cho cả thế giới

2B4B-2A2C-2B3B-1A1B-2B. Bạn triệt để giữ gìn phước đức của sự bất hại

- 1. Cách mà bạn được bảo vệ bởi các vị Hộ pháp
- 2. Thần chú và những thứ như thế sẽ thành công dễ dàng hơn
- 3. Nạn đói và những sự tương tự sẽ không xảy ra
- 4. Bạn sẽ kiên nhẫn và không sân hận
- 5. Bạn sẽ khó bị tái sanh vào các cõi thấp, và bạn sẽ nhanh chóng được giải thoát
- 6. Những lợi thế thật là vô lượng như thế nào

2B4B-2A2C-2B3B-1B. Rèn luyện sự phát tâm sáu lần, nhờ đó mà sự phát tâm thật sự sẽ tăng trưởng

1. Rèn luyện không từ bỏ lòng khát khao phát khởi tâm (Bồ đề)
2. Rèn luyện làm tăng trưởng sự khát khao phát khởi tâm ấy

2B4B-2A2C-2B3B-1B1. Rèn luyện không từ bỏ lòng khát khao phát khởi tâm (Bồ đề)

- A. Từ bỏ nó thì sẽ nặng hơn cả việc phạm những giới nguyện biệt giải thoát và hệ quả là sẽ lang thang một thời gian rất dài trong những cõi thấp
- B. Không từ bỏ nó nhờ niềm hoan hỷ giống như tìm thấy một viên ngọc quý trong đồng rác

2B4B-2A2C-2B3B-1B2. Rèn luyện làm tăng trưởng sự khát khao phát khởi tâm ấy

- A. Nếu chỉ từ bỏ đơn thuần thì vẫn chưa đủ, nó cần phải được củng cố
- B. Nghi lễ được thực hiện sáu lần như thế nào

2B4B-2A2C-2B3B-2. Rèn luyện về nguyên nhân của sự không bị tách rời với sự phát tâm trở lại trong những kiếp sau

- A. Rèn luyện về sự từ bỏ bốn hắc pháp (bốn việc làm xấu ác) khiến cho nó thoái hóa
- B. Rèn luyện về sự tiếp nhận bốn bạch pháp (bốn việc làm thiện lành) không cho phép nó thoái hóa

2B4B-2A2C-2B3B-2A. Rèn luyện về sự từ bỏ bốn hắc pháp khiến cho nó thoái hóa

1. Lừa dối vị trụ trì, vị Thầy, bậc Đạo sư, hoặc những người xứng đáng cho sự cúng dường
2. Khiến cho người khác phải hối tiếc về những đức tính tốt mà họ không hối tiếc
3. Nói những điều không hài lòng hoặc đại loại như thế về những người đã bước vào con đường Đại thừa
4. Hành động do sự lừa dối và xảo quyết nhưng không có thái độ bất thường

2B4B-2A2C-2B3B-2A1. Lừa dối vị trụ trì, vị Thầy, bậc Đạo sư, hoặc những người xứng đáng cho sự cúng dường

- A. Đối tượng và hành động
- B. Giải trừ nghi ngờ

2B4B-2A2C-2B3B-2A2. Khiến cho người khác phải hối tiếc về những đức tính tốt mà họ không hối tiếc

- A. Đối tượng và hành động
- B. Giải trừ nghi ngờ

2B4B-2A2C-2B3B-2A3. Nói những điều không hài lòng hoặc đại loại như thế về những người đã bước vào con đường Đại thừa

- A. Đối tượng và hành động
- B. Phạm vi
- C. Sự cần thiết như thế nào để từ bỏ việc này vì nó là một lỗi lầm nghiêm trọng và rất dễ xảy ra
- D. Nó mang bạn đi xa dần với sự giác ngộ
- E. Cần phải sách tấn chính mình về sự sám hối và thúc liễm

2B4B-2A2C-2B3B-2A4. Hành động do sự lừa dối và xảo quyết nhưng không có thái độ bất thường

- A. Đối tượng và hành động
- B. Giải thích về ý nghĩa của từ

2B4B-2A2C-2B3B-2B. Rèn luyện về sự tiếp nhận bốn bạch pháp không cho phép nó thoái hóa

1. Từ bỏ sự lừa dối cố ý
2. Trung thành với thái độ phi thường mà không có sự lừa dối và xảo quyết
3. Khởi lên sự nhận thức rằng chư Bồ tát giống như những vị Thầy và hãy tán thán họ
4. Làm cho chúng sanh trở nên chín chắn hơn

2B4B-2A2C-2B3B-2B3. Khởi lên sự nhận thức rằng chư Bồ tát giống như những vị Thầy và hãy tán thán họ

- A. Đối tượng và hành động
- B. Làm thế nào để có một nhu cầu bảo vệ chống lại điều này
- C. Phương pháp thể hiện những phẩm chất

2B4B-2A2C-2B3B-2B4. Làm cho chúng sanh trở nên chín chắn hơn

- A. Bạch pháp thực tế thứ tư: đối tượng và hành động
- B. Những lời tuyên bố trong những kinh điển khác

2B4B-2A2C-2B3B-2B4A. Bạch pháp thực tế thứ tư: đối tượng và hành động

2B4B-2A2C-2B3B-2B4B. Sự giải thích trong ba Kinh, Trích yếu của những sự Tu tập và v. v.

1. Lợi thế của việc thiết lập những chúng sanh khác trong sự phát tâm
2. Tuyên bố rằng từ bỏ sự kiêu mạn và những thứ như thế thì sự phát tâm sẽ không bị bỏ rơi
3. Nếu tất cả các hành động và đức hạnh được thực hiện kết hợp với sự phát tâm thì trong mọi kiếp hành giả sẽ không bị tách lìa với Bồ đề tâm của mình

Giải thích phương pháp rèn luyện đức hạnh sau khi đã phát Bồ đề tâm

2B4B-2A2C-2C. Khi đã phát tâm Bồ đề, làm thế nào để rèn luyện đức hạnh

1. Lý do tại sao nó là cần thiết để rèn luyện trong các khóa tu tập, Bồ đề tâm đã được phát khởi

2. Chứng minh rằng quả vị Phật sẽ không đạt được bằng cách chỉ rèn luyện mỗi một mình phương tiện hay trí tuệ
3. Giải thích các giai đoạn thực tế của sự rèn luyện trong các khóa tu tập

2B4B-2A2C-2C1. Lý do tại sao nó là cần thiết để rèn luyện trong các khóa tu tập, Bồ đề tâm đã được phát khởi

- A. Quả vị Phật không đạt được mà không hoàn tất các sự rèn luyện
- B. Trước tiên là điều phục chính mình bởi vì một người không thể thuần hóa người khác mà không tự điều phục được chính mình
- C. Những gì nhất thiết cần phải được thành tựu

2B4B-2A2C-2C2. Chứng minh rằng quả vị Phật sẽ không đạt được bằng cách chỉ rèn luyện mỗi một mình phương tiện hay trí tuệ

- A. Làm thế nào để rèn luyện trong phương pháp hoàn hảo và không lỗi lầm
- B. Bác bỏ những quan niệm sai lầm về việc này
- C. Bác bỏ những câu trả lời cho sự phản đối về việc này

2B4B-2A2C-2C2A. Làm thế nào để rèn luyện trong phương pháp hoàn hảo và không lỗi lầm

1. Cần trở nên không nhằm lẫn đối với lộ trình hoàn hảo
2. Nhận diện lộ trình hoàn hảo

2B4B-2A2C-2C2B. Bác bỏ những quan niệm sai lầm về việc này

1. Phương thức sai lầm của khái niệm
2. Sự bác bỏ của chúng

2B4B-2A2C-2C2B-1. Phương thức sai lầm của khái niệm

- A. Phương thức sai lầm của sự lĩnh hội
- B. Sự giải thích sai lầm về nguồn gốc của chúng

2B4B-2A2C-2C2B-2. Sự bác bỏ của chúng

- A. Các học giả đã phản bác sự tội tệ của tà kiến như thế nào
- B. Những người bất hạnh đã trung thành với chúng như thế nào bất chấp những sự phản bác ấy
- C. Vô dư y Niết bàn cần phải đạt được bằng con đường tu tập bao gồm cả hai: Trí tuệ và Phương tiện
- D. Tánh Không sở hữu mọi khía cạnh hoàn hảo nhất cần thiết cho sự chứng đạt quả vị Phật
- E. Luận điểm chỉ chấp nhận duy nhất trí tuệ - đã bị phản bác như thế nào trong Luận tạng

2B4B-2A2C-2C2B-2C. Vô dư y Niết bàn cần phải đạt được bằng con đường tu tập bao gồm cả hai: Trí tuệ và Phương tiện

1. Luận điểm cho rằng “không cần thiết phải thành tựu cả phương tiện lẫn trí tuệ” mâu thuẫn với tất cả Kinh điển và lý luận
2. Chứng minh bằng những đoạn Kinh điển về việc trí tuệ và phương tiện đã phân bác hai thái cực như thế nào
3. Chứng minh bằng những đoạn Kinh điển rằng bao lâu mà trí tuệ và phương tiện chưa được thành tựu thì chúng ta vẫn còn bị trói buộc vào các thái cực của sự hiện hữu và yên bình
4. Sự chứng đạt Phật quả dựa vào cả trí tuệ lẫn phương tiện

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C. Bác bỏ những câu trả lời cho sự phản đối về việc này

1. Bác bỏ sự phản đối khẳng định rằng phương tiện thì không cần thiết nếu như đã ngộ được tánh Không
2. Bác bỏ sự phản đối khẳng định rằng phương tiện thì không cần thiết bởi vì trong quan điểm của tánh Không, lục độ Ba-la-mật là đã đầy đủ rồi
3. Sự chứng minh về những mâu thuẫn này trong một số nhận định khác

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-1. Bác bỏ sự phản đối khẳng định rằng phương tiện thì không cần thiết nếu như đã ngộ được tánh Không

- A. Tuyên bố lời khẳng định
- B. Sự phản bác lại nó

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-1B. Sự phản bác lại nó

1. Sự phản bác vì nó mâu thuẫn với những Kinh điển có ý nghĩa đáng tin cậy nhất
2. Thậm chí với sự liễu ngộ về tánh Không ở mức độ cao nhất thì phương tiện và trí tuệ vẫn cần thiết như thế nào
3. Vì vậy, sẽ không thích hợp nếu nghĩ rằng phương tiện và trí tuệ không cần thiết ngay từ lúc ban đầu
4. Thậm chí trên những lộ trình tu tập cao của Mật chú, phương pháp để phát khởi tâm và rèn luyện về lục độ Ba-la-mật nói chung cũng như nhau

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-2. Lời phản đối cho rằng: “Vì lục độ Ba-la-mật đã trọn vẹn khi bạn không còn suy nghĩ về bất cứ điều gì nữa, như vậy đã đủ rồi” và sự phản bác của nó

- A. Chúng có vẻ trọn vẹn như thế nào theo cách phỏng đoán ấy
- B. Bác bỏ rằng với một cách nói lạc đề

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-2B. Bác bỏ rằng với một cách nói lạc đề

1. Những hậu quả lỗi bịch sẽ xảy ra nếu điều đó là như vậy
2. Nếu cho rằng nó đã đủ rồi khi mỗi một trong sáu (Ba-la-mật) được trọn vẹn, thì nó cũng sẽ xảy ra rằng một mạn đà la sẽ được cúng dường với một chất duy nhất
3. Trí tuệ và phương tiện không bị tách rời đã ảnh hưởng lẫn nhau như thế nào

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3. Chứng minh về những mâu thuẫn này trong một số nhận định khác

- A. Thật là sai lầm khi cho rằng những nguyên nhân của các trạng thái cao và đức hạnh kiên cố là mâu thuẫn
- B. Lời nói của một người sẽ mâu thuẫn như lời nói của một kẻ mất trí
- C. Nguồn gốc của sự thiếu vắng những đối tượng được quán sát và những mâu thuẫn nội tại
- D. Mâu thuẫn đối với việc mang lại bất cứ một sự chắc chắn nào
- E. Những mâu thuẫn với nhiều Kinh điển và v. v. dạy về sự thiếu vắng của một đối tượng được quán sát
- F. Làm rõ quan điểm áp dụng bình đẳng đối với Kinh điển và Mật chú

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3C. Nguồn gốc của sự thiếu vắng những đối tượng được quán sát và những mâu thuẫn nội tại

- 1. Sự trình bày trong Kinh điển
- 2. Mâu thuẫn với cách thức mà đoạn văn đầu tiên được giải thích
- 3. Mâu thuẫn với sự duy trì những lời lẽ của đoạn văn thứ hai, bởi vì thật ra nó nói rằng: “rơi vào sự quán sát”

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3D. Mâu thuẫn đối với việc mang lại bất cứ một sự chắc chắn nào

- 1. Nó mâu thuẫn với những lời dạy rằng người ta nên dựa vào sự từ bỏ những điều tiêu cực và v.v.
- 2. Các lỗi rằng sự khẳng định này mâu thuẫn với tất cả các lý luận và khiến cho nó không thể đạt được một cách chắc chắn đối với bất cứ điều gì
- 3. Hiểu biết về những lời tuyên bố trong ngữ cảnh của Nhị đế

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3D2. Các lỗi rằng sự khẳng định này mâu thuẫn với tất cả các lý luận và khiến cho nó không thể đạt được một cách chắc chắn đối với bất cứ điều gì

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3D3. Hiểu biết về những lời tuyên bố trong ngữ cảnh của Nhị đế

- 1. Phương tiện và trí tuệ không mâu thuẫn nhau như nóng và lạnh
- 2. Hai nhận thức đúng đắn đã thừa nhận về Nhị đế hỗ trợ lẫn nhau như thế nào
- 3. Làm rõ sự sai lầm được thể hiện trong đoạn trích dẫn thứ ba

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3E. Những mâu thuẫn với nhiều Kinh điển và v. v. dạy về sự thiếu vắng của một đối tượng được quán sát

- 1. Nó mâu thuẫn với bản trích yếu của tất cả Kinh điển
- 2. Nó mâu thuẫn với Kinh điển bởi vì sự Toàn tri không phát sinh khi không có đối tượng được quán sát
- 3. Nó cần thiết như thế nào để kiểm tra một cách riêng biệt về sự hiện diện hay thiếu vắng những đối tượng được quán sát
- 4. Mặc dù mối quan hệ giữa phiền não và những dấu hiệu nhận biết đã được nói lỏng, nó vẫn không thích hợp để phát triển sự lỏng lẻo trong vấn đề giữ gìn và thúc liễm

2B4B-2A2C-2C2B-2C2C-3F. Làm rõ quan điểm áp dụng bình đẳng đối với Kinh điển và Mật chú

- 1. Đối tượng bị phản bác bởi Liên Hoa Giới

- Chỉ ra rằng nó sẽ được giải thích rằng mặc dù những sự rèn luyện về phương tiện và trí tuệ hoàn chỉnh triệt để đều như nhau trong cả Kinh điển lẫn Mật chú, khi nghiên cứu một cách riêng lẻ thì vẫn có những sự khác biệt

2B4B-2A2C-2C3. Giải thích các tiến trình thực tế của sự rèn luyện trong việc tu tập

- Phương pháp tu tập trong Đại thừa nói chung
- Đặc biệt phương pháp tu tập trong Kim cang thừa

Giải thích làm thế nào để rèn luyện trong tư cách những người con của các Bậc Tối Thắng nói chung

2B4B-2A2C-2C3A. Phương pháp tu tập trong Đại thừa nói chung

- Phát triển nguyện ước rèn luyện trong sự tu tập của chư Bồ tát
- Đã phát triển nguyện ước rồi, hãy thọ trì các giới nguyện của những người con của bậc Tối Thắng (Bồ Tát Giới)
- Phương pháp rèn luyện giới sau khi đã thọ trì

2B4B-2A2C-2C3A-3. Phương pháp rèn luyện giới sau khi đã thọ trì

- Nền tảng của sự tu tập
- Những sự rèn luyện được hàm chứa trong đó như thế nào
- Các giai đoạn rèn luyện chúng

2B4B-2A2C-2C3A-3B. Những sự rèn luyện được hàm chứa trong đó như thế nào

- Ý nghĩa thực tế: số lượng xác định của các Ba-la-mật
- Thêm vào đó, thứ tự xác định của chúng

2B4B-2A2C-2C3A-3B1. Ý nghĩa thực tế: số lượng xác định của các Ba-la-mật

- Sự chuyển tiếp
- Đề tài thực sự

2B4B-2A2C-2C3A-3B1B. Đề tài thực sự

- Số lượng xác định từ quan điểm của những trạng thái cao
- Số lượng xác định từ quan điểm của sự thành tựu hai sự phúc lợi
- Số lượng xác định từ quan điểm của sự thành tựu trọn vẹn vì phúc lợi của tha nhân trong mọi khía cạnh
- Số lượng xác định từ quan điểm của sự bao hàm toàn bộ Đại thừa
- Số lượng xác định từ quan điểm của ảnh hưởng tất cả các khía cạnh của lộ trình tu tập hay phương tiện
- Số lượng xác định từ quan điểm của tam vô lậu học (giới, định, tuệ)

2B4B-2A2C-2C3A-3B1B-1. Số lượng xác định từ quan điểm của những trạng thái cao

- Sự hỗ trợ phải xuất sắc như thế nào trong tất cả các bộ phận của nó

- B. Sau khi đã nhận diện được sự hỗ trợ xuất sắc rồi, làm thế nào để các nguyên nhân tương ứng với những nguyên nhân cho sự hỗ trợ
- C. Liên quan đến những gì đã nói ở trên về Kinh điển và sự phân biệt trạng thái cao của thời gian của lộ trình tu tập và kết quả cụ thể

2B4B-2A2C-2C3A-3B1B-2. Số lượng xác định từ quan điểm của sự thành tựu hai phúc lợi

- A. Sự chuyển tiếp
- B. Đề tài thực tế

2B4B-2A2C-2C3A-3B1B-2B. Đề tài thực tế

1. Ba phần đầu tiên của sáu Ba-la-mật đã mang lại hạnh phúc cho tha nhân
2. Điều gì mang lại hạnh phúc cho chính mình
3. Sự hoan hỷ tinh tấn đã trở thành nền tảng của cả hai sự phúc lợi
4. Một đoạn Kinh về sự ảnh hưởng đó
5. Người ta không giúp người khác hoàn toàn giải thoát được đều phụ thuộc vào trí tuệ
6. Nhận dạng trình tự tương ứng của hai Ba-la-mật cuối cùng

2B4B-2A2C-2C3A-3B1B-2. Số lượng xác định từ quan điểm của ảnh hưởng tất cả các khía cạnh của lộ trình tu tập hay phương tiện: làm thế nào sáu Ba-la-mật trở thành phương tiện đối với việc thành tựu của bất cứ khía cạnh riêng biệt nào

- A. Phương pháp mà trong đó sự rộng lượng (bố thí) được hàm chứa trong lộ trình tu tập
- B. Phương pháp mà trong đó đạo đức (giới luật) đóng vai trò như một pháp môn
- C. Phương pháp mà trong đó sự nhẫn nhục đóng vai trò như một pháp môn
- D. Phương pháp mà trong đó sự tinh tấn hoan hỷ đóng vai trò như một pháp môn
- E. Phương pháp mà trong đó hai Ba-la-mật cuối cùng đóng vai trò như một pháp môn

2B4B-2A2C-2C3A-3B1B-6. Số lượng xác định từ quan điểm của tam vô lậu học

- A. Các Ba-la-mật được hàm chứa trong tam vô lậu học
- B. Vì vậy, tầm quan trọng của sự hiểu biết rằng con số đó là xác định

2B4B-2A2C-2C3A-3B2. Thêm vào đó, thứ tự xác định của chúng

- A. Thứ tự khởi sinh
- B. Thứ tự về khía cạnh cao thấp
- C. Thứ tự về khía cạnh thô tế

2B4B-2A2C-2C3A-3C. Các giai đoạn rèn luyện chúng

1. Phương pháp rèn luyện về đức hạnh nói chung
2. Đặc biệt, phương pháp rèn luyện về hai Ba-la-mật sau cùng

2B4B-2A2C-2C3A-3C1. Phương pháp rèn luyện về đức hạnh nói chung

- A. Giải thích rộng về phương pháp rèn luyện đức hạnh nói chung
- B. Tóm tắt ý nghĩa

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A. Giải thích rộng về phương pháp rèn luyện đức hạnh nói chung

1. Tu tập các Ba-la-mật để làm chín muồi những Phật tánh của chính bạn
2. Tu tập Tứ nhiếp Pháp để thu thập môn đệ, giúp người khác trưởng thành

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1. Tu tập các Ba-la-mật để làm chín muồi những Phật tánh của chính bạn

- A. Phương pháp tu tập về sự bố thí
- B. Phương pháp tu tập về sự hành trì giới luật
- C. Phương pháp tu tập về hạnh nhẫn nhục
- D. Phương pháp tu tập về sự tinh tấn
- E. Phương pháp tu tập về thiền định
- F. Phương pháp tu tập về trí tuệ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A. Phương pháp tu tập về sự bố thí

1. Đặc tính của sự bố thí
2. Những sự phân loại
3. Làm thế nào để phát triển sự bố thí trong dòng tâm thức liên tục của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A1. Đặc tính của sự bố thí

- A. Đặc tính
- B. Biện pháp cho sự hoàn hảo của nó

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A2. Những sự phân loại

- A. Phân loại từ quan điểm của những hỗ trợ cá nhân
- B. Phân loại về đặc tính của chính sự bố thí

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A2A. Phân loại từ quan điểm của những hỗ trợ cá nhân

1. Giải thích về những sự bố thí cá nhân cho những sự hỗ trợ cá nhân
2. Sự thu nhận và cúng dường các thứ vật chất làm ngăn trở việc nghiên cứu, học hành của các bậc xuất gia đều bị nghiêm cấm, trong khi đó, nếu như sự thọ nhận không tác hại đến việc học hành của họ thì nên cúng dường

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A2B. Phân loại về đặc tính của chính sự bố thí

1. Pháp thí
2. Vô úy thí
3. Tài thí

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A3. Làm thế nào để phát triển sự bố thí trong dòng tâm thức liên tục của bạn

- A. Để thành tựu sự bố thí Ba-la-mật, tâm cho đi tất cả tài sản sở hữu của mình sẽ cần thiết như thế nào hơn là chỉ đơn thuần để diệt trừ bản tánh keo kiệt bủn xỉn mà thôi

- B. Suy nghĩ về những lợi thế của sự bố thí và những bất lợi của sự không bố thí
- C. Các phương pháp thực tế liên quan đến việc bố thí

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A3C. Các phương pháp thực tế liên quan đến việc bố thí

1. Cách phát khởi tâm bố thí thật sự
2. Tầm quan trọng của thái độ bên trong
3. Bố thí chỉ đơn thuần là một ý niệm
4. Phương pháp kết hợp sự bố thí với sáu Ba-la-mật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A3C-1. Cách phát khởi tâm bố thí thật sự

- A. Chủ đề thực sự
- B. Những người sơ cơ cần phải hành động như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1A3C-2. Tầm quan trọng của thái độ bên trong

- A. Những bất lợi của sự lãng quên hạnh phúc của tha nhân
- B. Giải trừ nghi ngờ liên quan đến một sự thất bại

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B. Phương pháp tu tập về sự hành trì giới luật

1. Đặc tính của sự trì giới
2. Những sự phân loại của nó
3. Làm thế nào để phát triển sự trì giới trong dòng tâm thức liên tục của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B1. Đặc tính của sự trì giới

- A. Đặc tính của sự trì giới
- B. Đặc tính của sự trì giới Ba-la-mật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B2. Những sự phân loại của nó

- A. Giới luật thúc liễm
- B. Giới luật tích lũy những phẩm hạnh đạo đức
- C. Giới luật mang lại lợi lạc cho chúng sanh

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B2A. Giới luật thúc liễm

1. Trình bày khái quát
2. Những tính năng đặc biệt

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B3. Làm thế nào để phát triển sự trì giới trong dòng tâm thức liên tục của bạn

- A. Điều kiện tiên quyết và lợi thế của sự trì giới
- B. Thực thể của việc trì giới
- C. Khiến cho việc trì giới mang tính chất của sáu Ba-la-mật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B3A. Điều kiện tiên quyết và lợi thế của sự trì giới

1. Nguyên nhân của sự trì giới thanh tịnh và nó phụ thuộc vào những gì
2. Suy tư về những lợi thế và bất lợi của việc giữ gìn và không giữ gìn giới luật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1B3B. Thực thể của việc trì giới

1. Giới thiệu về tầm quan trọng của phương pháp tu tập sự trì giới
2. Sự trì giới thúc liễm chính: Tâm kiểm chế từ những lỗi lầm tự nhiên cần phải được phát khởi trở lại liên tục
3. Trình bày tóm tắt

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C. Phương pháp tu tập hạnh nhẫn nhục

1. Đặc tính của hạnh nhẫn nhục
2. Những sự phân loại của nó
3. Phương pháp phát triển hạnh nhẫn nhục trong dòng tâm thức liên tục của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C1. Đặc tính của hạnh nhẫn nhục

1. Giải thích về đặc tính của hạnh nhẫn nhục
2. Sự hoàn hảo của nhẫn nhục Ba-la-mật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3. Phương pháp phát triển hạnh nhẫn nhục trong dòng tâm thức liên tục của bạn

- A. Thiên định về những lợi thế của sự nhẫn nhục và những bất lợi của sự thiếu nhẫn nhục
- B. Phương pháp thực tế để trau dồi hạnh nhẫn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A. Thiên định về những lợi thế của sự nhẫn nhục và những bất lợi của sự thiếu nhẫn nhục

1. Những lợi thế của sự nhẫn nhục
2. Những bất lợi của sự thiếu nhẫn nhục

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2. Những bất lợi của sự thiếu nhẫn nhục

- A. Những bất lợi vô hình
- B. Những bất lợi có thể nhìn thấy cùng với những nhận xét bổ sung

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A. Những bất lợi vô hình

1. Sự sân hận hủy diệt các cội rễ của đức hạnh
2. Chúng bị hủy diệt như thế nào ngay cả khi đối tượng của sự sân hận là một bậc xuất gia nhưng không phải là Bồ tát
3. Giải nghi liên quan đến sự hủy diệt cội rễ của đức hạnh
4. Những chi tiết liên quan đến cách mà chúng bị hủy diệt

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A1. Sự sân hận hủy diệt cội rễ của đức hạnh như thế nào

- A. Chủ đề thực tế
- B. Sự khác biệt về đối tượng của sự sân hận
- C. Sự hỗ trợ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A3. Giải nghi liên quan đến sự hủy diệt cội rễ của đức hạnh

- A. Nghi ngờ khởi lên từ các bậc học giả
- B. Sự phản bác của họ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A3B. Sự phản bác của họ

1. Hạt giống (chủng tử) không chắc chắn
2. Sự hủy diệt không chỉ có nghĩa là sự trì hoãn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A3B-1. Hạt giống (chủng tử) không chắc chắn

- A. Kết quả không phát sinh do điều kiện như thế nào mặc dù hạt giống vẫn còn ở đó
- B. Ngay cả khi hạt giống chưa bị từ bỏ, kết quả cũng không được tạo ra một khi mà sức chịu đựng đã được chứng đạt

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A3B-2. Sự hủy diệt không chỉ có nghĩa là sự trì hoãn

- A. Hệ quả vô lý
- B. Tương tự, kết quả không được tạo ra mặc dù hạt giống vẫn chưa bị từ bỏ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2A4. Những chi tiết liên quan đến cách chúng bị hủy diệt

- A. Làm thế nào mà kết quả chín muồi hoàn toàn và kết quả tương ứng với nguyên nhân - có thể hoặc không có thể bị hủy diệt
- B. Điều đó dựa hoàn toàn vào Kinh điển
- C. Hai hành động lớn (tạo ra quả bất hạnh và ngăn ngừa quả hạnh phúc) hoạt động như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3A-2B. Những bất lợi có thể nhìn thấy cùng với những nhận xét bổ sung

- A. Không được cảm nhận kinh nghiệm thế nào là sự bình yên trong tâm hồn
- B. Làm thế nào để đạt được sự chắc chắn về những lỗi lầm
Những nhận xét bổ sung

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3B. Phương pháp thực tế để trau dồi hạnh nhẫn

1. Phát triển trau dồi hạnh nhẫn mà bất chấp những nguy hại xảy ra cho mình
2. Phát triển trau dồi hạnh nhẫn chấp nhận khổ đau
3. Phát triển trau dồi hạnh nhẫn hiến dâng cho niềm tin xác tín về Giáo Pháp

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3B-1. Phát triển trau dồi hạnh nhẫn mà bất chấp những nguy hại xảy ra cho mình

- A. Sự thiếu kiềm chế của người phạm lỗi
- B. Sự tức giận đối với người không có tự chủ là không thích đáng
- C. Nguồn dẫn chứng Kinh điển về điều này
- D. Nếu cho rằng đó là nghiệp của chính mình thì sự tức giận sẽ không thích đáng
- E. Do đó, sự phù hợp của bệnh nhân là như thể đó là một cuộc kiểm tra y tế

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1C3B-2. Phát triển trau dồi hạnh nhẫn chấp nhận khổ đau

- A. Chống lại sự ác cảm tuyệt đối đối với khổ đau khi nó khởi lên
- B. Suy tư về những phẩm chất tích cực của chính sự khổ đau
- C. Sẽ không khó khăn nếu như bạn làm quen với khổ đau trong từng bước nhỏ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D. Phương pháp tu tập về sự tinh tấn

- 1. Đặc tính của sự tinh tấn
- 2. Những sự phân loại của nó
- 3. Phương pháp phát triển tinh tấn trong dòng tâm thức liên tục của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D2. Những sự phân loại của nó

- 1. Tinh tấn như áo giáp
- 2. Tinh tấn tích lũy công đức
- 3. Tinh tấn cho việc làm vì phúc lợi của chúng sanh

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3. Phương pháp phát triển tinh tấn trong dòng tâm thức liên tục của bạn

- A. Những lợi ích của của việc thực hành sự tinh tấn
- B. Những bất lợi của sự không thực hành tinh tấn
- C. Phương pháp phát triển sự tinh tấn thật sự
- D. Cách thực hành tinh tấn để có sáu Ba-la-mật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3A. Những lợi ích của của việc thực hành sự tinh tấn

- 1. Sẽ khắc phục được sự phân tâm và đạt được hai sự thành tựu (thành tựu thế gian và thành tựu siêu phàm)
- 2. Những người có khả năng tinh tấn không những chỉ phát triển được những phẩm chất này mà còn được các phi nhân mến mộ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3C. Phương pháp phát triển tinh tấn thật sự

- 1. Những điều kiện bất lợi đối với sự tinh tấn
- 2. Dựa vào những điều kiện thuận lợi đối với sự tinh tấn
- 3. Thân và tâm trở nên tiện ích như thế nào nhờ vào sự tinh tấn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3C-1. Những điều kiện bất lợi đối với sự tinh tấn

- A. Thấy rằng một người có thể thành tựu được các pháp thiện lành nhưng lại không tham gia vào đó

B. Sự nản lòng khi nghĩ rằng: “Làm thế nào tôi có thể thực hiện được bất cứ điều gì như thế?”

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3C-1A. Thấy rằng một người có thể thành tựu được các pháp thiện lành nhưng lại không tham gia vào chúng

1. Chủ đề thực tế
2. Các phép đối trị

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3C-1B. Sự nản lòng khi nghĩ rằng: “Làm thế nào tôi có thể thực hiện được bất cứ điều gì như thế?”

1. Chủ đề thực tế
2. Các phép đối trị

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3C-1B2. Các phép đối trị

- A. Đối trị cho sự chán nản về khía cạnh mục tiêu của sự chứng đạt
- B. Đối trị cho sự chán nản về khía cạnh phương pháp
- C. Đối trị cho sự chán nản về khía cạnh vị trí của sự thành tựu

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1D3C-2. Dựa vào những điều kiện thuận lợi đối với sự tinh tấn

- A. Năng lực của sự thành tâm
- B. Năng lực của sự kiên định
- C. Năng lực của sự hoan hỷ
- D. Năng lực của sự ngừng nghỉ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1E. Phương pháp tu tập thiền định

1. Đặc tính của thiền định
2. Những sự phân loại của nó
3. Phương pháp phát triển thiền định trong dòng tâm thức liên tục của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1E2. Những sự phân loại của nó

- A. Thiền định giúp cho hành giả an trú trong niềm an lạc của thân và tâm trong kiếp này
- B. Thiền định thành tựu những đức hạnh cao quý một cách hiển nhiên
- C. Thiền định mang lại hạnh phúc cho chúng sanh

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1F. Phương pháp tu tập trí tuệ

1. Đặc tính của trí tuệ
2. Những sự phân loại của nó
3. Phương pháp phát triển trí tuệ trong dòng tâm thức liên tục của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1F2. Những sự phân loại của nó

- A. Trí tuệ liễu ngộ Chân đế (tối thượng)

- B. Trí tuệ liễu tri Tục đế (tương đối)
- C. Trí tuệ hiểu biết về phúc lợi của chúng sanh

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1F3. Phương pháp phát triển trí tuệ trong dòng tâm thức liên tục của bạn

- A. Những lợi thế của sự phát triển trí tuệ
- B. Những bất lợi của việc không phát triển trí tuệ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1F3A. Những lợi thế của sự phát triển trí tuệ

1. Đó là cội rễ của những phẩm hạnh cao quý
2. Thực tế là một vị Bồ tát không bị phiền nhiễu bởi những điều kiện tốt hay xấu và thiện xảo trong các pháp môn như Bồ thí v.v. đều dựa vào trí tuệ
3. Một người thâm nhuần trí tuệ có thể thành tựu mà không có sự mâu thuẫn nào - thậm chí với cả những việc mà xuất hiện mâu thuẫn đối với những chúng sanh bình thường
4. Nhị Đế được xem là không mâu thuẫn cũng nhờ vào trí tuệ
5. Sự cho phép và sự cấm đoán là không mâu thuẫn cũng phụ thuộc vào trí tuệ

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1F3B. Những bất lợi của việc không phát triển trí tuệ

1. Lỗi lầm của sự bị tách rời khỏi trí tuệ
2. Những nguyên nhân của trí tuệ và v.v.
3. Phương pháp thực hành trí tuệ Ba-la-mật

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-1F3B-2. Những nguyên nhân của trí tuệ và v.v.

- A. Tầm quan trọng của sự lắng nghe như là một nguyên nhân của trí tuệ
- B. Trí tuệ từ bỏ hai sự chướng ngại (*sở tri chướng* và *phiền não chướng*) cũng phụ thuộc vào sự lắng nghe
- C. Những dấu ấn của sự tu tập theo những lời huấn thị

2B4B-2A2C-2C3A-3C1A-2. Tu tập Tứ nhiếp Pháp để thu thập môn đệ, giúp người khác trưởng thành

- A. Thực thể của Tứ nhiếp pháp trong sự thu thập đệ tử
- B. Lý do của sự trình bày về Tứ nhiếp pháp trong sự thu thập đệ tử
- C. Cần thiết phải dựa trên Tứ nhiếp pháp trong sự thu thập đệ tử

CHƯƠNG 5

THIÊN ĐỊNH VÀ TRÍ TUỆ

Giải thích cụ thể về phương pháp tu tập hai Ba-la-mật sau cùng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2. Phương pháp cụ thể về cách tu tập hai Ba-la-mật sau cùng

- A. Sự chuyên tiếp
- B. Sự giải thích thực tế

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B. Sự giải thích thực tế

1. Những lợi ích của sự trau dồi Thiên định và Trí tuệ
2. Chứng minh rằng cả hai - Định và Tuệ - đều bao gồm tất cả mọi trạng thái định tĩnh của thiền
3. Các đặc tính của Định và Tuệ
4. Lý do vì sao cả định và tuệ cần phải được trau dồi
5. Cách xác định thứ tự của Định và Tuệ
6. Phương pháp tu tập Định và Tuệ một cách riêng biệt

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-1. Những lợi ích của sự trau dồi Thiên định và Trí tuệ

- A. Chứng minh rằng tất cả những phẩm chất cao quý của Đại thừa và Tiểu thừa đều là kết quả của Thiên định và Trí tuệ
- B. Thiết lập nghi ngờ về điều đó
- C. Sự trả lời về điều đó
- D. Lợi ích của việc từ bỏ những gì nên từ bỏ gắn liền với một đoạn Kinh trong Kinh Giải Thâm Mật như thế nào
- E. Do đó, những lợi ích được nêu ra nên được hiểu như là những lợi ích của cả hai - (Định và Tuệ)

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-3. Các đặc tính của Định và Tuệ

- A. Các đặc tính của Định
- B. Giải thích về các đặc tính của Tuệ

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-3A. Các đặc tính của Định

1. Nêu lên một nguồn (*dẫn chứng*)
2. Ý nghĩa của điều nêu lên này

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-3B. Giải thích về các đặc tính của Tuệ

1. Nêu lên một nguồn (*dẫn chứng*)
2. Làm sáng tỏ ý nghĩa của đoạn Kinh
3. Những lời trình bày trong các Kinh và Luận phù hợp với Kinh Giải Thâm Mật như thế nào
4. Do vậy, Định và Tuệ không được phân biệt bằng cách của đối tượng được quán sát

5. Nó không thích hợp để phân biệt Định và Tuệ dựa trên yếu tố sáng suốt của ý thức có mãnh liệt hay không
6. Cần thiết phân biệt giữa tánh Không và sự vô niệm rõ ràng hỷ lạc

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-4. Lý do vì sao cả Định và Tuệ cần phải được trau dồi

- A. Minh họa
- B. Giải thích ý nghĩa
- C. Liên quan của điều này với Kinh điển
- D. Sự thực hiện những điều đức hạnh có năng lực lớn như thế nào một khi mà Định đã được thành tựu

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-5. Cách xác định thứ tự của Định và Tuệ

- A. Trình tự thực tế
- B. Giải thích định là một điều kiện tiên quyết đối với tuệ như thế nào
- C. Thiết lập và ứng phó đối với sự phản đối

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-5B. Giải thích Định là một điều kiện tiên quyết đối với Tuệ như thế nào

1. Thiết lập ra một sự phản đối
2. Trả lời cho điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-5B2. Trả lời cho điều đó

- A. Đối với sự hiểu biết về tánh Không và chỉ một kinh nghiệm về sự chuyển đổi tâm linh khởi sanh thì Thiền định đi trước là không cần thiết
- B. Phương cách mà trong đó Thiền cần phải đi trước Tuệ
- C. Nó mâu thuẫn với những tác phẩm của các bậc đại tiền bối như thế nào khi khẳng định về một thứ tự khác hơn thứ tự này

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-5C. Thiết lập và ứng phó đối với sự phản đối

1. Sự phản đối cho rằng có sự mâu thuẫn trong Kinh điển về điều này
2. Sự ứng phó rằng từ bỏ lỗi lầm chỉ ra sự cần thiết phải phân biệt giữa mức độ thực tế và Thiền định đã bao gồm trong giai đoạn chuẩn bị

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6. Phương pháp tu tập Định và Tuệ một cách riêng biệt

- A. Phương pháp tu tập Thiền định
- B. Phương pháp tu tập về Trí tuệ
- C. Cả hai - Thiền định và Trí tuệ - kết hợp như thế nào
- 3.

Giải thích về phương pháp tu tập Thiền định, đặc tính của Thiền định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A. Phương pháp tu tập Thiền định

1. Chú tâm vào các điều kiện tiên quyết của Thiền định
2. Sự tu tập Thiền định phụ thuộc vào các điều kiện tiên quyết như thế nào
3. Biện pháp để thành tựu sự tập trung định tĩnh thông qua Thiền định (*định tĩnh từ thiền*)²

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A1. Chú tâm vào các điều kiện tiên quyết của Thiền định

- A. Trú ngụ tại một nơi thích hợp
- B. Thiếu dục
- C. Tri túc
- D. Hoàn toàn từ bỏ nhiều hoạt động
- E. Giới luật thanh tịnh
- F. Hoàn toàn từ bỏ những ý tưởng mê lung về sự tham muốn

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2. Sự tu tập Thiền định phụ thuộc vào các điều kiện tiên quyết như thế nào

- A. Chuẩn bị
- B. Sự thực hành thật sự

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B. Sự thực hành thật sự

1. Tư thế Thiền
2. Giải thích về các tiến trình của chính sự Thiền định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2. Giải thích về chính các tiến trình của sự Thiền định

- A. Sự chuyển tiếp
- B. Sự giải thích thật sự

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B. Sự giải thích thật sự

1. Phương pháp phát triển sự *định tĩnh từ thiền* hoàn hảo
2. Các giai đoạn của sự định tĩnh yên bình phát sinh đều phụ thuộc vào đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1. Phương pháp phát triển sự *định tĩnh từ thiền* hoàn hảo

- A. Làm gì trước khi tập trung tâm thức vào đối tượng Thiền
- B. Làm gì trong khi tập trung tâm thức vào đối tượng Thiền
- C. Làm gì sau khi tập trung tâm thức vào đối tượng Thiền

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1A. Làm gì trước khi tập trung tâm thức vào đối tượng Thiền

1. Sự cần thiết phải dựa vào phép đối trị về sự giải đãi ngay từ đầu
2. Giải thích riêng biệt về bốn phép đối trị
3. Nguồn Kinh điển dẫn chứng cho điều này

² *Định tĩnh từ thiền*: nguyên bản tiếng Anh là meditative stabilization nghĩa là một trạng thái định tâm tĩnh lặng đạt được do quá trình thiền định, do vậy ở đây tạm dịch là “*định tĩnh từ thiền*” (lời người dịch)

4. Suy tư về những phẩm chất cao quý của sự *định tĩnh từ thiên* như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B. Làm gì trong khi tập trung tâm thức vào đối tượng Thiên

1. Nhận diện đối tượng của Thiên, nền tảng mà tâm được đặt trên đó
2. Phương pháp điều khiển tâm hướng về phía đối tượng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-1. Nhận diện đối tượng của Thiên, nền tảng mà tâm được đặt trên đó

- A. Trình bày chung về các đối tượng Thiên
- B. Nhận diện các đối tượng Thiên theo những trạng thái đã được nêu ra

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-1A. Trình bày chung về các đối tượng Thiên

1. Trình bày về các đối tượng thực tế
2. Trình bày về việc hành giả nào thì nên chọn đối tượng nào làm đối tượng Thiên định của mình

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-1A1. Trình bày về các đối tượng thực tế

- A. Xác định sự phân loại các đối tượng
- B. Những cá thể riêng biệt này phục vụ cho mục đích đặc biệt như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-1A2. Trình bày về việc hành giả nào thì nên chọn đối tượng nào làm đối tượng Thiên định của mình

- A. Phương pháp mà hành giả chọn đối tượng nào làm đối tượng Thiên của mình
- B. Những khác biệt giữa sự tham đắm mãnh liệt và sự quyên luyến thoáng qua và v.v.

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-1. Nhận diện các đối tượng Thiên theo những trạng thái đã được nêu ra

- A. Giải thích khái quát
- B. Một số bản Kinh đã nêu ra phương pháp thành tựu sự *định tĩnh từ thiên* bằng cách quán chiếu về thân tướng của Đức Như Lai
- C. Chọn nó (*thân tướng của Đức Như Lai*) làm cơ sở cho sự quán chiếu của hành giả một cách phù hợp là có mục đích tuyệt vời như thế nào
- D. Làm thế nào để tạo một dạng thân tướng cho đối tượng của mình
- E. Phương pháp nghiên cứu về nền tảng (*đối tượng*) của sự quán chiếu
- F. Không thể chấp nhận việc thực hành *định tĩnh từ thiên* bằng cách nhìn vào nền tảng (*đối tượng*) của sự quán chiếu bằng một con mắt
- G. Cần phải xác định chỉ một đối tượng duy nhất ngay từ lúc bắt đầu
- H. Biện pháp để có được đối tượng của sự quán chiếu, một khi đã có nó rồi, cần phải tập trung vào chính đối tượng ấy

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-2. Phương pháp điều khiển tâm hướng về phía đối tượng

- A. Trình bày phương pháp không lỗi lầm
- B. Từ bỏ những phương pháp sai lầm
- C. Xác định thời gian của các thời Thiên

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-2A. Trình bày phương pháp không lỗi lầm

1. Xác định hai tính năng của sự *định tĩnh từ thiên* không lỗi lầm
2. Thật là vô lý khi một số người gộp thêm sự hỷ lạc và đại loại như thế khiến nó trở thành ba hoặc bốn đặc tính
3. Nhận dạng về hôn trầm và trạo cử, tầm quan trọng của thiện xảo trong phương pháp duy trì trạng thái *định tĩnh từ thiên* để chấm dứt sự hôn trầm và trạo cử
4. Sự chánh niệm và quán sát nội tâm rất cần thiết như là phương tiện để cho tâm không suy nghĩ mộng lung và rời khỏi đối tượng của nó
5. Tâm được điều khiển hướng về đối tượng Thiên thông qua sự Chánh niệm như thế nào
6. Sự nhận diện về Chánh niệm
7. Sự Chánh niệm một cách liên tục sẽ buộc tâm vào với đối tượng
8. Làm thế nào sự *định tĩnh từ thiên* trở nên bị lỗi không có phương thức kiên định của sự lĩnh hội về một ý thức xác định
9. Ngay cả một người nào đó muốn đạt được trạng thái định tĩnh bằng cách để tâm không suy nghĩ về bất cứ điều gì cũng cần phải phát triển năng lực của Chánh niệm

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-2A6. Sự nhận diện về Chánh niệm

- A. Một nguồn trích dẫn sự nhận diện về đặc tính của Chánh niệm
- B. Những đặc tính của Chánh niệm

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-2A6B.

1. Tính năng đối tượng
2. Tính năng về phương thức lĩnh hội
3. Tính năng của chức năng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-2B. Từ bỏ những phương pháp sai lầm

1. Sự nhận diện một quan niệm sai lầm cần được từ bỏ
2. Loại bỏ nó
3. Thật khó khăn như thế nào đối với *định tĩnh từ thiên* không lỗi lầm với hai đặc tính (*hôn trầm và trạo cử*) phát sinh
4. Làm thế nào để Thiên cân bằng sự căng thẳng và lơ lửng
5. Trình bày những nguồn dẫn chứng cho điều này
6. Lỗi lầm của sự không biết cách áp dụng Chánh niệm
7. Cần thiết phải theo dõi bằng sự quán chiếu nội tâm trong khi giữ đối tượng với sự Chánh niệm
8. Cần phải duy trì sự Thiên định này liên tục với Chánh niệm mà không bỏ quên đối tượng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1B-2C. Xác định thời gian của các thời Thiên

1. Nó được dạy như thế nào trong Giai Trình Thiên

2. Nếu như thời Thiên định dài thì sẽ khó khăn cho người sơ cơ cắt đứt sự hôn trầm và trạo cử
3. Cần phải thực hành phù hợp với khả năng tâm linh của hành giả

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C. Làm gì sau khi tập trung tâm thức vào đối tượng Thiên

1. Làm gì khi hôn trầm và trạo cử xảy ra
2. Làm gì khi thoát khỏi hôn trầm và trạo cử

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1. Làm gì khi hôn trầm và trạo cử xảy ra

- A. Áp dụng phép đối trị cho sự không nhận biết về hôn trầm và trạo cử
- B. Áp dụng phép đối trị cho sự không nỗ lực loại trừ hôn trầm và trạo cử ngay cả khi chúng đã được nhận biết

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1A. Áp dụng phép đối trị cho sự không nhận biết về hôn trầm và trạo cử

1. Xác định những đặc tính của hôn trầm và trạo cử
2. Phương pháp phát triển sự quán chiếu nội tâm để nhận ra chúng trong suốt thời Thiên định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1A1. Xác định đặc tính của hôn trầm và trạo cử

- A. Xác định những đặc tính của trạo cử
- B. Xác định những đặc tính của hôn trầm

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1A1A. Xác định những đặc tính của trạo cử

1. Trình bày một nguồn dẫn chứng
2. Ba đặc tính của nó: đối tượng, phương diện, và chức năng
3. Phương cách mà trạo cử làm gián đoạn tâm an trụ trên đối tượng của nó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1A1A. Xác định những đặc tính của hôn trầm

1. Một số người đã gom hôn trầm và sự ngu đần lại với nhau, điều này đi ngược lại với Kinh điển
2. Sự nhận biết về hai trạng thái này khác nhau như thế nào và nguồn dẫn chứng cho điều đó
3. Ngoài ra, hai điều này không giống nhau bởi vì hôn trầm cũng có đức hạnh
4. Cần hai yếu tố để loại trừ hôn trầm, đó là yếu tố sáng suốt và năng động của tâm trí
5. Cần phải xác định sự hôn trầm phù hợp với Giai Trình Thiên, bởi vì nó chính là lĩnh vực chính của lỗi lầm

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1A2. Phương pháp phát triển sự quán chiếu nội tâm để nhận ra chúng trong suốt thời Thiên định

- A. Nhu cầu phát triển sự quán chiếu nội tâm để nhận ra rằng hôn trầm hay trạo cử có khởi lên hay không

- B. Nếu bạn không dựa vào sự quán chiếu nội tâm thì Thiên định của bạn sẽ xảy ra dưới sự tác động của hôn trầm và trạo cử
- C. Phương pháp duy trì Chánh niệm là điều cần thiết như là một nguyên nhân của sự quán chiếu nội tâm
- D. Cần phân biệt rõ giữa phương pháp duy trì Chánh niệm và quán chiếu nội tâm

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B. Áp dụng phép đối trị cho sự không nỗ lực loại trừ hôn trầm và trạo cử ngay cả khi chúng đã được nhận biết

1. Cần phải có ý định áp dụng phép đối trị
2. Phương cách thực tế của sự áp dụng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B2. Phương cách thực tế của sự áp dụng

- A. Xác định ý định và làm thế nào để ngăn chặn sự hôn trầm và trạo cử
- B. Xác định những nguyên nhân mà dựa trên đó hôn trầm và trạo cử khởi sinh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B2A. Xác định ý định và làm thế nào để ngăn chặn sự hôn trầm và trạo cử

1. Xác định ý định
2. Phương pháp ngăn chặn hôn trầm và trạo cử

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B2A-2. Phương pháp ngăn chặn hôn trầm và trạo cử

- A. Phương pháp ngăn chặn hôn trầm
- B. Phương pháp ngăn chặn trạo cử

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B2A-2A. Phương pháp ngăn chặn hôn trầm

1. Ngăn chặn nó bằng cách tập trung vào điều gì vui vẻ hoặc các tính năng có sinh khí hay đại loại như thế
2. Phương pháp ngăn chặn sự hôn trầm bằng cách đề cao phương thức lĩnh hội của tâm
3. Khả năng nhận thức rõ ràng, sáng suốt về các đối tượng của Thiên định và đại loại như thế để đặc biệt chống lại việc đối tượng trở nên không rõ ràng nếu như trạng thái mơ hồ bao trùm lên tâm trí
4. Cách áp dụng biện pháp khắc phục đặc biệt chống lại sự hôn trầm thô và tế một cách riêng biệt

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B2A-2B. Phương pháp ngăn chặn trạo cử

1. Sự cần thiết nói chung để tập trung vào điều gì đó làm trì trệ như một phép đối trị của trạo cử
2. Cách áp dụng biện pháp khắc phục đặc biệt chống lại sự trạo cử thô và tế một cách riêng biệt

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-1B2B. Xác định những nguyên nhân mà dựa trên đó hôn trầm và trạo cử khởi sinh

1. Những nguyên nhân phổ biến của hôn trầm và trạo cử

2. Những nguyên nhân của hôn trầm
3. Những nguyên nhân của trạo cử
4. Nếu bạn không nỗ lực từ bỏ thậm chí sự hôn trầm và trạo cử vi tế, bạn sẽ không biết cách làm thế nào để thành tựu *định tĩnh từ thiên* thanh tịnh
5. Khi bạn chỉ đơn thuần có các yếu tố về sự định tâm và sáng suốt, nhưng với sự sáng suốt thiếu cường độ mãnh liệt thì sẽ không có hy vọng gì cho sự *định tĩnh từ thiên*

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B1C-2. Làm gì khi thoát khỏi hôn trầm và trạo cử

- A. Vì nó là một sai lầm khi áp dụng những phép đối trị mặc dù hôn trầm và trạo cử đã bị cắt đứt, bạn cần phải áp dụng phép đối trị cho điều đó, sự thanh thản điềm tĩnh tự nhiên
- B. Đó là những gì bạn làm từ khi bạn vượt qua đỉnh cao của sự hôn trầm và trạo cử
- C. Làm thế nào để nhận diện được sự thanh thản vô cùng đó
- D. Trình bày nguồn dẫn chứng cho những giải thích này về phương pháp phát triển *định tĩnh từ thiên* không lỗi lầm
- E. Giải thích ý nghĩa của đoạn Kinh một cách chi tiết
- F. Phương pháp duy trì *định tĩnh từ thiên* này phổ biến như thế nào trong tất cả sự hướng dẫn của Kinh điển và Mật chú

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B2. Các giai đoạn mà trạng thái yên tĩnh phát sinh đều phụ thuộc vào đó

- A. Các giai đoạn của trạng thái yên tĩnh phát sinh
- B. Phương pháp để thành tựu chúng bằng phương tiện của sáu năng lực
- C. Chúng liên quan đến bốn sự chú tâm như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B2A. Các giai đoạn của trạng thái yên tĩnh phát sinh

1. Trụ (*tâm*)
2. Trụ tâm tiếp tục
3. Trụ tâm đắp vá (*không đều đặn*)
4. Trụ tâm chắc chắn
5. Thuần hóa
6. Bình lặng
7. Bình lặng hoàn toàn
8. Nhất tâm
9. Trụ tâm bình thản

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B2B. Phương pháp để thành tựu chúng bằng phương tiện của sáu năng lực

1. Xác định sáu năng lực
2. Những tâm nào được thành tựu bởi chúng trong phương cách nào
3. Vào giai đoạn thứ chín của sự yên tĩnh bạn đã nhập vào trạng thái *định tĩnh từ thiên* dễ dàng như thế nào
4. Chín giai đoạn của sự yên tĩnh cần phải lần lượt được đi trước bởi một giai đoạn sớm hơn
5. Ý nghĩa tóm tắt của những điểm này

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B2B-2. Những tâm nào được thành tựu bởi chúng trong phương cách nào

- A. Năng lực của nghe
- B. Năng lực của suy nghĩ
- C. Năng lực của chánh niệm
- D. Năng lực của quán chiếu nội tâm
- E. Năng lực của tinh tấn
- F. Năng lực của sự hoàn toàn quen thuộc (*ting thông*)

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A2B-2B2C. Chúng liên quan đến bốn sự chú tâm như thế nào

- 1. Các loại thực tế
- 2. Thiết lập sự nghi ngờ về điều đó
- 3. Cần tiếp tục dựa vào sự tinh tấn phù hợp với điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3. Phương pháp để thành tựu *định tĩnh từ thiền* thông qua Thiền định

- A. Xác định đường phân chia giữa việc thành tựu hay không thành tựu *định tĩnh từ thiền*
- B. Trình bày khái quát về phương pháp vượt qua lộ trình tu tập bằng cách dựa vào *định tĩnh từ thiền*
- C. Trình bày phương pháp vượt qua lộ trình thể gian - nói riêng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A. Xác định đường phân chia giữa việc thành tựu được nó hay không

- 1. Trình bày điểm thực tế
- 2. Dấu hiệu của sự có chú tâm vào việc làm sáng tỏ những nghi ngờ

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-1. Trình bày điểm thực tế

- A. Trình bày về việc sự định tĩnh đã thành tựu hay không từ quan điểm của tính nhu nhược đã hoàn toàn đạt được hay không
- B. Trình bày phương pháp mà trong đó sự định tĩnh được thành tựu một khi đã đạt được tính nhu nhược

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-1A. Trình bày về việc sự định tĩnh đã thành tựu hay không từ quan điểm của tính nhu nhược đã hoàn toàn đạt được hay không

- 1. Thiết lập một nghi ngờ
- 2. Trả lời cho điều đó
- 3. Nguồn dẫn chứng
- 4. Mặc dù trước khi đạt được tính nhu nhược, sự *định tĩnh từ thiền* thuộc về cấp độ cõi dục nhưng nó không phải là cấp độ cân bằng thiền trong cõi dục
- 5. Sự *định tĩnh từ thiền* ấy là sự *định tĩnh từ thiền* nhất tâm của cõi dục

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-1B. Trình bày phương pháp mà trong đó sự định tĩnh được thành tựu một khi đã đạt được tính nhu nhược

1. Sự giải thích về tính nhu nhuyễn được nhận diện như thế nào và nó khởi lên như thế nào
2. Trình bày phương pháp thực tế mà trong đó sự định tĩnh được thành tựu một khi đã đạt được tính nhu nhuyễn

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-1B1. Sự giải thích về tính nhu nhuyễn được nhận diện như thế nào và nó khởi lên như thế nào

- A. Sự nhận diện
- B. Ý nghĩa của đoạn Kinh từ Compendium of Knowledge
- C. Nguồn dẫn chứng cho điều đó
- D. Làm thế nào, giữa hai loại tính nhu nhuyễn, tính nhu nhuyễn về tâm là khởi lên đầu tiên
- E. Tính nhu nhuyễn về thân đã khởi lên từ đó như thế nào
- F. Sự khác nhau giữa hai loại này
- G. Giữa hai loại hạnh phúc của tính nhu nhuyễn thuộc về tâm và thân, hạnh phúc của tính nhu nhuyễn thuộc về thân khởi lên đầu tiên

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-2. Dấu hiệu của sự có chú tâm vào việc làm sáng tỏ những nghi ngờ

- A. Dấu hiệu thực tế của sự có chú tâm
- B. Làm sáng tỏ những nghi ngờ

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-2A. Dấu hiệu thực tế của sự có chú tâm

1. Điều này được trình bày trong Thanh Văn Địa như thế nào
2. Một khi sự chú tâm này đã đạt được, nó rất dễ dàng cho sự định tĩnh được trở nên thanh tịnh như thế nào
3. Những lời nêu lên từ Thanh Văn Địa về việc những phẩm chất cao quý khác cũng khởi sanh như thế nào
4. Giải thích ý nghĩa của điều đó
5. Tâm không được hướng đến các dấu hiệu
6. Các suy nghĩ lan man cũng tự chúng giảm dần đi
7. Sự khác biệt giữa điều đó và thời gian sau khi cân bằng Thiền
8. Kinh nghiệm về trạng thái sáng suốt tuyệt vời của tâm thức là những điều giống như thế cũng xảy ra

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3A-2B. Làm sáng tỏ những nghi ngờ

1. Nghi ngờ
2. Làm sáng tỏ nghi ngờ
3. Nếu nó được kết hợp với bất kỳ phương diện nào của ba phương diện chính yếu của đạo lộ, nó sẽ trở thành con đường của sự giải thoát và v.v.
4. Do đó, cần thiết để phân biệt với sự liên quan đến sự hỷ lạc, sáng suốt, và vô khái niệm - cho dù Thiền định được đưa ra có phải là thiền định về tánh Không hay không

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3B. Trình bày khái quát về phương pháp vượt qua lộ trình tu tập dựa trên *định tĩnh từ thiền*

1. Thật vô cùng quan trọng như thế nào để trau dồi Tuệ dựa trên *định tĩnh từ thiên*
2. Hai loại Trí tuệ (*thế gian và siêu thế gian*) được trau dồi như thế nào
3. Làm thế nào *định tĩnh từ thiên* cấu thành nền tảng cho sự tiến bộ của tất cả các thiên sinh Phật tử và phi Phật tử trên lộ trình thực hành
4. Thật không thể chấp nhận được nếu Phật tử chúng ta không có Trí tuệ nhận biết về sự vô ngã
5. Nguồn dẫn chứng cho điều đó
5. Các Thiên sinh của Mật điển Du già tối thượng cũng phải vượt qua lộ trình tu tập dựa trên nền tảng của sự định tĩnh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6A3C. Trình bày phương pháp vượt qua lộ trình thế gian - nói riêng

1. Những đặc điểm của hai loại người sơ cơ được giải thích như thế nào trong Thanh Văn Địa
2. Cần phải phân biệt hai loại này một cách chính xác
3. Thiết lập tính hợp lệ cho sự khác biệt này
4. Sự cần thiết cho người sơ cơ đạt được sự định tĩnh từ sự chú tâm bao gồm trong giai đoạn chuẩn bị của sự tập trung đầu tiên trước khi đạt được sự chú tâm nhận ra các đặc tính một cách riêng biệt bao gồm trong giai đoạn chuẩn bị của sự tập trung đầu tiên

**Giải thích về phương pháp tu tập sự thấu suốt đặc biệt (Tuệ Ba-la-mật),
cốt tủy của trí tuệ**

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B. Làm thế nào để rèn luyện sự thấu suốt đặc biệt (tuệ Ba-la-mật)

1. Dựa trên những điều kiện tiên quyết của Tuệ
2. Phân loại Tuệ
3. Phương pháp trau dồi Tuệ
4. Các biện pháp đã đạt được Tuệ thông qua Thiên định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1. Dựa trên những điều kiện tiên quyết của Tuệ

- A. Trình bày tổng quát về phương pháp dựa trên những điều kiện tiên quyết của Tuệ
- B. Về cụ thể quan điểm được giải quyết như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1A. Trình bày tổng quát về phương pháp dựa trên những điều kiện tiên quyết của Tuệ

1. Dựa vào các bậc Thánh
2. Thỉnh cầu nghe Pháp từ những bậc Thánh
3. Suy tư về Pháp một cách đúng đắn

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1A-1. Dựa vào các bậc Thánh

- A. Sự cần thiết để nghe và suy ngẫm về Kinh điển
- B. Cần phải hành theo phù hợp với một trong số những bậc đại tiên phong
- C. Dựa trên lịch sử của Trung Quán

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1A-1C. Dựa trên lịch sử của Trung Quán

1. Cần phải tìm cầu quan điểm dựa trên hệ thống của ngài Long Thọ
2. Những cách giải thích về ý định của ngài Long Thọ đã xuất hiện như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1A-1C2. Những cách giải thích về chủ ý của ngài Long Thọ đã xuất hiện như thế nào

- A. Sự xác nhận về những bộ Trung Luận chính gốc
- B. Phân tích các thuật ngữ được áp dụng bởi các thế hệ trước
- C. Giá trị của những sự giải thích phù hợp với ngài Yeshe De về các tác giả của Trung Quán Luận và các giai đoạn mà các trường phái Trung Quán - Kinh Lượng Bộ và Trung Quán - Duy Thức xuất hiện
- D. Các thuật ngữ đó không phù hợp với ngài Nguyệt Xứng
- E. Giá trị của các thuật ngữ Y tự khởi và Cụ duyên thì hợp với các học giả của giai đoạn truyền bá sau này
- F. Nền theo những bậc Đạo Sư nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1A-1C2B. Phân tích các thuật ngữ được áp dụng bởi các thế hệ trước

1. Thuật ngữ được áp dụng từ quan điểm cách những thông tục (Tục đế) được thiết lập như thế nào
2. Thuật ngữ được áp dụng từ quan điểm của sự tối hậu (Chân đế) được xác nhận như thế nào
3. Làm thế nào mà những thuật ngữ ấy và ý nghĩa của chúng là tối nghĩa khi thực hiện theo cách mà Chân đế được xác định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1A-1C2F. Nền theo những bậc Đạo Sư nào

1. Xác định rằng sự điều tra của trường phái cựu Kadampa đối với quan điểm theo ngài Nguyệt Xứng là chủ ý của Trường Giả (Long Thọ)
2. Chính ngài Tsongkhapa tự quả quyết rằng hai hệ thống, ngài Phật Hộ và ngài Nguyệt Xứng là những hệ thống chính và sau đó là Thanh Biện Bồ Tát là quan trọng
3. Hai vị Đạo Sư này quan trọng như thế nào về lĩnh vực giải thích ý nghĩa vi diệu

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B. Về cụ thể quan điểm được giải quyết như thế nào

1. Sự nhận diện ra vô minh phiền não
2. Chứng minh rằng đó là gốc rễ của sự xoay vần trong cõi luân hồi
3. Ước nguyện từ bỏ sự chấp thủ vào ngã và tìm cầu quan điểm vô ngã

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-1. Sự nhận diện ra vô minh phiền não

- A. Mặc dù sự tham luyến và đại loại như thế... là trái ngược với kiến thức, chúng không phải là chủ yếu
- B. Mặc dù nói chung vô minh được thừa nhận là chỉ đối nghịch với kiến thức, nhưng ở đây nó đối nghịch với kiến thức nhận biết được rằng không hề có một sự tồn tại thật sự
- C. Giải thích về hai sự lĩnh hội vi tế về ngã và phiền não
- D. Vô minh đặt chồng lên trên những gì tồn tại cố hữu như thế nào
- E. Giải thích chi tiết sự lĩnh hội về ngã

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-1E. Giải thích chi tiết sự lĩnh hội về ngã

1. Sự giải thích rằng sự lĩnh hội của ngã là hai phần
2. Phân biệt về sự lĩnh hội của ngã và quan điểm về uẩn

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-1E1. Sự giải thích rằng sự lĩnh hội của ngã là hai phần

- A. Hai sự lĩnh hội của ngã đều giống nhau trong khía cạnh chủ quan của chúng, nhưng vẫn còn sự khác biệt thông qua các đối tượng quan sát của chúng
- B. Lý do cho việc phân biệt hai sự lĩnh hội về ngã trong phương cách đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-1E2. Phân biệt về sự lĩnh hội của ngã và quan điểm về uẩn

- A. Sự lĩnh hội về một cái tôi, một quan điểm về uẩn, có một người là đối tượng cho sự quán sát của nó
- B. Sự khác biệt giữa những đối tượng được quán sát của hai sự lĩnh hội về sự tồn tại thật sự
- C. Cho thấy rằng phương cách này của việc xác nhận sự lĩnh hội về sự tồn tại thật sự được khẳng định bởi vị cha cao quý và con của ngài (Đức Phật và Bồ tát)

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-2. Chứng minh rằng vô minh phiền não là gốc rễ của sự xoay vần trong cõi luân hồi

- A. Trong khi sự lĩnh hội bẩm sinh về ngã cần phải được thừa nhận như là cội gốc của sự luân hồi, thì sự lĩnh hội do nhân tạo sẽ không thích hợp để được thừa nhận như thế
- B. Vì cách nhận thức bẩm sinh không hề liên quan đến phương thức lĩnh hội do con người thực hiện, do đó nó không giúp ngăn chặn được những phương thức lĩnh hội này
- C. Sự phi lý của việc đoạn trừ những phiền não bẩm sinh bằng cách chỉ đơn thuần bác bỏ những đối tượng của các khái niệm do con người suy nghĩ
- D. Mặc dù hai quan niệm về uẩn và vô minh là cội rễ của luân hồi nhưng không hề có hai cội rễ của luân hồi
- E. Chứng minh rằng vị cha cao quý và người con của ngài (Đức Phật và Bồ Tát) đã khẳng định rằng nhận thức của sự tồn tại thật sự chính là cội rễ của sự luân hồi
- F. Làm thế nào để hiểu các giai đoạn phiền não phát sinh như thế nào từ bộ luận giải Nhận thức Luận Yếu Lược

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3. Ước nguyện từ bỏ sự chấp thủ vào ngã và tìm cầu quan điểm vô ngã

- A. Lý do tại sao bạn theo đuổi quan điểm nhận biết về vô ngã nếu như bạn muốn đoạn trừ vô minh
- B. Phương pháp phát triển quan điểm nhận biết về vô ngã

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3A. Lý do tại sao bạn theo đuổi quan điểm nhận biết về vô ngã nếu như bạn muốn đoạn trừ vô minh

1. Thật là khờ khạo nếu không nỗ lực cho một quan điểm trong sáng khởi lên trong dòng tâm thức liên tục của bạn thay vì chỉ mong ước đoạn trừ vô minh
2. Cho thấy rằng sự nhận thức về ngã cần phải được từ bỏ

3. Chứng minh rằng sự phân tích của Kinh điển và logic học là rất quan trọng cho việc từ bỏ sự nhận thức về ngã
4. Để từ bỏ sự nhận thức về ngã, cần phải bác bỏ đối tượng của nó: lý do cho điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3A2. Cho thấy rằng sự nhận thức về ngã cần được từ bỏ

- A. Nó được dạy trong các bộ Luận giải như thế nào
- B. Nó được dạy trong Kinh điển như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3A2A. Nó được dạy trong các bộ Luận giải như thế nào

1. Nó được bậc xuất chúng Pháp Xứng dạy như thế nào
2. Nó được bậc xuất chúng Nguyệt Xứng dạy như thế nào
3. Đây cũng là ý nghĩa chủ định của bậc Hộ pháp Long Thọ
4. Nó được ngài Thánh Thiên dạy như thế nào
5. Ngài Tịch Thiên cũng dạy phù hợp với điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3A4. Để từ bỏ sự nhận thức về ngã, cần phải bác bỏ đối tượng của nó: lý do cho điều đó

- A. Để từ bỏ sự nhận thức về ngã, cần phải bác bỏ đối tượng của nó
- B. Lý do cho điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3A4B. Lý do cho điều đó

1. Sự tồn tại nói chung của ba phương pháp nhận thức về cái Tôi
2. Cần phải giải quyết rằng điều rất cơ bản đối với khía cạnh nhận thức về sự tồn tại thật sự chính là sự sai lầm trong suy nghĩ, bởi vì nó không hề tồn tại trong cách mà nó được nhận thức
3. Cần hết sức trân quý sự liễu tri về quan niệm của bản chất “như thị”, hãy xem rằng nếu bạn chấm dứt được nhận thức về “sự tồn tại thật sự”, bạn sẽ tránh xa được sự sinh tử luân hồi

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B. Phương pháp phát triển quan điểm nhận biết về vô ngã

1. Những giai đoạn phát triển về hai quan điểm vô ngã
2. Sự phát triển thực tế của hai quan điểm vô ngã trong các giai trình
3. Trình bày về Tục đế và Chân đế

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B1. Những giai đoạn phát triển về hai quan điểm vô ngã

- A. Các giai đoạn
- B. Lý do cho điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B1B. Lý do cho điều đó

1. Sự kiểm chứng thông qua lý luận học
2. Sự kiểm chứng thông qua Kinh điển

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2. Sự phát triển thực tế của hai quan điểm vô ngã trong các giai trình

- A. Giải quyết về nhân vô ngã
- B. Giải quyết về pháp vô ngã

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A. Giải quyết về nhân vô ngã

- 1. Xác định về con người
- 2. Con người vốn không tồn tại

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-1. Nhận diện về con người

- A. Sự nhận diện thực sự về con người
- B. Bình luận về ý nghĩa của Kinh điển dạy rằng “ngã” chỉ đơn thuần được quy gán cho các uẩn
- C. Làm thế nào để thừa nhận rằng con người, một pháp được gán cho, là đối tượng quán sát của nhận thức bẩm sinh về cái “tôi”
- D. Do đó cần phải phân biệt giữa cái ngã tồn tại và cái ngã không tồn tại

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2. Con người vốn không tồn tại

- A. Giải quyết rằng cái “tôi” vốn không tồn tại
- B. Giải quyết rằng cái “của tôi” vốn không tồn tại
- C. Cho thấy rằng, phụ thuộc vào đó, con người xuất hiện như ảo ảnh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2A. Giải quyết rằng cái “tôi” vốn không tồn tại

- 1. Quan điểm nhận thức vô ngã được sinh ra từ bốn điểm thiết yếu là trọn vẹn
- 2. Cụ thể, giải thích rộng thêm về điểm thiết yếu thứ ba và thứ tư

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2A1. Quan điểm nhận thức vô ngã được sinh ra từ bốn điểm thiết yếu là trọn vẹn

- A. Điểm thiết yếu của việc khẳng định đối tượng của sự phủ định
- B. Điểm thiết yếu của việc khẳng định sự tỏa khắp
- C. Điểm thiết yếu của việc thấy rằng con người và các uẩn vốn không được thiết lập như là một thực thể
- D. Điểm thiết yếu của việc thấy rằng con người và các uẩn vốn không được thiết lập như một sự khác biệt về bản chất

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2A1B. Điểm thiết yếu của việc khẳng định sự tỏa khắp

- 1. Nếu một người vốn được thiết lập thì nó hoặc là một hoặc là khác và không có gì vượt lên trên điều đó cả
- 2. Bởi vì sự “đi cùng nhau” và “không không đi cùng nhau” hình thành nên một sự đối lập hoàn toàn trực tiếp, một sự lựa chọn thứ ba cho “một” và “nhiều” đều bị loại trừ

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2A2. Cụ thể, giải thích rộng thêm về điểm thiết yếu thứ ba và thứ tư

- A. Điểm thiết yếu thứ ba: bác bỏ rằng ngã và các uẩn vốn là một
- B. Điểm thiết yếu thứ tư: bác bỏ rằng ngã và các uẩn vốn là khác nhau

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2A2A. Điểm thiết yếu thứ ba: bác bỏ rằng ngã và các uẩn vốn là một

1. Lỗi đầu tiên
2. Lỗi thứ hai
3. Lỗi thứ ba
4. Nó đồng nghĩa với sự khẳng định rằng “ngã” khởi lên và tan rã không phải chỉ đơn thuần một cách thông thường mà là vốn dĩ như vậy
5. Hậu quả là ký ức về những kiếp trước là không thể chấp nhận
6. Thời hạn hiệu lực của trí nhớ trong hệ thống của chúng ta
7. Khi một người nào đó khẳng định rằng chư Phật và chúng sinh bình thường là một, đó là một cái nhìn cực đoan
8. Hậu quả là những hành động đã được thực hiện sẽ bị lãng phí
9. Hậu quả là phải đối diện với những hành động mà mình chưa làm
10. Nếu trước đó và sau này là được thiết lập bằng cách của các thực thể của chúng, thì một sự liên tục đơn độc là điều không thể có được

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2A2B. Điểm thiết yếu thứ tư: bác bỏ rằng ngã và các uẩn vốn là khác nhau

1. Xác định về nguồn dẫn chứng
2. Kết quả rằng nếu hai là khác nhau theo cách của thực thể của chúng, ngã sẽ không có được những đặc điểm của các uẩn
3. Các tam đoạn luận đã được tán đồng khác thì thiết lập rằng, với dấu hiệu không bị pha trộn, nó sẽ không thích hợp để được nhận thức như là nền tảng của cái tên “ngã” hoặc như một “ngã”
4. Kết quả là một cái gì đó khác hơn là những đặc tính của các uẩn sẽ được nhận thức như “ngã” ngụ ý rằng nó không được nhận thức trong phương cách đó
5. Tầm quan trọng của việc đạt được sự chắc chắn về những lý luận như thế

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2B. Giải quyết rằng cái “của tôi” vốn không tồn tại

1. Lý luận đó phủ nhận sự thiết lập cố hữu của “ngã” và cũng phủ nhận sự thiết lập cố hữu của “ngã sở”; các nguồn dẫn chứng cho điều này
2. Cần phải biết rằng, thông qua những lý luận này, tất cả những người khác và ngã sở của họ cũng được thiết lập như là không có sự tồn tại cố hữu

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2C. Cho thấy rằng, phụ thuộc vào đó, con người xuất hiện như ảo ảnh

1. Cho biết ý nghĩa của việc nói: “như một ảo ảnh”
2. Các cách phụ thuộc vào những thứ xuất hiện như ảo ảnh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2C1. Cho biết ý nghĩa của việc nói: “như một ảo ảnh”

- A. Phương cách không lỗi lầm của sự xuất hiện như ảo ảnh
- B. Phương cách sai lầm của sự xuất hiện như ảo ảnh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2C1A. Phương cách không lỗi lầm của sự xuất hiện như ảo ảnh

1. Làm thế nào tất cả các hiện tượng rút cuộc đều là như ảo ảnh không có các dấu hiệu
2. Từ giữa hai cái đều giống như một ảo ảnh, ở đây nó là một vẻ bề ngoài giống như một ảo ảnh
3. Cần phải tập hợp cả hai, một cái tâm thông thường mà vẻ bề ngoài xuất hiện đến với nó hơn là một sự không tồn tại hoàn toàn, và một ý thức lý luận mà đối tượng lóe lên trong tâm trí đối với nó không có sự tồn tại như là cách mà nó xuất hiện
4. Phương cách mà trong đó hiện tượng giống như những ảo ảnh
5. Sự trống không như thế không phải là một sự trống rỗng hư vô, hay là một sự trống rỗng hư cấu của tâm thức, hay là một sự trống không hạn chế, hay đại loại như thế
6. Thiết lập một nghi ngờ rằng sự khẳng định về một cái bóng phản chiếu là trống rỗng về những gì mà nó xuất hiện để tồn tại là một sự khẳng định về sự tồn tại của chúng không có sự tồn tại cố hữu
7. Thậm chí nếu bạn nhận ra rằng cái bóng phản chiếu thì không có gương mặt, điều này không phải là một sự liễu tri về bản chất của nó bởi vì bạn có một nhận thức về sự tồn tại thật sự của cái bóng phản chiếu
8. Lý do tại sao sự tương tự của những cái bóng phản chiếu và những con ngựa, con voi ảo huyền, và v.v. được nêu lên
9. Cần phải phân biệt giữa hai sự nhận thức, rằng sự xuất hiện bề ngoài như là những cái bóng phản chiếu không có những gì mà chúng xuất hiện để tồn tại, và rằng những cái bóng phản chiếu không có sự vốn dĩ thiết lập

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2C1B. Phương cách sai lầm của sự xuất hiện như ảo ảnh

1. Không có khả năng phân biệt “nó là cái này - không phải là cái kia” do một lỗi lầm liên quan đến phạm vi của đối tượng của sự phủ định và hậu quả là sự không tồn tại của đối tượng được phân tích và người phân tích, một sự xuất hiện không rõ ràng và theo thuyết hư vô nhưng không mang ý nghĩa của một ảo ảnh
2. Mặc dù những sự xuất hiện mơ hồ như thế phát sinh tại thời điểm phân tích quan điểm là thường xuyên, chúng không phải là những ảo ảnh của Trung Quán
3. Điểm khó khăn với những sự xuất hiện hoàn toàn tương tự như ảo ảnh là: chúng phải là một tập hợp của cả hai, sự vắng mặt của sự vốn dĩ tồn tại và sự tồn tại chỉ mang nghĩa trên danh từ mà thôi
4. Nếu bạn đang nhầm lẫn về phạm vi đối tượng của sự phủ định và phủ định mọi thứ, ảo ảnh không thể là bất cứ điều gì vượt ra ngoài sùng thờ
5. Mặc dù nó sẽ là một lỗi lầm nếu như chủ thể tồn tại trong gương mặt của ý thức lý luận, nó không phải là một lỗi lầm đối với khía cạnh xuất hiện tương tự như ảo ảnh để để giữ nguyên như là một dấu vết của sự phủ định bởi ý thức đó
6. Do vậy, mặc dù nó là sai đối với việc nhận thức sự “xuất hiện tương tự như những ảo ảnh” như sự tồn tại thật sự với sự trống rỗng của chính chúng, nó không sai đối với việc nhận thức chúng như chỉ đơn thuần là những ảo ảnh
7. Nguồn dẫn chứng cho những điểm này
8. Hơn nữa, ngay cả khi hiện tượng xuất hiện không có các sự chứng ngại thô thiển thì nó cũng không phải là sự xuất hiện tương tự như ảo ảnh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2C2. Cho thấy rằng, phụ thuộc vào đó, con người xuất hiện như ảo ảnh

- A. Sự xuất hiện tương tự như ảo ảnh khởi lên như thế nào
- B. Sự tập hợp của cả hai, ý thức lý luận và một cái tâm bình thường, xảy ra như thế nào
- C. Vì vậy, không cần thiết cho một lý luận riêng biệt đặt để các sự xuất hiện là “tương tự như ảo ảnh”
- D. Làm thế nào mà sự thành tựu (về cái thấy) tương tự như ảo ảnh có thể hoạt động trên bất cứ mọi thứ
- E. Những hướng dẫn về việc tìm kiếm sự chắc chắn của tương tự như ảo ảnh

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2A-2C2E. Những hướng dẫn về việc tìm kiếm sự chắc chắn của tương tự như ảo ảnh

- 1. Làm thế nào để tu tập tánh Không bởi vì cần phải tạo ra sự chắc chắn về khía cạnh của cả hai: sự xuất hiện và sự trống rỗng
- 2. Làm thế nào con người xuất hiện tương tự như ảo ảnh mà không có sự trống không quên lãng của bạn
- 3. Làm thế nào sự tương tự của một hình ảnh trong gương là cần thiết khi những sự diện mạo bề ngoài và sự rỗng không xuất hiện để mâu thuẫn nhau

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B. Giải quyết về pháp vô ngã

- 1. Không có sự khác biệt trong sự vi tế giữa hai đối tượng của sự phủ định, nhưng đúng hơn là có sự khác biệt giữa hai sự vô ngã vì những chủ thể của chúng
- 2. Nó được giải quyết như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B-2. Nó được giải quyết như thế nào

- A. Bác bỏ sự truyền đạt lập luận đã được giải thích trước đó
- B. Bác bỏ bằng những phương tiện của lập luận khác không được giải thích trước đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B-2B. Bác bỏ bằng những phương tiện của lập luận khác không được giải thích trước đó

- A. Trình bày luận cứ của sự phụ thuộc lẫn nhau
- B. Làm thế nào các phi-sản phẩm cũng được thiết lập như một sự tồn tại không thật thông qua những lập luận này và lập luận trước đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B-2B1. Trình bày luận cứ của sự phụ thuộc lẫn nhau

- A. Sự trích dẫn các nguồn dẫn chứng
- B. Giải thích ý nghĩa của đoạn trích dẫn
- C. Tán thán luận cứ của Duyên Khởi vì nó diệt trừ tất cả các quan điểm thua kém
- D. Xác định những chỗ mà quan điểm bị lệch lạc - những cực đoan của sự đề cao và sự phản đối
- E. Cả hai cực đoan đồng thời bị đoạn trừ như thế nào thông qua lập luận của lý Duyên Khởi
- F. Trình bày về Duyên Khởi

- G. Tính đồng nhất và tính bất đồng được thiết lập thật sự đã bị hai cách lập luận của lý Duyên Khởi bác bỏ như thế nào
- H. Sự trình bày về điều này trong những trước tác của Ngài Long Thọ
- I. Nó được tán thán như là một quan điểm mà trong đó sự xuất hiện và Tánh Không được xem như là những đồng hành lẫn nhau
- J. Sự hướng dẫn rằng cần phải phân biệt giữa bốn: sự vốn dĩ tồn tại và sự không tồn tại; sự tồn tại và sự không tồn tại - nói chung

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B-2B1F. Trình bày về Duyên Khởi

- 1. Trình bày sự chia sẻ với trường phái Duy Thức
- 2. Cách trình bày khác thường của Trung Quán về Duyên Khởi

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B-2B1J. Sự hướng dẫn rằng cần phải phân biệt giữa bốn: sự vốn dĩ tồn tại và sự không tồn tại; sự tồn tại và sự không tồn tại - nói chung

- 1. Lời khuyên thực tế
- 2. Bạn sẽ rơi vào hai thái cực nếu như bạn không có sự phân biệt giữa chúng bằng một nguồn dẫn chứng
- 3. Phương cách đoạn trừ hai thái cực
- 4. Chỉ là những thái cực đơn thuần là tồn tại và không tồn tại; và hai thái cực kết hợp với nhau tại những nơi mà quan điểm bị đi sai lệch - chúng không có cùng một ý nghĩa giống nhau
- 5. Những nguồn dẫn chứng cho điều đó
- 6. Sự phân biệt rằng thông qua những cụm từ như: “không tồn tại cũng không không tồn tại” không bị rơi vào hai thái cực - chỉ là sự ấn định trên danh dư sông mà thôi

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B2B-2B2. Làm thế nào các không-sản phẩm cũng được thiết lập như một sự tồn tại không thật thông qua những lập luận này và lập luận trước đó

- A. Chỉ ra rằng ý nghĩa chủ đích trong Kinh Gốc về Trí Tuệ rằng một khi các sản phẩm đã được thiết lập bằng lập luận là không tồn tại thật sự thì các không-sản phẩm cũng được thiết lập một cách dễ dàng là không tồn tại thật sự
- B. Lý do cho điều đó
- C. Làm thế nào để bác bỏ khẳng định rằng các “không-sản phẩm” chẳng hạn như *sự thật* và *sự chấm dứt* là vốn dĩ tồn tại thật sự bằng các phương tiện lý luận về sự phụ thuộc lẫn nhau
- D. Một sự bác bỏ khác bằng phương cách *chúng không phải là một cũng không phải là nhiều*
- E. Sự khẳng định rằng sự trống rỗng của sản phẩm của sự vốn dĩ tồn tại - trong ngay chính bản thân nó - đã là sự trống rỗng thuộc về thuyết hư vô, và bản chất đó được thiết lập như sự tồn tại thật sự - là sự sai lầm về khía cạnh Tánh Không
- F. Nếu sự trống không của một bản chất của chính nó, như vậy có nghĩa là, chính anh ta là trống không về cái bản chất của anh ta, nó cũng sẽ không được chấp nhận bởi một số người chẳng hạn như chủ sở hữu của một luận án cho rằng một hiện tượng nào đó tồn tại thật sự, suy nghĩ “vốn dĩ trống không” và thừa nhận một hiện tượng nào đó là tồn tại thực sự
- G. Cả hai, khẳng định rằng tất cả các hiện tượng đều không có tồn tại thật sự, sự tồn tại thật sự đã bị bác bỏ bằng lý luận; và đề xuất rằng tất cả các hiện tượng đều không có

sự tồn tại thật sự bởi phương cách sai lầm của sự hiểu biết về tánh Không, đều không có ý nghĩa giống nhau

- H. Một nghi ngờ rằng nếu tất cả không-sản phẩm không thật sự tồn tại, điều này sẽ mâu thuẫn với những Kinh điển dạy rằng Niết Bàn là sự thật
- I. Trả lời về điều này: mặc dù Niết Bàn là không đối gạt đối với cái tâm nhìn vào nó bằng trực giác, nhưng nó không phải là cái sự thật mà chịu sự phân tích, do đó không hề có sự mâu thuẫn với những đoạn Kinh điển trên
- J. Thiết lập tính hiệu lực cho điều đó
- K. Mặc dù sự trống rỗng tồn tại, nó không cần phải được thiết lập thật sự, điều này loại bỏ sự mâu thuẫn bị gán buộc với đoạn Kinh từ Tán thán Chân lý
- L. Bạn không thể ngăn chặn sự nhận thức về sự tồn tại thật sự bằng cách tạo ra một sự thật được thiết lập thực sự làm đối tượng Thiên định của bạn

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3. Trình bày về Tục đế và Chân đế

- A. Nền tảng để hai chân lý được phân chia
- B. Số lượng của sự phân chia
- C. Ý nghĩa của việc phân chia chúng theo cách đó
- D. Giải thích ý nghĩa từng sự phân chia riêng biệt

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3C. Ý nghĩa của việc phân chia chúng theo cách đó

- 1. Trình bày những vị trí trước đó
- 2. Chứng minh tính hiệu lực của hệ thống của chính chúng tôi

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D. Giải thích ý nghĩa từng sự phân chia riêng biệt

- 1. Tục đế
- 2. Chân đế
- 3. Dấu hiệu cho thấy số lượng của hai chân lý là xác định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-1. Tục đế

- A. Giải thích ý nghĩa của các từ Tục và Đế
- B. Định nghĩa của Tục Đế
- C. Phân loại

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-1A. Giải thích ý nghĩa của các từ Tục và Đế

- 1. Giải thích ý nghĩa của từ Tục
- 2. Giải thích ý nghĩa của từ Đế

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-1A1. Giải thích ý nghĩa của từ Tục

- A. Ý nghĩa thực tế
- B. Từ bỏ lỗi lầm về điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-1A2. Giải thích ý nghĩa của từ “Đế”

- A. Ý nghĩa thực tế

B. Giải trừ nghi ngờ về điều đó

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-1B. Định nghĩa của Tục Đế

1. Làm thế nào tất cả các hiện tượng đều có hai bản tính, cùng với nguồn dẫn chứng
2. Cho thấy rằng chúng được tìm thấy bằng những nhận thức hợp lệ không giống nhau
3. Cần phải đạt được quan điểm của Trung Quán để xác định cơ sở là một Tục đế
4. Thậm chí nếu ý nghĩa của Tục Đế không được thiết lập cho một tâm thức, điều đó cũng không mâu thuẫn với sự xác định của nó về cơ sở của các đặc tính, chẳng hạn như cái bình
5. Không thể chấp nhận sự thừa nhận rằng những cái bình và đại loại như thế là *thông tục* trong mỗi liên quan đến sự nhận thức của một ý thức thế gian, và là *tối hậu* trong mỗi liên quan với các bậc Thánh
6. Sự cần thiết để phân biệt giữa những cái bình và đại loại như thế với sự tồn tại tự tính của chúng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-1C. Phân loại

1. Những phương cách mà các phái Cự Duyên và Y Tục Khởi thừa nhận đối tượng của phủ định không đồng ý, vì vậy họ không giống nhau trong cách phân biệt của họ về những thông tục đúng và sai
2. Mặc dù sự phân chiếu của gương mặt không phải là Tục Đế trong mỗi liên quan với một người thế gian quen thuộc với từ ngữ, nhưng nó là Tục Đế - nói chung
3. Mặc dù cho rằng ý thức sai lầm không thừa nhận đối tượng thật của sự hiểu biết, nhưng nó giúp thừa nhận một đối tượng giả của sự hiểu biết
4. Những sự thông tục đúng và sai được thừa nhận như thế nào trong mỗi liên quan với thế gian, kèm theo nguồn dẫn chứng
5. Trường hợp ngoại lệ là nhận thức hợp lý thông tục không thể thừa nhận đối lập với phương cách nhận thức liên quan với sự nhiễm ô tạm thời bởi những giáo lý xấu
6. Một ý thức không cần phải bị nhầm lẫn mặc dù nó có sự xuất hiện nhị nguyên

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2. Chân đế

- A. Giải thích ý nghĩa của các từ Chân và Đế
- B. Định nghĩa của Chân Đế
- C. Phân loại

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2A. Giải thích ý nghĩa của các từ Chân và Đế

1. Ý nghĩa thực sự
2. Nó *Chân thật* như thế nào
3. Những ý nghĩa khác của từ *Chân* liên kết với hai chân lý

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2B. Định nghĩa của Chân Đế

1. Định nghĩa thực tế
2. Bác bỏ sự phản đối

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2B1. Định nghĩa thực tế

- A. Làm thế nào để nhận diện định nghĩa của một Chân đế
- B. Nó được khám phá ra như thế nào bởi trí tuệ cao quý không nhiễm ô của cân bằng thiên của một Thánh nhân
- C. Nguồn dẫn chứng cho điều đó
- D. Cho thấy rằng Niết Bàn là Chân Đế
- E. Nó không phải là ý nghĩa chủ định của bộ luận giải Lý luận Lục thập Kệ rằng Niết Bàn là Tục Đế)
- F. Nguồn dẫn chứng cho sự thừa nhận tất cả các hiện tượng bằng năng lực của những tên gọi
- G. Thiết lập như một sự hợp lý rằng một điều gì đó không cần phải được thiết lập một cách thật sự nếu như nó là Chân Đế bởi vì cần phải phân biệt giữa một chân lý đối với một ý thức lý luận và một chân lý đang chịu sự phân tích
- H. Đối với một điều gì đó được thừa nhận là một tồn tại thông thường, nó phải không bị phá hủy bởi bất cứ một nhận thức hợp lý nào
- I. Mặc dù các pháp chỉ được thừa nhận bằng năng lực của thông tục, điều đó không loại trừ được sự thiết lập của chúng bởi một nhận thức hợp lý và v.v.

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2B2. Bác bỏ sự phản đối

- A. Đưa ra sự phản đối
- B. Giải thích sự trả lời

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2B2B. Giải thích sự trả lời

1. Không hề có sự mâu thuẫn, bởi vì ý nghĩa kết hợp với hệ thống này là để chỉ ra rằng một trí tuệ cao thượng biết được phương cách thì sẽ không quán sát những điều thông tục bằng quan điểm của sự nhận thức tối hậu
2. Nguồn dẫn chứng cho điều đó
3. Làm sáng tỏ ý nghĩa của đoạn Kinh đó
4. Kinh tham gia vào Nhị Đế giải thích rằng trong quan điểm của sự nhận thức tối hậu với một bậc cao quý liễu tri được mọi lĩnh vực, sự xuất hiện nhị nguyên sẽ biến mất, nhưng nó không dạy rằng sự tối hậu sẽ không được nhận thức
5. Phương cách nhận thức như thế cũng được nêu ra như thế nào trong Giải thích bình luận của ngài Nguyệt Xứng về Trung Đạo
6. Lời tuyên bố trong Kinh rằng trong thời gian cân bằng thiên không hề có sự dao động của tâm, điều đó thừa nhận rằng không hề có sự dao động của tư tưởng khái niệm
7. Sự đề xuất rằng một Chân đế không phải là đối tượng của kiến thức và đại loại như thế là một điều sai lầm
8. Trong quan điểm của sự cân bằng thiên vô nhiễm, đối tượng và chủ thể không được thừa nhận là riêng biệt
9. Bản chất “như thị” được thực hiện bằng cách ngăn chặn sự dao động của tư tưởng khái niệm
10. Nếu một Đức Phật không nhận thức được các uẩn và đại loại như thế, kiến thức cao quý của Ngài về sự uyên bác mọi lĩnh vực sẽ bị phủ nhận
11. Một bậc cao quý liễu tri được mọi lĩnh vực phải biết được chúng bởi vì chúng xuất hiện đối với vị này bằng sự phong phú đa dạng; do đó có hai cách trong sự xuất hiện của các đối tượng
12. Cách chúng xuất hiện đối với bậc cao quý liễu tri được mọi lĩnh vực khác với cách chúng xuất hiện đối với những người khác như thế nào
13. Nó cũng được nêu lên giống như thế trong Lý luận Lục thập Kệ

14. Mặc dù cả hai chân lý, những đối tượng của chúng là một tính chất, nó không mâu thuẫn để thừa nhận các bậc trí tuệ cao quý riêng biệt trong mối liên quan với chúng
15. Khi cả hai sự nhận thức hợp lệ nhận thức về những đối tượng một cách riêng biệt với quan niệm về nhân hay quả, bạn cần phải biết cái nào trong số hai sự nhận thức đó có hiệu lực hoạt động

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-2C. Phân loại

1. Thực tế là đã xuất hiện nhiều cách phân loại khác nhau của Chân Đế
2. Các bậc Đạo Sư của những thế hệ trước đã giải thích về bản chất của tối hậu được nêu ra trong những bản luận ấy
3. Các bản luận ấy giải thích về hai sự tối hậu không có nghĩa là chỉ để tham khảo các đối tượng mà thôi
4. Làm thế nào để thừa nhận hai ý thức lý luận một cách riêng biệt, sự tối hậu thực sự và những gì phù hợp với nó
5. Liên quan đến quan điểm của những tâm này, cần giải thích hai phương cách về những đối tượng của sự tối thượng
6. Sự tối thượng được khẳng định bởi những người ủng hộ việc thành lập các ảo ảnh bằng ý thức lý luận không phải là sự tối thượng thật sự
7. Không thể chấp nhận để chứng minh rằng những mầm non và đại loại như thế xuất hiện thiếu sự tồn tại thật sự - cùng với sự xuất hiện của nó - thoát khỏi việc trở thành một hay nhiều
8. Phương cách mà các Luận giả Trung Quán - những người ủng hộ sự không tuân thủ hoàn toàn - đã khẳng định rằng sự tối thượng là không phù hợp với cách giải thích của các học giả trước kia
9. Mặc dù sự phủ định của kết quả tối thượng và v.v. không phải là một sự ước lệ (thông thường) nhưng nó không mâu thuẫn với sự chứng minh rằng nó tồn tại một cách ước lệ
10. Một tuyên bố rằng khi một cái gì đó màu xanh xuất hiện, sự trống vắng về sự hiện hữu thật sự của nó cũng xuất hiện đối với nhãn thức - ngụ ý một sự phủ định hoàn toàn. Vì vậy, nó không mâu thuẫn đối với việc không có sự tồn tại thật sự - trở thành Chân Đế
11. Cách thức mà hai ý thức lý luận, khái niệm và không khái niệm, cùng với những đối tượng của chúng, được thừa nhận một cách riêng biệt như là những tối thượng thực sự và hòa hợp như trước

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B1B-3B3D-3. Dấu hiệu cho thấy số lượng của hai chân lý là xác định

- A. Dấu hiệu thực tế
- B. Những nguồn trích dẫn cho điều đó
- C. Thiết lập tính hiệu lực cho nhu cầu trở thành thiện xảo về Nhị Đế

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B2. Sự phân loại của Tuệ

- A. Những điều kiện tiên quyết của Tuệ
- B. Giải thích chủ yếu về Tuệ cần được tra dồi bởi những chúng sanh bình thường
- C. Sự phân loại thực sự

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B2C. Sự phân loại thực sự

1. Trình bày tóm tắt
2. Sự giải thích mở rộng
3. Sự giải thích của những cách phân loại cô đọng

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B2C-2. Sự giải thích mở rộng

- A. Sự giải thích của bốn
- B. Sự giải thích của ba
- C. Sự giải thích của sáu

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B2C-2C. Sự giải thích của sáu

1. Trình bày tóm tắt về sáu trong các thuật ngữ về những đối tượng của Tuệ
2. Sự giải thích riêng lẻ
3. Giải thích về sáu như ba nhóm từ quan điểm của các đối tượng quan sát

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B2C-3. Sự giải thích của những cách phân loại cô đọng

- A. Phương pháp mà trong đó tam môn (three doors) và sáu phương thức tìm kiếm (six search modes) được bao hàm trong bốn bản chất
- B. Có bốn loại chú tâm liên quan đến chúng như thế nào

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3. Phương pháp tra dồi Tuệ

- A. Giải thích ý nghĩa của lời tuyên bố rằng Tuệ được tra dồi trong sự phụ thuộc vào Định
- B. Hệ thống này liên quan đến những lộ trình tu tập nào của Thừa nào - Tiểu thừa hay Đại thừa
- C. Giải thích về phương pháp thực tế để tra dồi Tuệ trong sự phụ thuộc vào Định

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3A. Giải thích ý nghĩa của lời tuyên bố rằng Tuệ được tra dồi trong sự phụ thuộc vào Định

1. Lời tuyên bố trong nhiều nguyên bản cho rằng chúng nên được thực hành theo thứ tự này
2. Những nguyên bản này không nói rằng sau khi Định phát khởi và quán sát về nhiều trạng thái khác nhau, Tuệ chỉ ở trong trạng thái duy trì sự quán sát về vô ngã
3. Khi Định giai đoạn ban đầu được thực hiện, nó không thích hợp để phân tích nhiều khía cạnh thay vì trụ tâm tại một điểm trên đối tượng quán sát
4. Nếu thay vì thiền Chỉ, thiền Quán sẽ được thực hiện bằng những phương tiện mà Định đã đạt được trước đó, sự tập trung nhất tâm rất mạnh mẽ sẽ được thành tựu
5. Phương pháp thật sự của việc thành tựu nó là lý do vì sao có hai phương cách khác nhau trong sự duy trì Định và Tuệ và đặc biệt ngay cả với cùng một đối tượng
6. Năng lực mạnh mẽ của sự tra dồi Tuệ có những khía cạnh của sự an lạc và thô ; và Tuệ có những khía cạnh của vô ngã
7. Làm thế nào vẫn còn có những Tuệ khác quán sát những trạng thái khác nhau
8. Phương cách mà trong đó thứ tự ở đây - trong khi khác với những gì được giải thích trong Giới thiệu về Tuệ Ba-la-mật thì lại phù hợp với sự khẳng định của ngài Tịch Thiên và v.v.

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3B. Hệ thống này liên quan đến những lộ trình tu tập nào của Thừa nào - Tiểu thừa hay Đại thừa

1. Giải thích rằng thủ tục này là chung cho tất cả các Thừa, Đại Thừa và Tiểu Thừa, và nó cũng tương tự ngay cả đối với ba giai đoạn thấp của Mật Thừa
2. Mật điển Du già Tối thượng khẳng định cách đạt được Định và Tuệ thông qua phương pháp Yoga của Chỉ và Quán, quán về duy thức, bản chất và v.v.
3. Yêu cầu mà ngay cả trong bối cảnh của Mật điển Du già Tối thượng, phương pháp để phát triển sự hiểu biết về quan điểm phù hợp với những nguyên bản của Trung Quán, và sự vi tế rằng mặc dù nó cần thiết, trong quá trình hoàn thành giai đoạn cân bằng thiền, đặt tâm vào tâm quán sát, không hề có thiền quán nào được thực hiện

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3C. Giải thích về phương pháp thực tế để tra dồi Tuệ trong sự phụ thuộc vào Định

1. Cần phải tìm ra *quan điểm*
2. Tóm tắt những điểm thiết yếu về cách làm thế nào để duy trì *quan điểm*

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3C-2. Tóm tắt những điểm thiết yếu về cách làm thế nào để duy trì *quan điểm*

- A. Cách thực tế để duy trì *quan điểm*
- B. Những phương pháp để duy trì *quan điểm* được nêu ra bởi các Thành Tựu Giả chẳng hạn như ngài Atisa
- C. Những chi tiết cụ thể - sự chuẩn bị, sự kết thúc, và v.v. của sự duy trì Tuệ

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3C-2A. Cách thực tế để duy trì *quan điểm*

1. Sự cần thiết cho cả hai - thiền Quán và thiền Chỉ
2. Sự cần thiết để thay thế thiền Quán và thiền Chỉ
3. Thiền Chỉ cần thiết như thế nào nếu như khía cạnh định tĩnh trong sự thiền định của một người bị suy giảm đi do gia tăng sự phân tích; và sự phân tích cần thiết nhiều hơn như thế nào nếu nó bị giảm đi do sự gia tăng của thiền Chỉ
4. Nó không thích hợp để ngăn chặn thiền Quán, cho rằng tất cả các khái niệm nhận thức của các dấu hiệu là những sự nhận thức về sự tồn tại thực sự
5. Không những chỉ có vậy, mà nó còn không thích hợp để suy nghĩ rằng, khi sự tối thượng được chọn làm đối tượng, bất cứ điều gì tâm nhận thức là một sự nhận thức của những dấu hiệu mặc dù điều này không được khẳng định đối với sự nhận thức về những đối tượng thông tục
6. Bác bỏ sự phản đối

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3C-2A6. Bác bỏ sự phản đối

- A. Sự phản đối
- B. Sự trả lời

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3C-2A6B. Sự trả lời

1. Trí tuệ vô khái niệm khởi sinh từ sự nghiên cứu cá nhân như thế nào

2. Nếu bạn phân tích theo cách này, trí tuệ vô khái niệm sẽ phát sinh; nó không khởi sinh bởi vì bạn chỉ đơn thuần từ bỏ sự chú ý tinh thần
3. Sẽ rất là ngớ ngẩn nếu nguyên nhân và kết quả phải giống nhau trong mọi khía cạnh
4. Những đoạn trong Tiểu luận về Tâm Giác Ngộ của ngài Long Thọ và v.v. quở trách về việc chấp chặc vào các khái niệm như đối tượng của một cuộc nghiên cứu và người nghiên cứu biểu lộ sự phản bác về việc chấp chặc vào sự tồn tại thực sự nhưng họ không bác bỏ trí tuệ của sự nghiên cứu cá nhân
5. Tương tự như vậy, những lời tuyên bố trong Kinh liên quan đến những dấu hiệu cũng ngụ ý những dấu hiệu được thiết lập thực sự như thế nào
6. Nếu không nó sẽ mâu thuẫn với sự tán thán trong các Kinh điển về việc phân tích Tánh Không bằng Trí tuệ
7. Ngài Long Thọ và ngài Nguyệt Xứng đã tán thán sự nghiên cứu cá nhân và sự phân tích về ý nghĩa của vô ngã như là nguyên nhân của sự giải thoát hoàn toàn
8. Ý nghĩa của Chân ngôn Không-Khái niệm cũng không chỉ đơn thuần là từ bỏ hoạt động tâm thức; nó ngụ ý sự nghiên cứu bằng những phương tiện của Trí tuệ và tiếp theo là sự định tĩnh của tâm thức thoát khỏi đối tượng quán sát của việc nhận thức về sự tồn tại thực sự
9. Trong Bảo Vân Giai Trình Thiền được trích dẫn và cho biết có nghĩa là một người nhập vào sự vô dấu hiệu (signlessness) chỉ thông qua thiền Quán về ý nghĩa Tánh Không và không chỉ bằng cách đơn thuần là từ bỏ sự chú ý tinh thần
10. Lời khuyên rằng bạn cần phải hiểu các phương pháp mà Giai Trình Thiền bác bỏ những lời tuyên bố xấu của Hashang - người Trung Quốc, những sự khẳng định rằng một người nhập vào *vô khái niệm hoàn toàn* bằng việc từ bỏ sự chú ý tinh thần

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B3C-2B. Những phương pháp để duy trì *quan điểm* được nêu ra bởi các Thành Tựu Giả chẳng hạn như ngài Atisa

1. Các bậc Đạo Sư phái Kadam trong quá khứ đã giải thích ý nghĩa chủ đích của ngài Atisa như thế nào
2. Giữa hai trường phái, Trung Quán và Duy Thức, Atisa đã tán thán ngài Long Thọ và những người con tinh thần của ngài. Những sự giải thích và lời dạy khẩu truyền của ngài là tán đồng với bậc Đạo Sư Liên Hoa Giới

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6B4. Các biện pháp đã đạt được Tuệ thông qua Thiền định

- A. Cho thấy rằng nó đã được thành tựu khi tính nhu nhuyễn phát sinh thông qua thiền Quán
- B. Chỉ đơn thuần là tính nhu nhuyễn của Định thì chưa đủ
- C. Nguồn dẫn chứng cho một thực tế rằng đó là biện pháp để đạt được Tuệ
- D. *Định tĩnh từ thiền* kiên cố được xảy ra khi tính nhu nhuyễn được mang lại do sự phân tích
- E. Do vậy, những quan niệm sai lầm về điều này là không thể chấp nhận được

Giải thích về sự hợp nhất của Định và Tuệ

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6C. Sự hợp nhất của Định và Tuệ

1. Sự giải thích thực tế
2. Lời khuyên về sự từ bỏ các lỗi lầm và tìm đến với sự hiểu biết phù hợp với những Kinh điển xác thực cũng như sự tóm tắt về nội dung của lộ trình tổng quát

2B4B-2A2C-2C3A-3C2B-6C1. Sự giải thích thực tế

- A. Để cho Định và Tuệ hợp nhất với nhau thì cả Định và Tuệ cần phải được thành tựu
- B. Sự thành tựu của Tuệ và sự thành tựu của sự hợp nhất là đồng thời xảy ra
- C. Một đoạn Kinh liên quan đến sự hợp nhất của Định và Tuệ nói rằng cả hai cần phải được hợp nhất trong sự cân bằng về sức mạnh (năng lực)
- D. Nguồn dẫn chứng cho thời gian khi sự hợp nhất được thành tựu
- E. Một nguồn dẫn chứng nói rằng vào thời điểm sự nghiên cứu dẫn đến Định, Định và Tuệ đồng thời hợp nhất trong sự kết hợp lẫn nhau
- F. Mặc dù sự phân tích và sự định tĩnh là nối tiếp nhau, không đồng thời, chúng sẽ hoạt động trong thể tương liên một khi mà chúng đã được hợp nhất

2B4B-2B. Sự tóm tắt ngắn gọn về các chủ đề của lộ trình tổng quát³

1. Thủ tục chung
2. Sự khác nhau giữa Thiên định có đánh trúng đích hay không và làm thế nào để xuyên thấu được cốt lõi thông qua tư tương thấu đáo
3. Lời khuyên rằng sự thực hành của bạn không nên trở thành phiên diện

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN

Phương pháp tu tập trong Vô thượng Thừa - Kim Cang Thừa

2B4B-2A2C-2C3B. Đặc biệt làm thế nào để tu tập trong Kim Cang Thừa

1. Lời khuyên để đảm bảo và tham dự vào Mật chú
2. Điều thiết yếu là phải nương tựa vào một vị Thầy tâm linh khi bạn tham dự vào Mật chú
3. Nhập môn. Nhận lễ quán đảnh, và tầm quan trọng của việc bảo vệ các giới nguyện và những lời cam kết của mình
4. Phương pháp tu tập trong những lộ trình của sự thuần thực và giải thoát
5. Phương cách để làm cho sự an lạc và thuận duyên của bạn trở nên có ý nghĩa

3. Kết thúc của phân luận giải (hồi hướng)

A. Luận giải được trước tác như thế nào

B. Hồi hướng công đức của sự trước tác

C. Phương cách tác giả đặt các nguyên bản (Kinh, luận) lại với nhau

3A. Luận giải được trước tác như thế nào

1. Giải thích về sự vĩ đại của những lời giảng dạy
2. Mục đích của việc viết một bộ luận giải có những phẩm chất tuyệt vời như thế

³ Đoạn này do ngài Trijang Rinpoche tìm thấy trong chương đầu tiên ở mục 2B4B-2, tuy nhiên ngài Tsongkhapa gắn đoạn này ở đây mà không bù vào từ phía trên, và sau đó tiếp tục đại cương với: “Đặc biệt làm thế nào để tu tập trong Kim Cang Thừa”, do vậy sự đánh số thứ tự thì không liên tục ở đây.

3. Chỉ dẫn các nguồn: những lời giảng dạy mà từ đó các chủ đề của bộ luận này được truyền đạt

3A1. Giải thích về sự vĩ đại của những lời giảng dạy

- A. Sự vĩ đại rằng, nói chung, tất cả các kinh điển của Kinh xuất hiện như những lời hướng dẫn (để thực hành)
- B. Sự vĩ đại rằng, đặc biệt, tất cả các điểm thiết yếu của các lộ trình được chia sẻ bởi Kinh điển và Mật chú đều được làm sáng tỏ
- C. Sự vĩ đại của việc tháo gỡ những sai lầm về *định tinh từ thiên* của Du-già (Yoga) thông qua sự giải thích rõ ràng về phương pháp thành tựu Thiên phổ biến cho cả Phật tử và không phải Phật tử

3A2. Mục đích của việc viết một bộ luận giải có những phẩm chất tuyệt vời như thế

- 3A3. Chỉ dẫn các nguồn: những lời giảng dạy mà từ đó các chủ đề của bộ luận này được truyền đạt

Lời cầu nguyện cho sự thuần khiết của các ấn phẩm



(Mọi sai sót là do người dịch. Xin hồi hướng tất cả công đức cho Mẹ Chúng Sinh muôn loài.)

.....